

Số: 619 /VTVcab-CBTT

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam
- Mã chứng khoán: CAB
- Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Email: vanphongtct@vtvcab.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Bổ sung tài liệu và toàn văn tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang tin điện tử của Công ty vào ngày 21/06/2024 tại đường dẫn: <http://dichvu.vtvcab.vn/tin-tuc-khuyen-mai/co-dong>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Tài liệu đính kèm:

- Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024


CHỦ TỊCH HĐQT
Vũ Hải Thanh

Số: 66 /TB-VTVcab

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2024

THÔNG BÁO
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, cụ thể như sau:

- **Thời gian:** 8h30 ngày 26/06/2024 (Thời gian đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông: Từ 8h00 đến 8h30 ngày 26/06/2024).

- **Địa điểm:** Phòng họp 3.1- Tòa nhà VTV số 3/84 Ngọc Khánh, Ba Đình, HN.

- **Đối tượng dự họp:** Cổ đông của Công ty Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam có tên trong danh sách cổ đông được chốt tại ngày 29/05/2024.

- **Chương trình Đại hội:** Theo chương trình nghị sự đính kèm.

- **Tài liệu phục vụ Đại hội:** Các tài liệu phục vụ Đại hội đề nghị Quý Cổ đông tham khảo tại đường dẫn: <http://dichvu.vtvcab.vn/tin-tuc-khuyen-mai/co-dong>

- **Xác nhận tham dự Đại hội:**

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự và gửi về BTC ĐHĐCĐ trước ngày 23/06/2024 (Giấy ủy quyền và giấy xác nhận tham dự theo mẫu đính kèm). Quý cổ đông tự túc chi phí đi lại.

Các đề xuất của Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền về nội dung Chương trình Đại hội xin vui lòng gửi văn bản về Văn phòng- Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam trước ngày 23/06/2024.

Lưu ý: Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho tổ chức/cá nhân khác.

- **Mọi thông tin liên quan đến đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:**

Văn Phòng - Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 6- Tòa VTV- Số 3/84 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 024 36893689

Email: vanphongtct@vtvcab.vn

Trân trọng thông báo!

Lưu ý: Khi đến tham dự đại hội, đề nghị Quý cổ đông mang theo: Giấy mời họp, CMND hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu có giá trị sử dụng tại thời điểm diễn ra Đại hội, Giấy ủy quyền (Nếu là người được cá nhân ủy quyền)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Hải Thanh

CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Thời gian: 08h30 ngày 26/06/2024

Địa điểm: Phòng họp 3.1, tòa nhà VTV, số 3/84 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

	- Đón tiếp đại biểu và khách mời
08h00-08h30	- Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông/Đại diện cổ đông dự họp - Phát tài liệu cổ đông
08h30-09h00	- Khai mạc phiên họp ĐHĐCĐ, giới thiệu Đại biểu - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông - Thông qua Ban chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu - Thông qua chương trình nghị sự và Quy chế làm việc ĐHĐCĐ
	Các Báo cáo, Tờ trình trình ĐHĐCĐ phê duyệt:
09h00-10h00	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị - Báo cáo hoạt động của Ban điều hành - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát - Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán - Báo cáo thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2023, kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BDH, BKS - Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2024; Kế hoạch đầu tư năm 2024 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 - Tờ trình sửa đổi Điều lệ - Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT - Tờ trình sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ - Tờ trình về tăng vốn Điều lệ
10h00-10h45	- Đại hội tiến hành thảo luận về các nội dung nghị sự - Thực hiện biểu quyết các nội dung nghị sự
10h45-11h00	- Giải lao
11h00-11h30	- Công bố kết quả biểu quyết các nội dung trình Đại hội - Thông qua Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông
11h30	- Bế mạc Đại hội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2024

**PHIẾU XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM**

Kính gửi: Công ty cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam

Cổ đông:

Số CMND/ĐKDN:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số cổ phần hiện đang nắm giữ:

Xin xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam vào ngày 26 tháng 06 năm 2024.

Xin trân trọng cảm ơn!

CỔ ĐÔNG

(Ký xác nhận và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM**

1. NGƯỜI ỦY QUYỀN

Tên cá nhân/Tổ chức: _____

Số CMND/ĐKDN: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Địa chỉ thường trú/Trụ sở: _____

Hiện đang sở hữu số cổ phần của Công ty cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam là: _____ cổ phần.

2. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Tên cá nhân/Tổ chức: _____

Số CMND/ĐKDN: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

- Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam vào ngày 26/06/2024
- Thực hiện quyền phát biểu, biểu quyết tất cả những vấn đề tại Đại hội với _____ cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam vào ngày 26/06/2024.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này. Khi đến tham dự Đại hội, Người ủy quyền mang theo CMND hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu có giá trị sử dụng tại thời điểm diễn ra Đại hội và Giấy ủy quyền này để làm thủ tục kiểm tra tư cách Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ, Quy định của Công ty Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2024

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cấp Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng công ty).

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

3.1. Điều kiện tham dự

Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tham dự Đại hội do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày 29/05/2024, được quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.

3.2. Quyền của các cổ đông /người được ủy quyền hợp lệ đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội;
- Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Ban tổ chức Đại hội công khai toàn bộ nội dung chương trình, tài liệu Đại hội trên trang web của Tổng công ty theo đường dẫn: <http://dichvu.vtvcb.vn/tin-tuc-khuyen-mai/co-dong>. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội;
- Tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phải mang theo Thư mời họp, Giấy tờ tùy thân (CMND, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu) còn giá trị sử dụng tại thời điểm diễn

ra Đại hội và Giấy ủy quyền (đối với trường hợp được ủy quyền) cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận tài liệu Đại hội.

- Các cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết;
- Các cổ đông có quyền đưa ra ý kiến của mình về các nội dung của Đại hội tại phần thảo luận bằng cách giơ tay/Thẻ Biểu quyết để phát biểu hoặc ghi câu hỏi ra giấy;
- Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt/nội dung biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3.3 Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội theo quy định của Tổng công ty và quy định của Pháp luật, Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội;
- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này;
- Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội;
- Nghiêm túc tuân thủ theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội, chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức Đại hội cử
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp theo quy định tại Khoản 3.2 Điều 3 Quy chế này;
- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Ban Chủ tọa

5.1. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty làm Chủ tọa Đại hội. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:

- Chủ trì, điều khiển Đại hội, Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự;
- Quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội;
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung, chương trình của Đại hội;

- Trình Dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Tri hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu nhận thấy rằng:
- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- 5.2. Ban chủ tọa do Chủ tọa đề cử và được thông qua tại Đại hội bằng Thẻ biểu quyết. Ban Chủ tọa có chức năng giúp Chủ tọa điều hành Đại hội

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

- Ban thư ký gồm 01 trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được thông qua tại Đại hội bằng Thẻ biểu quyết.
- Ban Thư ký thực hiện các công việc ghi chép nội dung chương trình Đại hội, lập Biên bản, Nghị quyết Đại hội một cách đầy đủ, trung thực các nội dung và diễn biến của Đại hội, các ý kiến phát biểu tại Đại hội, tổng kết của Chủ tọa Đại hội và trợ giúp theo phân công của Ban chủ tọa.
- Trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu gồm 01 trưởng ban và các thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.
- Ban kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, thực hiện việc kiểm đếm số biểu quyết theo từng loại: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết;
- Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông, đại diện được ủy quyền cổ đông với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu
- Báo cáo kết quả kiểm phiếu (Biên bản kiểm phiếu) một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội;
- Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Ban Thư ký Đại hội;
- Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác

CHƯƠNG III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8: Điều kiện và cách thức tiến hành họp Đại hội

- Cuộc họp Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được mời dự họp.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là

các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội lần thứ nhất.

- Cuộc họp Đại hội sẽ được tổ chức trong một buổi theo lịch cụ thể do Ban tổ chức Đại hội thông báo.

Điều 9: Điều kiện thông qua các nghị quyết của Đại hội

- Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành:

- + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại
 - + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh
 - + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty
 - + Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty;
 - + Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty
- Các nghị quyết khác của Đại hội được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành.

Điều 10: Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

- Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay tại phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.
- Trường hợp chương trình thay đổi so với nội dung kèm thông báo mời họp hoặc nội dung đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, các thay đổi phải được Đại hội thông qua.

Điều 11: Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải giơ tay/Thẻ biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội với Ban Chủ tọa qua Ban Thư ký Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi. Khi Chủ tọa chỉ định ai thì người đó phát biểu. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 12: Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội

12.1. Các quy định chung về biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

- Mỗi cổ đông đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát trực tiếp: một (01) Thẻ biểu quyết và một (01) Phiếu biểu quyết có ghi mã số đại biểu số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện có đóng dấu treo của Tổng công ty dùng để biểu quyết các nội dung theo chương trình Đại hội.

12.2. Phương thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông/đại diện ủy quyền giơ Thẻ biểu quyết lên cao biểu quyết theo từng nội dung được đưa ra trước Đại hội theo trình tự:

- Tán thành với nội dung vừa được trình
- Không tán thành với nội dung vừa được trình
- Không có ý kiến với nội dung vừa được trình

12.3. Phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Trong phiếu biểu quyết có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành và không có ý kiến với từng nội dung cần biểu quyết. Cổ đông/đại diện ủy quyền đánh dấu “X” hoặc “√” vào ô đã chọn. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung thuộc Báo cáo/Tờ trình tại Đại hội.

12.4. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa. Cào sửa, thay đổi các nội dung in ấn

- Phải có chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền tham dự.

- Đối với mỗi nội dung biểu quyết (báo cáo, Tờ trình): Phiếu có chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

* Phiếu biểu quyết không hợp lệ: Là các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ. Tuy nhiên, các nội dung còn lại được biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

12.5. Ghi nhận kết quả biểu quyết: Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ ghi nhận, kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung thông qua tại Đại hội. Đồng thời chịu trách nhiệm thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội.

CHƯƠNG IV: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13: Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

- Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 phải được Ban Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản cuộc họp.

- Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu lại tại Tổng công ty.

Biên bản và Nghị quyết Đại hội được đăng tải trên website của Tổng công ty

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và có hiệu lực ngay tại Đại hội.

Nơi nhận:

- Cổ đông VTVcab;
- Lưu: VT



Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2024

Số: 02/BC-HĐQT

Dự thảo

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT) theo các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam, HĐQT xin gửi tới Quý cổ đông báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 của Công ty gồm các nội dung chính như sau:

Phần 1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2023.

1. Đặc điểm, tình hình chung

Trước thực trạng cạnh tranh quyết liệt diễn ra ở nhiều lĩnh vực của thị trường truyền hình trả tiền hiện nay như cạnh tranh về thị phần, giá cả dịch vụ, công nghệ, bản quyền... để đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển mạnh và bền vững, VTVcab đã xây dựng và triển khai các giải pháp phù hợp, kịp thời để tiếp tục giữ vững và củng cố thành quả đã đạt được trong những năm vừa qua. Theo đó, VTVcab chú trọng tập trung đầu tư cho 3 lĩnh vực trọng tâm: sản xuất nội dung, phát triển nền tảng công nghệ, giữ vững và phát triển truyền hình cáp.

Tuy nhiên, năm 2023, kết quả kinh doanh của VTVcab cũng bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan. Doanh thu dịch vụ truyền hình cáp có xu hướng giảm do cạnh tranh gay gắt của các nhà cung cấp cũng như chuyển dịch của khách hàng đối với các dịch vụ mới. Thêm vào đó, trong thời gian vừa qua, hầu hết các đối tác đều chịu ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh covid 19 của những năm trước nên gặp nhiều khó khăn về tài chính, kinh doanh, nhiều đơn vị phải tạm ngưng hoặc giảm quy mô sản xuất, cắt giảm chi phí, nhân công, không có dòng tiền hoạt động... nên ảnh hưởng đến kế hoạch hợp tác và thanh toán hợp đồng cho VTVcab; Tuy nhiên, công ty Điện lực lại tăng đơn giá thuê cột; chi phí bản quyền các chương trình tăng... Các yếu tố này đã tác động không nhỏ đến tình hình kinh doanh, phát triển thuê bao và doanh thu, chi phí của Tổng Công ty.

2. Kết quả thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Ngày 22/06/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã ra Nghị quyết số 09/NQ-VTVcab phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Tổng Công ty. Trong

quá trình hoạt động, căn cứ kết quả đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh ước thực hiện năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-VTVcab ngày 11/01/2024 thông qua chủ trương về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh. So với kế hoạch năm 2023 đã điều chỉnh, tổng doanh thu năm 2023 đạt 103,96%, tổng chi phí năm 2023 đạt 104,38%, lợi nhuận trước thuế TNDN đạt 80%; lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 84,39%.

Số liệu chi tiết như sau:

(Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023 đã được ĐHCĐ phê duyệt (*)	Kế hoạch 2023 sau điều chỉnh (**)	Thực hiện năm 2023 (***)	Thực hiện năm 2022 (***)	Tỷ lệ thực hiện năm nay so với KH điều chỉnh	Tỷ lệ thực hiện năm nay so với năm trước
1	2	3	4	5	6=4/3	7=4/5
1. Tổng doanh thu	2.300.000	2.070.000	2.151.959	2.342.653	103,96%	91,86%
2. Tổng chi phí	2.214.200	2.034.520	2.123.574	2.257.432	104,38%	94,07%
3. Lợi nhuận trước thuế TNDN	85.800	35.480	28.384	85.221	80,00%	33,31%
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	68.640	28.384	23.952	68.845	84,39%	34,79%
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân			3,70%	10,66%		
6. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân			1,30%	3,85%		

Nguồn số liệu:

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 09/NQ-VTVcab của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ban hành ngày 22/06/2023.

(**) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-VTVcab của Hội đồng quản trị ngày 11/01/2024.

(***) Căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng của VTVcab năm 2022, 2023 đã được kiểm toán.

Nguyên nhân: Năm 2023, doanh thu dịch vụ truyền hình giảm so với năm 2022 do sự sụt giảm đáng kể của số lượng thuê bao truyền hình; doanh thu quảng cáo giảm mạnh do xu hướng chuyển dịch từ các hình thức quảng cáo theo phương thức truyền thống trên truyền hình sang hình thức quảng cáo trên các phương tiện khác như mạng xã hội, báo điện tử và các nền tảng khác; doanh thu cung cấp bản quyền, dịch vụ khác cũng có xu hướng giảm do các đối tác gặp khó khăn đề nghị VTVcab giảm phí. Mặc dù Tổng Công ty đã áp dụng các biện pháp để tiết kiệm chi phí thường xuyên, thoái vốn tại các đơn vị hoạt động chưa hiệu quả, thực hiện nhiều biện pháp để thu hồi công nợ, giảm dự phòng đầu tư tài chính và dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tuy nhiên do một số khoản chi

phí cố định không cắt giảm được, một số khoản chi phí phát sinh tăng như chi phí bản quyền, chi phí thuê cột điện dẫn đến lợi nhuận trước và sau thuế TNDN chỉ đạt 80% và 84,39% so với kế hoạch năm 2023 đã điều chỉnh.

2.2. Về thực hiện quỹ tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành:

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, VTVcab hoàn thành 104% doanh thu và 80% lợi nhuận kế hoạch sản xuất kinh doanh điều chỉnh do chủ sở hữu giao. Tuy nhiên, doanh thu năm 2023 giảm, đạt 92% so với năm 2022; Chi phí năm 2023 giảm, bằng 94% so với chi phí năm 2022. VTVcab đã áp dụng các biện pháp giảm chi phí Mặc dù vậy, nhiều khoản chi phí cố định không cắt giảm được, một số khoản chi phí thực tế phát sinh tăng như chi phí bản quyền, chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí thuê cột điện...dẫn đến lợi nhuận trước thuế của năm 2023 chỉ đạt 33% so với năm 2022.

Do đó, theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước, Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam đã báo cáo giải trình phương án loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động và lợi nhuận khi xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và người quản lý công ty năm 2023, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương TH 2023 theo tỷ lệ hoàn thành lợi nhuận TH/KH	Mức thù lao TH 2023	Tổng quỹ lương TH 2023	Tổng quỹ thù lao TH 2023
I	Người đại diện vốn của Đài THVN tại VTVcab/Thành viên HĐQT					
	Chủ tịch HĐQT	1,17	41.350.758		580.564.649	
	Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT	1	42.140.907		505.690.887	
	Thành viên HĐQT	1	38.948.180		467.378.161	
II	Thành viên Ban Điều hành					
	Phó Tổng Giám đốc	4,92	30.556.095		1.804.031.829	
	Kế toán trưởng	1	34.989.576		419.874.918	
III	Thành viên Ban Kiểm soát					
	Trưởng ban Kiểm soát	1	34.800.000		417.600.000	
	Kiểm soát viên chuyên trách	2	19.200.000		460.800.000	

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương TH 2023 theo tỷ lệ hoàn thành lợi nhuận TH/KH	Mức thù lao TH 2023	Tổng quỹ lương TH 2023	Tổng quỹ thù lao TH 2023
	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	1		4.900.000		58.800.000
	Tổng quỹ lương, thù lao HĐQT, BĐH, BKS thực hiện năm 2023				4.655.940.444	58.800.000

2.3. Về việc thực hiện đầu tư

Trong năm 2023, VTVcab đã triển khai thực hiện các dự án theo kế hoạch đã được ĐHĐCD phê duyệt, cụ thể:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch
B	Phát sinh năm 2023	275.417	80.564	29%
I	Các dự án kỹ thuật	214.971	52.469	24%
1	Các dự án đầu tư	140.517	24.928	18%
1.1	Các dự án truyền dẫn phát sóng	33.944	2.005	6%
1.2	Các dự án sản xuất chương trình	26.120	0	0%
1.3	Các dự án dịch vụ gia tăng và các dịch vụ mới	10.500	0	0%
1.4	Các dự án công nghệ thông tin	16.953	1.650	10%
1.5	Các dự án mạng cáp	53.000	21.274	40%
2	Các chi phí	74.454	27.540	37%
2.1	Các chi phí bảo hành, bảo trì hàng năm của các hệ thống KTTD, CNTT, SXCT, CNPM, HTVT	25.978	12.550	48%
2.2	Các chi phí gia hạn phần mềm, license	1.622	1.155	71%
2.3	Các chi phí thuê thiết bị và các dịch vụ khác	19.964	2.760	14%
2.4	Chi phí thanh thải mạng cáp	26.890	11.075	41%
II	Các dự án quản trị, mua sắm	60.446	28.095	46%
1	Tài sản cố định (Thiết bị, xe, máy móc...)	30.215	26.081	86%
2	Máy tính chuyên dụng phục vụ Sản xuất chương trình	15.076	0	0%
3	Máy tính, thiết bị phục vụ khối văn phòng	3.263	2.014	62%
4	Mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh	5.940	0	0%
5	Dự án sửa chữa nâng cấp cải tạo văn phòng làm việc, hệ thống PCCC tòa nhà Ngọc Khánh	5.953	0	0%

Tỷ lệ thực hiện đầu tư năm 2023 đạt thấp so với kế hoạch, nguyên nhân do giảm doanh thu, khó khăn trong việc thu hồi công nợ, VTVcab phải thực hiện cân đối tài chính, kế hoạch kinh doanh điều chỉnh giảm, dẫn đến kế hoạch đầu tư cũng giảm theo, thực hiện tạm dừng một số dự án.

2.4. Về lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

Căn cứ đề xuất của Ban kiểm soát về danh sách Công ty kiểm toán độc lập và đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua (Nghị quyết số 09/NQ-VTVcab ngày 22/06/2023), HĐQT quyết định lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2023 của VTVcab.

3. Hoạt động của HĐQT

Nhân sự Hội đồng quản trị có sự thay đổi trong năm 2023 như sau:

- Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 08/11/2023:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Ngọc Huấn	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Huy Năm	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
3	Vũ Quang Tạo	Thành viên HĐQT

- Từ ngày 08/11/2023 đến ngày 23/12/2023

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Quang Tạo	Chủ tịch HĐQT	Theo NQ số 16/NQ-HĐQT-VTVcab ngày 08/11/2023
2	Bùi Huy Năm	Thành viên HĐQT, TGD	
3	Hoàng Ngọc Huấn	Thành viên HĐQT	

Ngày 23/12/2023, VTVcab đã tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 và bầu HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028, nội dung cụ thể như sau:

- Miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023 đối với ông Vũ Quang Tạo, ông Bùi Huy Năm, ông Hoàng Ngọc Huấn.

- Bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 đối với ông Vũ Hải Thanh, ông Bùi Huy Năm, ông Vũ Quang Tạo.

Ngày 28/12/2023, HĐQT đã tiến hành bầu ông Vũ Hải Thanh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 (theo NQ số 25/NQ-HĐQT-VTVcab ngày 28/12/2023).

3.1. Các Nghị quyết của HĐQT

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức thực hiện 7 cuộc họp trực tiếp, 18 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để kịp thời xem xét, thông qua các nghị quyết, quyết định liên

quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, tổ chức giám sát Ban Điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định các vấn đề chiến lược kinh doanh, chính sách quản trị công ty. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong sự chỉ đạo của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Năm 2023 HĐQT đã ban hành Nghị quyết về những vấn đề chính sau:

- Phê duyệt chủ trương về công tác nhân sự Ban Điều hành:
- + Bổ nhiệm lại chức vụ Tổng giám đốc đối với ông Bùi Huy Năm từ ngày 20/11/2023.
- + Bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Trần Ngọc Huyền từ ngày 20/11/2023.
- + Kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu đối với ông Nguyễn Tuấn Anh từ ngày 20/11/2023.
- + Kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu đối với ông Nguyễn Văn Ninh từ ngày 20/11/2023.
- + Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với bà Nguyễn Thị Hoàng Phương ngày 28/12/2023.

- Phê duyệt phương án và kết quả thoái vốn tại VTVcab Sport & VTVlive, phê duyệt kế hoạch vay vốn ngắn hạn năm 2023, thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông, miễn nhiệm, bầu Chủ tịch HĐQT và thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt chủ trương mua lại một phần bản quyền phát sóng giải bóng đá ngoại hạng Anh và kế hoạch vay vốn ngắn hạn ...

Trong quý IV năm 2023, VTVcab đã quy hoạch lại các nội dung sản xuất giải trí, gameshow, cắt giảm chi phí, ngừng sản xuất các chương trình kém hiệu quả, chỉ tập trung hợp tác đầu tư một số chương trình có tiềm năng mang lại doanh thu tốt, tiết kiệm tối đa chi phí.

3.2. Đánh giá kết quả từng thành viên:

Căn cứ kế hoạch hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2023, tất cả các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng lĩnh vực được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty được thông suốt, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các cuộc họp, chỉ đạo định hướng phát triển kinh doanh, quản trị công ty, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên,

tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết đúng quy định của pháp luật, đảm bảo kịp thời trong công tác chỉ đạo, ban hành các quyết sách quan trọng.

- Các thành viên HĐQT hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, kiểm soát công tác tài chính, đầu tư, kiểm soát nội bộ, công bố thông tin theo quy định ...

3.3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành.

Ban Điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình, thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định và chỉ đạo của HĐQT, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành với HĐQT để cùng thảo luận, bàn bạc đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả.

Phần 2. KẾ HOẠCH NĂM 2024

Năm 2024, VTVcab đặt ra kế hoạch kinh doanh như sau:

1. Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2024

(Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng doanh thu	2.008.000
2	Tổng chi phí	1.978.800
3	Lợi nhuận trước thuế	29.200
4	Lợi nhuận sau thuế	23.960

2. Giải pháp thực hiện

Với mục tiêu hoàn thành kế hoạch năm 2024, Công ty tiếp tục thực hiện theo các chủ trương, chính sách, định hướng đã được HĐQT và Ban Điều hành đề ra, trong đó tập trung vào các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm như sau:

2.1. Sản xuất nội dung

- Tập trung sản xuất các sự kiện trong nước, đây được coi là thế mạnh của VTVcab khi chúng ta đang có năng lực sản xuất lớn. Trong đó ngoài các giải bóng đá trong nước đang sở hữu, VTVcab sẽ đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng việc sản xuất các giải đấu đối kháng: MMA, Boxing..., Giải bóng rổ: VBA 5x5, 3x3, HBC, VUG 3x3...Giải bóng chuyên: các giải đấu lớn của bóng chuyên VĐQG, Hạng A, giải đấu quốc tế. Đặc biệt tập trung cho việc nâng cao chất lượng sản xuất các giải golf trong nước, với việc hướng tới sản xuất các giải golf trong nước theo tiêu chuẩn của Asian Tour.

- Tập trung sản xuất các mảng nội dung chính: các chương trình giải trí (gameshow) và phim truyền hình phục vụ phát sóng trên các kênh Đài truyền hình Việt nam và các hạ tầng của VTVcab: cuộc thi âm nhạc Sao mai điểm hẹn, show truyền hình thực tế Điều ước Việt Nam, phim sitcom, phim truyền hình, các chương trình về An ninh trật tự, tin tức y tế, sức khỏe dân sinh ...

2.2. Phát triển OTT và các nền tảng mạng xã hội

- Tiếp tục phát triển ứng dụng ON Plus: cùng với việc khai thác tối đa các nội dung bản quyền trên ứng dụng, tối ưu các nội dung bằng cách sản xuất phái sinh nội dung mới, tạo thêm các luồng FAST Channel và bổ sung thêm nhiều tính năng hấp dẫn người xem. Mở rộng việc bán ngoại mạng và hợp tác với các nhà mạng còn lại ngoài Vinaphone, phái sinh nội dung phong phú và đa dạng để gia tăng lượng người sử dụng để tăng doanh thu quảng cáo

- Phát triển các kênh mạnh trên nền tảng Mạng xã hội của Facebook, Youtube, Tiktok. Tinh gọn số lượng kênh, lựa chọn các kênh tốt nhất để đầu tư nội dung và thúc đẩy doanh thu tối đa từ nội dung của VTVcab từ đó xây dựng nên một hệ thống network mạnh. Mở rộng các mô hình hợp tác gia tăng thêm lợi nhuận từ quảng cáo, booking, tài trợ cũng như các loại hình mới nhằm đạt được mức doanh thu tốt nhất

2.3. Truyền hình cáp

Tiếp tục duy trì và phát triển thuê bao, tăng băng thông Internet đảm bảo chất lượng tốt nhất cho khách hàng; tiếp tục hợp tác kinh doanh nội dung trên hạ tầng của các đơn vị viễn thông như Viettel, Mobible, Vina ...

Tiếp tục triển khai số hóa hạ tầng mạng quang, hệ thống quản lý khách hàng doanh nghiệp, hệ thống cảnh báo mất tín hiệu diện rộng dựa trên vị trí khách hàng, hệ thống theo dõi chất lượng dịch vụ đối với khách hàng có bảo hành lắp. Nâng cấp hệ thống giám sát trên nền tảng IOS và Android, hệ thống giám sát bảo hành chủ động với khách hàng sử dụng GPON.

Tăng cường triển khai chương trình chăm sóc, tri ân, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và giảm tỷ lệ thuê bao ngưng hủy. Mở rộng kênh chăm sóc khách hàng miễn phí qua Zalo OA và các kênh chat, CSKH trên mạng (đa kênh) để thuận tiện cho việc CSKH và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của KH sử dụng dịch vụ trên OTT. Triển khai mạnh mẽ các kênh thanh toán không dùng tiền mặt thông qua ứng dụng MyCab.

2.4. Tăng cường kêu gọi xã hội hóa, hợp tác đầu tư vào các lĩnh vực như sản xuất nội dung và quang hoá hạ tầng truyền hình cáp để có thể sử dụng tối đa nguồn lực của xã hội, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.5. Tiếp tục thoái vốn đầu tư của VTVcab tại một số đơn vị có vốn góp của VTVcab nhằm thu hồi vốn và cơ cấu lại các khoản đầu tư (Công ty cổ phần công nghệ Việt Thành, Công ty Cổ phần Truyền thông On + ...)

2.6. Thực hiện tái cơ cấu tổ chức bộ máy, tinh giảm nhân sự, tập trung nguồn lực cho những lĩnh vực có tiềm năng phát triển trong tương lai, đảm bảo hoạt động hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển chung và với sự điều chỉnh chiến lược trung hạn và dài hạn của VTVcab.

2.7. Thực hiện chuyển đổi số, phát triển ứng dụng công nghệ trong quản trị các nguồn lực của doanh nghiệp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hỗ trợ nâng cao hiệu quả trong việc quản lý, xử lý và điều hành công việc, giảm thiểu lao động thủ công, nâng cao năng suất lao động.

Trên đây là Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024.

Kính trình ĐHCĐ xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Hải Thanh

Số: 01/BC-VTVcab

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2024

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Năm 2023 vẫn là một năm cạnh tranh quyết liệt diễn ra ở nhiều lĩnh vực của thị trường truyền hình trả tiền như cạnh tranh về thị phần, giá cả dịch vụ, công nghệ, bản quyền... để đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển mạnh và bền vững, VTVcab đã xây dựng và triển khai các giải pháp phù hợp, kịp thời để tiếp tục giữ vững và củng cố thành quả đã đạt được trong những năm vừa qua. Tuy nhiên tình hình kinh doanh của VTVcab vẫn gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Doanh thu dịch vụ truyền hình truyền thống có xu hướng giảm do cạnh tranh gay gắt của các nhà cung cấp cũng như chuyển dịch của khách hàng đối với các dịch vụ mới. Thêm vào đó, trong thời gian vừa qua, hầu hết các đối tác đều chịu ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh Covid 19 của những năm trước nên gặp nhiều khó khăn về tài chính trong, nhiều đơn vị phải tạm ngưng hoặc giảm quy mô sản xuất, cắt giảm chi phí, nhân công, không có dòng tiền hoạt động... nên ảnh hưởng đến kế hoạch hợp tác và thanh toán hợp đồng cho VTVcab; công ty Điện lực tăng đơn giá thuê cột; chi phí bản quyền tăng... Các yếu tố này đã tác động không nhỏ đến tình hình phát triển thuê bao và doanh thu của Công ty

Trước bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của ngành truyền thông nói chung và truyền hình trả tiền nói riêng từ trong nước đến các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài đang hiện diện ở thị trường Việt Nam, Hội Đồng quản trị, Ban điều hành đã nhiều lần họp trao đổi và đi đến thống nhất cao về việc xây dựng và phát triển VTVcab trong giai đoạn tới tập trung vào ba lĩnh vực chính: sản xuất, sáng tạo nội dung gốc, độc quyền, sở hữu bản quyền nội dung, sở hữu IP content cho sản xuất nội dung; xây dựng nền tảng phân phối nội dung trên internet để phát triển truyền hình OTT; tiếp tục phát triển dịch vụ truyền hình cáp truyền thống.

Ban Điều hành xin báo cáo Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và định hướng kinh doanh trong năm 2024 của VTVcab như sau:

I. Về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	KH năm 2023 (Điều chỉnh)	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ % TH 2023/KH 2023
Doanh thu	2.070.000	2.151.959	104%
Lợi nhuận trước thuế	35.480	28.384	80%
Lợi nhuận sau thuế	28.384	23.952	84%

Ghi chú: - Số liệu thực hiện trên (doanh thu, chi phí, lợi nhuận) theo Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán bởi AASC

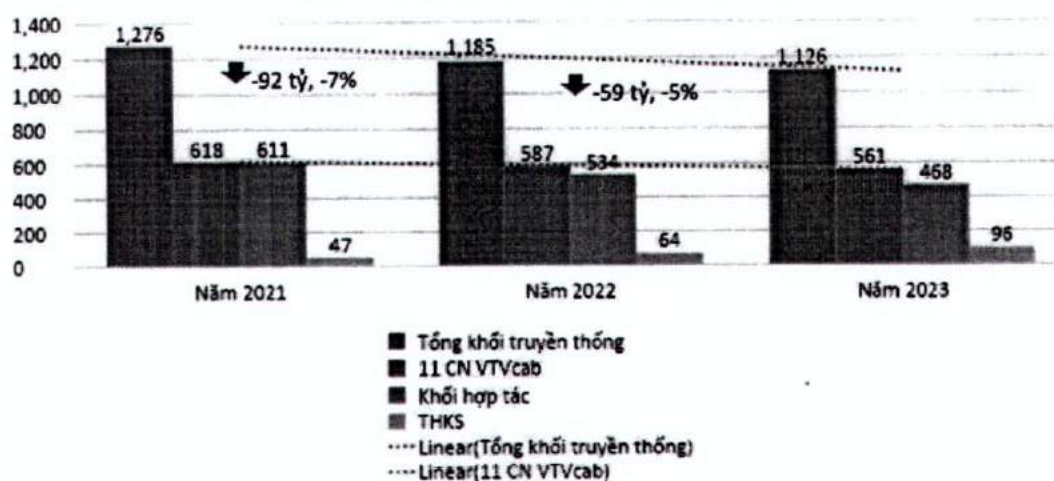
- Số liệu kế hoạch 2023 điều chỉnh (doanh thu, chi phí, lợi nhuận) theo Nghị quyết số 01/NQ-HDQT-VTVcab của Hội đồng quản trị ban hành ngày 11 tháng 01 năm 2024

Tỷ lệ thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của năm 2023 như sau:

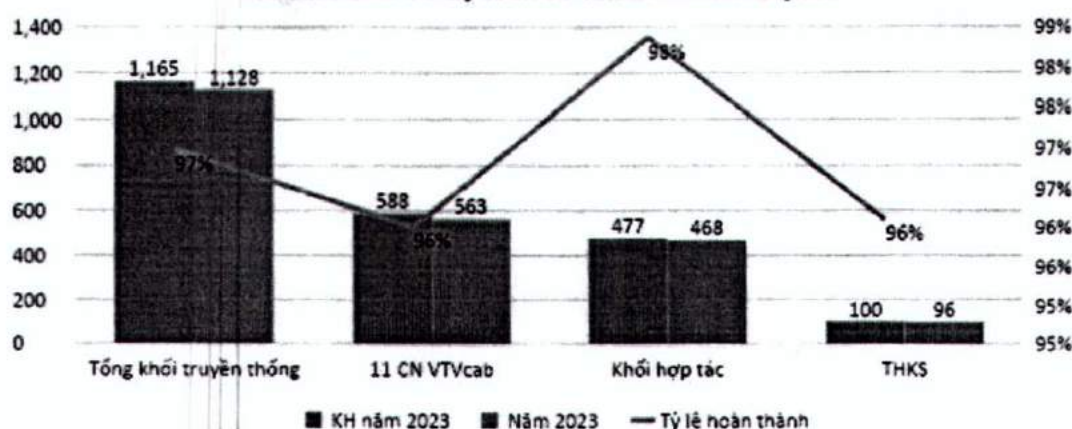
- + Doanh thu thực hiện đạt 104% so với kế hoạch cả năm
- + Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 80%
- + Lợi nhuận sau thuế đạt 84%

1. Tình hình kinh doanh truyền hình truyền thống:

BIỂU ĐỒ DOANH THU KHÁCH HÀNG



ĐÁNH GIÁ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH



Trong năm 2023, Trong bối cảnh sụt giảm của ngành dịch vụ truyền hình trả tiền trước sự thay đổi của xu hướng người dùng, khách hàng sử dụng đa dịch vụ trên một đường truyền và dịch chuyển sang truyền hình OTT cũng như các mạng xã hội Facebook, Youtube Cạnh tranh từ các đơn vị viễn thông như Viettel, FPT, VNPT với cước phí truyền hình trong combo giá rẻ, nội dung không có sự khác biệt do sự chia sẻ bản quyền truyền hình giữa các đơn vị với nhau. Dịch vụ truyền hình truyền thống ngày càng có chiều hướng giảm dần để nhường chỗ cho sự phát triển của các dịch vụ mới. Công ty đã thực hiện tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa lợi nhuận từ các đơn vị hợp tác kinh doanh.

+ Năm 2023 tổng doanh thu khách hàng đạt 1.126 tỷ, giảm 5% so với năm 2022, đạt 97% so với kế hoạch.

+ Năm 2023 doanh thu khối 11 chi nhánh VTVcab điều hành đạt 561 tỷ, giảm 4% so với năm 2022, đạt 96% so với kế hoạch; Tỷ trọng doanh thu của Khối 11 Chi nhánh so với tổng tỷ trọng doanh thu của Khối Truyền thống tăng lên từ năm 2021 48% đến năm 2023 là 50%.

Doanh thu khách hàng giảm thấp hơn so với tỷ lệ tăng trưởng âm của thuê bao. Năm 2022 doanh thu giảm 5% trong khi thuê bao giảm 13,2%; Năm 2023 doanh thu giảm 4% trong khi thuê bao giảm 14,5%. Chứng minh thực hiện tốt việc tăng ARPU khách hàng, khách hàng combo tăng lên cũng như công tác thu cước, tận thu được thực hiện tốt.

VTVcab đã đưa ra các chương trình khuyến mại thu hút khách hàng lắp mới và chuyển từ dịch vụ khác sang. Các chương trình kích cầu các gói Combo Internet với các chính sách giá ưu đãi. Tăng băng thông Internet đảm bảo chất lượng tốt nhất cho khách hàng. VTVcab tiếp tục tập trung tăng cường khâu bán hàng, thường xuyên đưa ra những chính sách khuyến mại để thu hút và giữ khách hàng, thu hút khách hàng lắp mới, chuyển từ dịch vụ khác sang như:

- + Áp dụng chính sách kích cầu các gói Combo Internet với giá ưu đãi
- + Tổ chức các chương trình quay số trúng thưởng
- + Tặng băng thông Internet, nhằm đảm bảo chất lượng tốt nhất cho khách hàng.
- + Hợp tác phát triển mở rộng Tập khách hàng truyền thống thông qua hợp tác phân phối gói nội dung VTVcab trên hạ tầng Viettel, Mobifone, Vinaphone...
- + Đẩy mạnh triển khai đàm phán mở rộng việc phân phối trên các nền tảng khác: Số mặt đất, số vệ tinh...

2. Dịch vụ mới

Đơn vị tính: VND

Loại doanh thu		Giá trị
ỨNG DỤNG OTT	Dịch vụ VTVcab ON	6.530.121.896
	Dịch vụ On Plus	14.285.101.765
MẠNG XÃ HỘI	Mạng xã hội	7.866.129.368
QUẢNG CÁO TÀI TRỢ	Quảng cáo tài trợ	2.600.000.000
DỊCH VỤ GTGT	SSAI Viettel	2.500.000.000
	TT. TH Khách sạn	950.000.000
	Myclip	96.851.179
TRAO ĐỔI NỘI DUNG	Trao đổi nội dung	4.000.000.000
	Trao đổi với VSTV	22.000.000.000
TỔNG		60.781.004.208

Về ứng dụng VTVcab ON: lượt tải lũy kế hết năm 2023 khoảng 11,9 triệu; lượt tải trong năm 2023: 166.000, DAU: 60.000, MAU: 140.000

Về ứng dụng ON Plus: lượt tải lũy kế hết năm 2023 khoảng 1,510,000; lượt tải trong năm 2023: 620.000 (tăng 24% so với năm 2022), DAU: 10.000, MAU: 120.000

Tổng số lượng theo dõi trên Mạng xã hội: 7,5 triệu, trong đó:

TikTok: 6 KÊNH, Follow 631.800

Facebook: 18 KÊNH, Follow 3.968.583

Youtube: 29 KÊNH, Subscriber 2.960.474

Năm 2023 là một năm gặp rất nhiều thách thức, khó khăn nhưng dịch vụ ON Plus đã có một năm tăng trưởng rất tốt cho dù dịch vụ chỉ bắt đầu triển khai từ 4/1/2023. Kết thúc năm 2023, doanh thu từ dịch vụ ON Plus trở thành nguồn doanh thu quan trọng nhất và chiếm 23% tổng doanh thu chung của trung tâm trong năm 2023. Những sự kiện lớn trong năm là World Cup nữ và SEA Games 32 đã khiến ứng dụng đạt vị trí số 1

nhóm ứng dụng thể thao nhiều ngày trên bảng xếp hạng của Google Play và App Store cho thấy tầm ảnh hưởng và vị thế của ứng dụng đã được chứng minh là ứng dụng hàng đầu Việt Nam hiện nay trong lĩnh vực thể thao. Ngoài ra, việc hợp tác với Vinaphone cũng đạt nhiều thành công ấn tượng khi ON Plus là ứng dụng tăng trưởng mạnh nhất của Vinaphone trong năm 2023.

Bên cạnh đó Mạng xã hội được Trung tâm Dịch vụ số vận hành là một trong những hệ thống mạng xã hội nổi bật về thể thao tại Việt Nam khi các kênh Mạng xã hội trên Facebook và Youtube với thương hiệu ON Sports tiếp tục tăng trưởng rất mạnh với các kết quả ấn tượng như đạt 3 tỷ lượt xem, 8,3 tỷ phút xem; vận hành và phát triển #VBA2023 đạt tới 8,6 tỷ là một trong các từ khóa # mạnh nhất về thể thao trên TikTok Việt Nam.

3. Nội dung

*** Về Thể thao và Thể thao điện tử:**

VTVCab đã không ngừng đầu tư sản xuất các chương trình nội dung, mua bản quyền, tổ chức sản xuất chuyên nghiệp các giải thể thao chất lượng trong nước và quốc tế. Đồng thời, phát triển theo xu hướng chung của thị trường về nền tảng kỹ thuật công nghệ mới.

* VTVCab tiếp tục là đơn vị truyền hình duy nhất tại Việt Nam sản xuất đầy đủ các giải thể thao trong nước từ giải chuyên nghiệp cho tới các giải phong trào các môn: bóng đá, bóng chuyền, tennis, quần vợt, võ thuật... sản xuất đầy đủ hệ thống thi đấu của Liên đoàn Cầu lông Việt Nam, Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam, Liên đoàn Quần vợt Việt Nam và các giải đấu như MMA Lions Championship, MTGP Việt Nam Championship, Boxing WBO Global và Võ tổng hợp AFC, Bóng rổ chuyên nghiệp VBA 5x5, 3x3; Giải bóng chuyền: các giải đấu lớn của bóng chuyền VĐQG, Hạng A, giải đấu quốc tế. Đặc biệt tập trung cho việc nâng cao chất lượng sản xuất các giải golf trong nước, với việc hướng tới sản xuất các giải golf trong nước theo tiêu chuẩn của Asian Tour.

+ Tường thuật đầy đủ giải bóng đá sân 7 VPL, SPL, HPL, VSC, VSL và nhiều giải sinh viên khác trên nền tảng truyền hình và OTT của VTVCab. Phối hợp với Newsports tổ chức và tường thuật thành công giải bóng rổ HBC Hà Nội Basketball Champship và gây được tiếng vang trong cộng đồng bóng rổ Việt Nam về sự chuyên nghiệp trong khâu tổ chức và truyền hình.

+ Sản xuất các chương trình đồng hành với những sự kiện lớn như World Cup nữ 2023, SEA Games. Đơn vị duy nhất tường thuật 5 kênh sóng với SEA Games và đầy đủ các trận đấu của World Cup nữ 2023 cùng các chương trình đồng hành.

+ Năm 2023, VTVCab đã đảm bảo khai thác và Việt hóa hệ thống các chương trình thể thao Quốc tế, đặc biệt là bóng đá Châu Âu. Riêng với giải Ngoại hạng Anh, VTVCab đã đặc biệt ưu tiên mọi nguồn lực tốt nhất ở tất cả các bộ phận để tham gia vào

khâu sản xuất nội dung, đảm bảo phát huy hiệu quả tổ đa của gói bản quyền này. Tổng kết lên đến hơn 3000 nghìn sự kiện Việt Hóa trong năm.

* Về thể thao điện tử: Năm 2023 VTVcab triển khai phát sóng hệ thống giải đấu bản quyền quốc tế từ các đối tác ESL Gaming, với 13 giải đấu quốc tế cùng hơn 20 giải đấu các khu vực khác, trải đều ở nhiều bộ môn Thể thao Điện tử hấp dẫn như: CS:GO, CS2, Dota2, League of Legends...

Các giải đấu được phát sóng đa nền tảng trên các kênh thuộc hệ thống Tổng Công ty (OTT, social) và thu hút được lượng lớn khán giả hâm mộ và quan tâm. Các nội dung đã đáp ứng kì vọng bổ sung lượng nội dung thể thao điện tử bên cạnh những nội dung thể thao truyền thống khác.

* Về Giải trí: tập trung sản xuất các mảng nội dung chính: các chương trình giải trí (gameshow) và phim truyền hình phục vụ phát sóng trên các kênh Đài truyền hình Việt nam và các hạ tầng của VTVcab: show truyền hình thực tế Điều ước Việt Nam, phim sitcom, phim truyền hình, các chương trình về An ninh trật tự, tin tức y tế, sức khỏe dân sinh ...

4. Công tác đầu tư, công nghệ

Năm 2023, VTVcab tiếp tục kiên định theo chiến lược trở thành nhà sản xuất và phân phối nội dung gốc hàng đầu trên đa nền tảng với chiến lược Super Platform và King of Content.

- Triển khai thành công và ra mắt ứng dụng On Plus cùng với VNPT kinh doanh và phát triển trên tập khách hàng thuê bao của Vinaphone. Hoàn thành hệ sinh thái ứng dụng On Plus bao gồm đầy đủ ứng dụng trên đa nền tảng (website, mobile và smart TV). Ứng dụng đi vào kinh doanh ổn định với hơn 1.5 triệu thiết bị cài đặt, hơn 200.000 lượt active hàng tháng, 150.000 CCU mang lại doanh thu hơn 100 tỷ đạt kế hoạch năm đầu tiên cùng VNPT.

- Dự án Super Platform: năm 2023, VTVcab đã triển khai thành công giai đoạn 1 của nền tảng Super platform và đổi tên ON TV thành Onlala hợp tác và ra mắt ứng dụng Onlala cùng Yeah1 cùng gameshow Chỉ đẹp đập gió rẽ sóng thành công. Ứng dụng đang trong thời gian xin giấy phép góp phần khai thác hiệu quả hoạt động tương tác của gameshow. Nền tảng cũng đang được sử dụng để triển khai ứng dụng See Now hợp tác với VTV trong thời gian tới.

- Chuyển đổi số: VTVcab bước đầu thực hiện chiến lược chuyển đổi số trong công tác quản trị, hoạt động sản xuất và kinh doanh, đặc biệt tập trung nguồn lực để xây dựng nền tảng phục vụ cho việc phát triển kinh doanh trên thị trường các thiết bị kết nối internet trọng tâm là thị trường mobi và smartTV. Việc chuyển đổi số còn giúp Tổng Công ty có được số liệu biến động thị trường kịp thời để nắm bắt xu thế thúc đẩy phát triển kinh doanh và giảm thiểu rủi ro.

Ngoài ra, VTVcab còn đầu tư một số dự án kỹ thuật như:

+ Dự án “Đầu tư bổ sung hệ thống thiết bị phát quảng cáo trên các kênh của VTVcab và đối tác” với tổng mức đầu tư 19,9 tỷ đồng

+ Dự án “Quy hoạch hệ thống Server phát sóng các kênh VTVcab” với tổng mức đầu tư 11,9 tỷ đồng. Mục tiêu của dự án: Đáp ứng được việc phân chia nhóm kênh VTVcab theo mức độ ưu tiên, tiết kiệm tài nguyên server phát sóng.

5. Chăm sóc khách hàng

Tổng đài CSKH 19001515 hoạt động 24/24h, đảm bảo việc giải đáp, tư vấn, hỗ trợ khách hàng trên toàn quốc. Một số số liệu phục vụ của tổng đài năm 2023.

DVT: cuộc gọi

Kênh hỗ trợ	Tổng đài miền Bắc	Tổng đài miền Nam	Tổng toàn quốc
Tổng số cuộc gọi vào tổng đài	698.103	432.025	1.130.128
Tổng cuộc gọi có nhu cầu gặp điện thoại viên	573.402	301.441	874.843
Số cuộc gọi đáp ứng	546.841	287.824	834.665
Tỷ lệ kết nối đạt: (%)	95.4%	95.5%	95.4%
Số cuộc gọi ra tương tác, chăm sóc khách hàng	641.271	482.088	1.091.367
Số tin nhắn chăm sóc và tương tác Khách hàng	SMS: 264.581; Zalo: 1.488.040		

- Thực hiện tiếp nhận và xử lý yêu cầu của khách hàng 3 ca/ngày và 24/24 giờ; việc phục vụ khách hàng 24/7 được duy trì liên tục cả ngày nghỉ, lễ Tết

- Tổng đài tiếp nhận và xử lý 1,13 triệu cuộc gọi của khách hàng, tỷ lệ kết nối đạt 95.4% và gọi ra tương tác - chăm sóc khách hàng 1,09 triệu cuộc gọi.

- CSKH đa kênh với số lượng cụ thể như sau:

+ CSKH qua Fanpage VTVcab số lượng là 2.897 và 100% được phản hồi và hỗ trợ kịp thời

+ Tương tác và chăm sóc 23,646 phản ánh khách hàng qua Zalo với lượng khách hàng quan tâm và theo dõi Zalo OA với 43.990 khách hàng.

- Tương tác và nhắn tin CSKH với 1,752,621 tin (SMS: 264,581; Zalo: 1,488).

Trong năm 2023, TT DVKH đã phối hợp với các phòng, ban, Chi nhánh trên toàn quốc thực hiện một số chương trình thi đua, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng:

- Phối hợp với phòng Kỹ thuật thực hiện đào tạo hướng dẫn khách hàng xử lý sơ bộ các lỗi về HD, Internet cho toàn bộ nhân viên và điện thoại viên để nâng cao việc hướng dẫn khách hàng, giảm lịch bảo hành

- Triển khai 5 chương trình thi đua nâng cao việc đảm bảo quân số và chất lượng giải đáp đối với Điện thoại viên 2 miền; phối hợp với các đơn vị trong Hội thi chăm sóc khách hàng giỏi giành cho kỹ thuật viên và nhân viên chăm sóc khách hàng.

- Thực hiện 15 chương trình đào tạo nội bộ và đào tạo cho Kỹ thuật viên, nhân viên điều hành dịch vụ các địa bàn tỉnh về Quy trình điều hành dịch vụ, quy trình Ngưng hủy, quy trình lắp đặt – bảo hành.

6. Tổ chức, nhân sự, đào tạo

*** Về tổ chức, nhân sự**

Năm 2023, VTVcab tiếp tục thực hiện các giải pháp, hành động cụ thể để triển khai chiến lược nhân sự trong toàn Tổng Công ty, chuẩn hóa cơ cấu tổ chức bộ máy, hệ thống chức danh mô tả công việc, trả lương theo vị trí chức danh công việc, theo năng lực và hiệu quả, kết quả làm việc của từng cá nhân lao động, quản lý công việc theo KPI và công nghệ số.

Trong năm 2023, cơ cấu Ban điều hành của TCT cũng đã có một số thay đổi cụ thể như sau: 1 Phó Tổng Giám đốc nghỉ hưu theo chế độ từ tháng 12/2023, HĐQT miễn nhiệm 1 Phó Tổng Giám đốc từ ngày 28/12/2023. Do đó đến hiện tại, Ban Điều hành có 1 Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng giám đốc.

- Tổng số lao động sử dụng bình quân ký HĐLĐ tại Tổng Công ty không bao gồm Người quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát: 555 người.

- Tổng lao động sử dụng tính đến 31/12/2023 (không bao gồm người Quản lý doanh nghiệp và Ban kiểm soát): 526 người

- Mức lương bình quân 16,07 triệu đồng/người (không bao gồm người quản lý).

*** Hoạt động đào tạo**

Công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động là một phần quan trọng trong định hướng phát triển bền vững của VTVcab. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tốt các công việc cho người lao động.

II. Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2024

Với mục tiêu hoàn thành kế hoạch năm 2024, Ban Điều hành Công ty tiếp tục thực hiện theo các chủ trương, chính sách, định hướng đã được HĐQT đề ra, trong đó tập trung vào các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2024:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng doanh thu	2.008.000
2	Tổng chi phí	1.978.800
3	Lợi nhuận trước thuế	29.200
4	Lợi nhuận sau thuế	23.960

*** Về Truyền hình Truyền thống:**

- Tiếp tục duy trì và phát triển thuê bao, tăng băng thông Internet đảm bảo chất lượng tốt nhất cho khách hàng; tiếp tục hợp tác kinh doanh nội dung trên hạ tầng của các đơn vị viễn thông như Viettel, Mobifone, Vina...

- Tiếp tục triển khai số hóa hạ tầng mạng quang, hệ thống quản lý khách hàng doanh nghiệp, hệ thống cảnh báo mất tín hiệu diện rộng dựa trên vị trí khách hàng, hệ thống theo dõi chất lượng dịch vụ đối với khách hàng có bảo hành lắp.

- Đẩy mạnh triển khai phát triển nhóm Khách hàng Doanh nghiệp, tổ chức với quy mô trên toàn quốc.

- Triển khai kết nối cấp Uplink các dự án mạng quang Gpon Hà Nội, HCM và đơn vị hợp tác, mở rộng mạng GPON tại một số địa bàn trọng điểm có tiềm năng phát triển khách hàng..

*** Về Nội dung:** với chiến lược King of content, VTVcab đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái nội dung phong phú về thể loại để đáp ứng thị hiếu và nhu cầu giải trí ngày càng đa dạng của khán giả.

- Nội dung Thể thao của VTVcab vẫn tiếp tục là nội dung mũi nhọn để chinh phục khán giả. Tiếp tục phát huy thế mạnh trong sản xuất các chương trình thể thao, đàm phán để sở hữu dài hạn các nội dung bản quyền chất lượng cao trong nước và quốc tế (Roland Garros; Laliga; Bundesliga; MMA...).

+ Đối với nội dung trong nước, đây được coi là thế mạnh và VTVcab sẽ hướng sự tập trung vào những môn thể mạnh đó là Bóng chuyền, Bóng rổ, Các môn Võ MMA, Boxing. Tập trung cho nền tảng truyền hình với chất lượng sản xuất tốt nhất, format hình ảnh cập nhật và thay đổi. Và trên hết việc thu gọn các môn thể thao cũng để hướng tới việc sản xuất các giải Golf trong nước, một thị phần đến thời điểm này chưa thực sự được khai phá và là cơ hội tiềm năng lớn cho VTVcab.

+ Đối với quốc tế: Tập trung cho 2 giải đấu Premium đó là Ngoại Hạng Anh và Champions League. Qua rất nhiều năm phát triển thì trên hết đây là nội dung luôn được người xem theo dõi cao nhất. Và việc các bản quyền quốc tế cũng ngày một tăng, nên việc sở hữu nhiều gói bản quyền là không thể, nên chỉ tập trung cho những bản quyền cốt lõi. Bên cạnh đó là xây dựng các chương trình đồng hành, talkshow, tạp chí làm giàu nội dung cho 2 Bản quyền lớn này.

+ Với việc VTVcab nâng cấp mở rộng các yếu tố công nghệ, về thiết bị, VTVcab sẽ áp dụng mạnh hơn nữa trong sản xuất các chương trình tại trường quay với công nghệ AR, hay đi sản xuất với công nghệ Arena để khán giả truyền hình được thưởng thức chất lượng sản xuất cao nhất hiện nay.

- Đối với nội dung phát thanh: Phối hợp với các đơn vị nội dung của VTVcab để quảng bá các chương trình nổi bật, nội dung đặc sắc của VTVcab tới nhóm thính giả JOYFM đồng thời xây dựng cộng đồng thính giả JOYFM+ để tăng rating, tăng giá trị quảng cáo cho nhãn hàng.

- Tập trung phát triển các kênh và Fanpage của VTVcab để gia tăng sub, lượt tương tác, phát triển thêm các kênh tiktok, page mới. Tạo ra khối lượng nội dung hấp dẫn, độc đáo trên các hạ tầng TV, OTT và Social.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển dịch vụ truyền hình internet nhằm từng bước chiếm lĩnh thị trường OTT và thay thế dần truyền hình truyền thống bằng dịch vụ VTVcab ON

và các ứng dụng hợp tác với đối tác để phát triển như TV 360, On + từ đó nâng cao được doanh thu nội dung số.

*** Về Công nghệ - Kỹ thuật:**

Tiếp tục đầu tư cho các công nghệ hiện đại như Bigdata, Blockchain, AI...

- Triển khai ứng dụng SeeNow hợp tác với VTV

- Triển khai platform Mediahub: Hệ thống quản lý và phân phối media tập trung giúp công ty theo dõi được hiệu quả của việc đầu tư nội dung. Giúp kiểm soát việc sử dụng và phân phối nội dung; giúp phân tích được hiệu quả của việc kinh doanh nội dung

- Cải tiến vận hành và phát triển ứng dụng ON Plus: bên cạnh việc khai thác tối đa các nội dung bản quyền trên ứng dụng, đội ngũ vận hành sẽ tối ưu các nội dung bằng cách phải sinh nội dung mới, tạo thêm các luồng FAST Channel và bổ sung thêm nhiều tính năng hấp dẫn người xem.

- Phát triển các kênh mạnh trên nền tảng Mạng xã hội của Facebook và Youtube. Tinh gọn số lượng kênh, lựa chọn các kênh tốt nhất để đầu tư nội dung và thúc đẩy doanh thu tối đa từ nội dung của VTVcab từ đó xây dựng nên một hệ thống network mạnh. Mở rộng các mô hình hợp tác gia tăng thêm lợi nhuận từ quảng cáo, booking, tài trợ cũng như các loại hình mới như SSAI nhằm đạt được mức doanh thu tốt nhất.

- Chuyển đổi số toàn diện hệ thống VTVcab: Quy hoạch lại quy trình và hệ thống để triển khai chuyển đổi số; tập trung vào các mảng backoffice, tài chính, nhân sự... Chuyển đổi số giúp nhân sự trong doanh nghiệp có quyền truy cập vào lượng dữ liệu khổng lồ, có thể theo dõi tất cả các loại chỉ số, như hiệu quả của quy trình, tỷ lệ chuyển đổi kênh, giá trị lâu dài của khách hàng, sự hài lòng của khách hàng và nhiều chỉ số khác

*** Về hoạt động chăm sóc khách hàng:**

Chiến lược chăm sóc khách hàng 2024: phối hợp với các đơn vị, chi nhánh triển khai nhiều chương trình chăm sóc, tri ân, nâng cao chất lượng phục vụ, phát triển thêm khách hàng và giảm thuê bao ngưng hủy; Xây dựng quy chuẩn giao tiếp, nâng cấp tổng đài về hệ thống, quy trình, con người, đào tạo để đáp ứng chăm sóc khách hàng đa kênh; Phân chia lại ca làm việc, tối ưu hệ thống trả lời tự động, quy trình tiếp nhận cuộc gọi và chuyển đổi mô hình từ thuê nhân sự chăm sóc khách hàng kênh tổng đài sang mô hình chủ động về nhân sự CSKH đa kênh....

*** Về công tác tổ chức, nhân sự và đào tạo:**

- Phối hợp với các đơn vị chuẩn hóa cơ cấu tổ chức bộ máy, hệ thống chức danh mô tả công việc, trả lương theo vị trí chức danh công việc, theo năng lực và hiệu quả, kết quả làm việc của từng cá nhân lao động, quản lý công việc theo KPI và công nghệ số.

- Phối hợp với các đơn vị ứng dụng công nghệ số trong công tác nhân sự, thực hiện khâu đầu vào đến đầu ra về nhân sự theo quy chuẩn và công nghệ đáp ứng sự phát triển của VTVcab.

- Tăng cường công tác tổ chức đào tạo kỹ thuật, kỹ năng, nghiệp vụ đối với Lãnh đạo và nhân viên; Tập trung đào tạo cho khối nội dung, nghiệp vụ Sản xuất chương trình, dịch vụ khách hàng.

- Giám sát chất lượng các hoạt động đào tạo nội bộ, đào tạo kỹ thuật trên cơ sở hỗ trợ sản xuất kinh doanh cho các đơn vị và bám sát những chủ trương, định hướng, hoạt

động kinh doanh của Tổng công ty; Thiết kế chương trình, giáo án và đa dạng hình thức tổ chức các khóa đào tạo “Kỹ năng điều hành quản lý” dành cho Lãnh đạo; Đẩy mạnh công tác đào tạo của Lãnh đạo TCT và Lãnh đạo cấp trung đối với nhân viên; Phối hợp tổ chức các khóa đào tạo cử ra ngoài theo nghiệp vụ, tính chất và yêu cầu của các đơn vị, Ban Lãnh đạo TCT; Phối hợp với các Công ty con, công ty liên kết và các bộ phận trực thuộc hỗ trợ đào tạo công tác bán hàng, marketing, hỗ trợ đẩy mạnh hoạt động SXKD.

Với những mục tiêu đầy thách thức của năm 2024, Ban điều hành Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự quyết tâm của tập thể cán bộ nhân viên, sự ủng hộ của Quý cổ đông, Ban điều hành Tổng Công ty tin tưởng sẽ hoàn thành mục tiêu, kế hoạch năm 2024 mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

Kính chúc Đại hội cổ đông thành công tốt đẹp và kính chúc Quý cổ đông nhiều sức khỏe và thành công.

TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Huy Năm

Số 03 /BC-BKS-VTVcab

Hà nội, ngày 24 tháng 05 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab) và các văn bản pháp luật quy định về hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát VTVcab;

Căn cứ các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của VTVcab;

Căn cứ kết quả kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2023 của VTVcab;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC về kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của VTVcab;

Ban kiểm soát VTVcab báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên kết quả hoạt động kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024 với những nội dung sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

1.1. Nhân sự của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có 04 thành viên, gồm các Ông/Bà:

- Ông: Nguyễn Minh Điệp -Trưởng Ban;
- Ông: Phan Tất Thành - Thành viên chuyên trách;
- Bà: Trần Thị Hải Hà - Thành viên chuyên trách;
- Bà: Nguyễn Thị Thu Hiền -Thành viên kiêm nhiệm.

Tất cả các thành viên Ban kiểm soát được bầu lại vào nhiệm kỳ thứ hai (2023-2028) tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 23/12/2023. Phiên họp thứ nhất của Ban kiểm soát ngày 20/12/2023 đã bầu Ông Nguyễn Minh Điệp là Trưởng Ban kiểm soát VTVcab nhiệm kỳ 2023-2028.

1.2. Nội dung hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023:

- Giám sát hoạt động quản lý, điều hành và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT);
- Kiểm soát công tác kế toán tài chính và lập báo cáo tài chính của VTVcab hàng quý, năm 2023;
- Kiểm soát hoạt động đầu tư, mua sắm tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh; đầu

tư, góp vốn và hợp tác kinh doanh;

- Kiểm soát công tác tổ chức, nhân sự, tiền lương và thu nhập của người lao động thuộc VTVcab;

- Tổ chức hoạt động kiểm soát thực tế tại các đơn vị thuộc VTVcab và các công ty con, công ty liên kết do VTVcab đầu tư góp vốn;

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VTVcab;

- Tham gia, phối hợp với các đơn vị trong nội bộ VTVcab xây dựng các quy chế, quy định về quản trị VTVcab;

- Thực hiện báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên; báo cáo định kỳ hàng quý theo yêu cầu của Đài THVN (cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối) về tình hình quản lý, điều hành hoạt động của VTVcab;

- Đề xuất Đại hội đồng cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của VTVcab;

- Thực hiện các nội dung khác liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ của VTVcab.

Tiền lương và thù lao của các thành viên Ban kiểm soát được chi trả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Quy chế tiền lương của VTVcab.

Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được hạch toán theo thực tế trên cơ sở các quy định pháp luật và của VTVcab.

2. Kết quả kiểm soát hoạt động của VTVcab năm 2023

2.1. Tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh:

2.1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự:

Năm 2023, cơ cấu tổ chức và nhân sự của VTVcab có sự thay đổi như sau:

* Thay đổi thành viên HĐQT:

Năm 2023 là năm kết thúc nhiệm kỳ thứ nhất (2018-2023) của các Thành viên HĐQT, theo đó ĐHĐCĐ VTVcab năm 2023 đã tiến hành miễn nhiệm và bầu các Thành viên HĐQT VTVcab nhiệm kỳ thứ hai (2023-2028), cụ thể như sau:

- Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023, gồm các Ông Hoàng Ngọc Huân, Bùi Huy Năm và Vũ Quang Tạo;

- Bầu HĐQT VTVcab nhiệm kỳ 2023-2028, gồm các Ông Vũ Hải Thanh, Bùi Huy Năm và Vũ Quang Tạo. Tại phiên họp thứ nhất các Thành viên HĐQT đã bầu Ông Vũ Hải Thanh là Chủ tịch HĐQT VTVcab nhiệm kỳ 2023-2028.

* Thay đổi thành viên Ban điều hành:

- Ông Bùi Huy Năm - Tổng Giám đốc VTVcab nhiệm kỳ 2018-2023, được bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc VTVcab nhiệm kỳ thứ hai (2023-2028);

- Ông Nguyễn Văn Ninh - Phó Tổng Giám đốc VTVcab nhiệm kỳ 2018-2023, được bổ nhiệm kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu;

- Ông Nguyễn Tuấn Anh - Phó Tổng Giám đốc VTVcab nhiệm kỳ 2018-2023, nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH từ ngày 01/12/2023;

- Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương - Phó Tổng Giám đốc VTVcab nhiệm kỳ 2018-2023, miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc từ ngày 28/12/2023 và chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 30/12/2023;

- Bà Trần Ngọc Huyền - Kế toán trưởng VTVcab nhiệm kỳ 2018-2023, được bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng VTVcab nhiệm kỳ thứ hai (2023-2028).

* Thay đổi về công ty con, công ty liên kết:

VTVcab đã hoàn thành việc thoái vốn tại 02 công ty VTVcab Sport và VTVlive bằng hình thức chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp cho đối tác khác. Tuy nhiên đến thời điểm báo cáo, VTVlive vẫn chưa đổi tên theo yêu cầu của Đài THVN và VTVcab.

Tại thời điểm 31/12/2023 cơ cấu tổ chức và nhân sự của VTVcab như sau:

Hội đồng quản trị (03 thành viên); Ban kiểm soát (04 thành viên); Ban điều hành (04 thành viên, gồm: Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng); 27 Phòng, Ban và Trung tâm (Trong đó: 03 Trung tâm có đăng ký kinh doanh); 47 Chi nhánh (Trong đó: 11 Chi nhánh do Công ty INC quản lý, điều hành và 36 Chi nhánh do đối tác hợp tác quản lý, điều hành); 02 công ty con; 04 công ty liên kết.

(Chi tiết tại Phụ lục 01)

Tổng số lao động: 1.165 người (trong đó bao gồm Công ty INC là 628 người).

2.1.2. Tình hình hoạt động kinh doanh:

Năm 2023, VTVcab vẫn tiếp tục gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh truyền hình cáp, số lượng thuê bao giảm dần hàng năm làm cho nguồn thu từ hoạt động này giảm mạnh. Các nguồn thu khác cũng giảm, một phần do ảnh hưởng từ thuê bao truyền hình cáp, mặt khác do các dịch vụ mới chưa đáp ứng yêu cầu thị trường. Nguyên nhân chủ yếu được xác định do sự phát triển mạnh mẽ của các nhà mạng viễn thông về hạ tầng và công nghệ đã chiếm lĩnh phần lớn thị phần của truyền hình trả tiền.

Nhằm đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh, VTVcab đã triển khai đầu tư mạng Internet để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và nâng cao chất lượng dịch vụ truyền hình cáp, cùng với đó tập trung phát triển sản xuất, kinh doanh về nội dung và lấy việc phân phối nội dung để bù đắp sự suy giảm nguồn thu từ thuê bao truyền hình cáp, đồng thời định hướng là nguồn thu chủ yếu của VTVcab.

2.1.3. Kết quả kinh doanh:

Thông qua hoạt động kiểm soát thường xuyên và thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 của VTVcab được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, Ban kiểm soát báo cáo kết quả kinh doanh của VTVcab năm 2023 như sau:

a) Kết quả kinh doanh của công ty mẹ:

- Các chỉ tiêu về sản phẩm, dịch vụ (chỉ tiêu về hiện vật):

+ Thuê bao truyền hình cáp do VTVcab trực tiếp cung cấp cho khách hàng:

TT	Diễn giải	Thuê bao đang nổi lũy kế ngày 01/01/2023	Thuê bao đang nổi lũy kế ngày 31/12/2023	So sánh	
				Chênh lệch	Tỷ lệ
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
1	Thuê bao truyền hình cáp truyền thống	945.491	811.514	-133.977	86%
	Thuê bao Analog và SD	714.759	608.269	-106.490	85%
	Thuê bao HD	30.036	9.467	-20.569	32%
	Thuê bao chất	68.770	75.919	7.149	110%
	Thuê bao đình	131.926	117.860	-14.066	89%
2	Thuê bao Internet	159.871	171.632	11.761	107%
	Tổng cộng (*)	1.105.362	983.146	-122.216	89%

(*) Tổng số thuê bao trên đã tính quy đổi theo hiệu suất, số phòng hoặc thiết bị, áp dụng đối với các khách hàng là tổ chức.

Thuê bao truyền hình cáp cơ bản vẫn tiếp tục giảm mạnh do nhu cầu thị trường thay đổi từ truyền hình cáp truyền thống sang OTT.

Thuê bao Internet tăng 7% do VTVcab đã và đang đầu tư hạ tầng cáp quang tại các địa bàn có lượng thuê bao lớn để cung cấp dịch vụ Internet, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.

+ Thuê bao đồng phân phối (thuê bao hợp tác kinh doanh):

TT	Đối tác	01/01/2023	31/12/2023	Chênh lệch	Tỷ lệ
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
1	VNPT	3.332.537	3.544.764	212.227	106%
2	Viettel	2.081.973	2.102.225	20.252	101%
	Tổng	5.414.510	5.646.989	232.479	104%

Thuê bao hợp tác với VNPT và Viettel năm 2023 đều tăng, làm doanh thu cung cấp nội dung của VTVcab tăng theo. Tuy nhiên lượng thuê bao đồng phân phối tăng làm tăng tính cạnh tranh, đồng thời cũng là nguyên nhân làm giảm thuê bao trực tiếp của VTVcab.

Thị trường nội dung hiện nay đang có sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các đối tác trong, ngoài nước và trên mọi nền tảng hạ tầng, ảnh hưởng tới quan hệ hợp tác phân phối nội dung của VTVcab với các nhà mạng, có thể làm ảnh hưởng tới doanh thu hợp tác trong thời gian tới.

VTVcab cần xem xét và có giải pháp cân đối giữa phát triển thuê bao hợp tác và thuê bao trực tiếp của VTVcab để đảm bảo thị phần hoạt động và nguồn thu.

+ Dịch vụ truyền hình OTT:

TT	Diễn giải	01/01/2023	31/12/2023
A	B	1	2
1	VTVcab On		
	Tài khoản đăng ký bình quân/tháng	65.000	126.942

	Lượt tải lũy kế	10.853.328	11.984.992
	Tỷ lệ đăng ký/lượt tải lũy kế	0,60%	1,06%
2	OnPlus		
	Tài khoản đăng ký bình quân/tháng	40.000	123.287
	Lượt tải lũy kế	896.147	1.515.430
	Tỷ lệ đăng ký/lượt tải lũy kế	4,46%	8,14%

Số lượng khách hàng truy cập các app của VTVcab tương đối cao, tuy nhiên tỷ lệ đăng ký sử dụng trên lượt truy cập vẫn rất thấp, nên mặc dù doanh thu OTT tăng trưởng so với năm trước nhưng còn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu.

VTVcab cần tập trung nâng cao chất lượng về nội dung để thu hút khách hàng, tăng hiệu quả kinh doanh đối với loại hình đang là xu hướng phát triển hiện nay.

- Các chỉ tiêu giá trị về kết quả kinh doanh:

KQKD	KH 2023 (*)	TH 2023 (triệu đồng)	TH 2022 (triệu đồng)	So sánh (%)	
				KH 2023	TH 2022
1	2	3	4	5=3/2	6=3/4
I. Tổng doanh thu	2.070.000	2.151.959	2.342.653	103,96%	91,86%
1. DT thuê bao các loại	793.180	796.422	850.928	100,41%	93,59%
2. DT Bản quyền	841.491	866.914	872.544	103,02%	99,35%
3. DT Truyền dẫn	152.806	154.732	165.376	101,26%	93,56%
4. DT Xã hội hoá	91.664	89.909	101.820	98,09%	88,30%
5. DT Quảng cáo	64.402	148.534	322.866	230,64%	46,00%
6. DT SX chương trình	64.976	57.239	18.009	88,09%	317,83%
7. DT OTT		17.094	6.752		253,16%
8. DT Tài chính	14.581	15.273	4.343	104,75%	351,70%
9. DT Khác	46.900	5.842	17	12,46%	
II. Tổng chi phí	2.034.520	2.123.574	2.257.432	104,37%	94,06%
1. CP Giá vốn		1.714.512	1.794.139		95,56%
2. CP tài chính		1.247	25.209		4,95%
3. CP bán hàng		219.926	202.569		108,57%
4. CP quản lý		187.610	235.322		79,72%
5. CP khác		280	193		144,96%
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	35.480	28.384	85.221	80,00%	33,31%
IV. Lợi nhuận sau thuế	28.384	23.952	68.845	84,39%	34,79%

(*) Kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã điều chỉnh.

Lợi nhuận năm 2023 chưa đạt kế hoạch năm 2023 và giảm mạnh so với năm 2022, nguyên nhân do:

+ Doanh thu giảm: Doanh thu thuê bao truyền hình cáp giảm và các loại doanh thu liên quan đến truyền hình cáp giảm theo, trong khi doanh thu các loại dịch vụ, nội dung mới chưa phát triển tương xứng nên không thể bù đắp sự suy giảm doanh thu từ truyền hình cáp.

+ Chi phí không giảm: Một số khoản mục chi phí có tính chất cố định chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí, không những không giảm mà còn tăng, như: chi phí bản quyền, chi phí thuê cột điện,... làm cho tỷ lệ giảm chi phí thấp hơn tỷ lệ giảm doanh thu, dẫn đến lợi nhuận giảm.

- Các chỉ tiêu về tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	01/01/2023
1	Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	48,03	45,4
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	51,97	54,6
1.2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	66,5	63,8
	- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	33,5	36,2
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,75	0,75
2.2	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,71	0,69
3	Hệ số nợ			
3.1	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	1,98	1,76
3.2	Hệ số nợ phải trả/Vốn điều lệ	lần	2,72	2,57

+ Cơ cấu tài sản: Tỷ lệ tài sản ngắn hạn và dài hạn trên tổng tài sản ít biến động. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu là các khoản phải thu từ khách hàng; Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là các khoản chi phí trả trước dài hạn và tài sản cố định.

+ Cơ cấu nguồn vốn: Tỷ lệ nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu/tổng tài sản có chiều hướng mất cân đối so với cơ cấu tài sản, cụ thể là một phần tài sản dài hạn đang sử dụng nguồn vốn ngắn hạn.

+ Khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh ít biến động so với thời điểm đầu năm, tuy nhiên tỷ lệ này (<1) cho thấy tài sản ngắn hạn hiện có không đáp ứng đủ các khoản nợ ngắn hạn;

+ Hệ số nợ: Hệ số nợ tăng so với thời điểm đầu năm do các khoản nợ phải trả tăng và vốn chủ sở hữu giảm do giảm lợi nhuận.

b) Kết quả kinh doanh hợp nhất:

Các chỉ tiêu chủ yếu về kết quả kinh doanh hợp nhất:

TT	Chỉ tiêu	2023 (triệu đồng)	2022 (triệu đồng)	Chênh lệch (triệu đồng)	Tỷ lệ TH 2023/2022 (%)
A	B	1	2	3 = 1 - 2	4=1/2
1	Doanh thu thuần	2.170.256	2.401.310	-231.054	90%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	13.124	82.700	-69.576	16%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.690	61.271	-51.581	16%
4	Lợi nhuận sau thuế thuộc VTVcab	11.326	57.249	-45.923	20%

5	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-1.636	4.022	-5.658	-41%
---	--	--------	-------	--------	------

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 9.690 triệu đồng, bằng 16% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất giảm mạnh so với kế hoạch và cùng kỳ năm 2022 do kết quả kinh doanh của công ty mẹ và hầu hết các công ty con, công ty liên kết đều giảm.

Kết quả kinh doanh các công ty con, công ty liên kết năm 2023 như sau:

TT	Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	
			2023	2022
I	Công ty con			
1	Công ty TNHH MTV Hạ tầng viễn thông VTVcab	100%	562	2.433
2	Công ty CP Công nghệ Việt Thành	51%	6.819	8.175
3	Công ty CP Phát triển thể thao VTVcab (Đã thoái vốn)	50,1%	-9.975	2.667
II	Công ty liên kết			
1	Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTVHyundai	25%	-49.008	-55.395
2	Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo đa phương tiện	20%	1.816	3.405
3	Công ty CP VTVcab Nam Định	39%	-1.469	-210
4	Công ty CP Truyền thông On+	36%	-579	-13.022
5	Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam (Đã thoái vốn)	24%	-44.605	-38.330

Kết quả kinh doanh năm 2023 của các công ty con, công ty liên kết hầu hết đều giảm, trong đó:

- Công ty TNHH Hạ tầng viễn thông VTVcab: lợi nhuận 2023 là 562 triệu đồng, bằng 23% so với năm 2022.

- Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần công nghệ Việt Thành và Công ty cổ phần truyền hình cáp Nam Định, suy giảm mạnh so với các năm trước, do các công ty này chủ yếu kinh doanh lĩnh vực truyền hình cáp truyền thống nên chịu ảnh hưởng rất lớn của thị trường, cùng với sự cạnh tranh của các nhà mạng viễn thông như Viettel, VNPT, FPT, ...

- Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV Hyundai: mặc dù đã giảm lỗ so với năm 2022 nhưng tổng số lỗ lũy kế (đã vượt vốn đầu tư của chủ sở hữu) ngày càng tăng sẽ làm ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của công ty.

- Công ty Smart Media: Khoản vốn góp của Đài THVN tại Smart Media chuyển giao cho VTVcab quản lý từ năm 2016, nhưng chưa ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại VTVcab. Tuy nhiên, cổ tức nhận được hàng năm từ khoản vốn góp trên đã được ghi nhận doanh thu tài chính của VTVcab. VTVcab cần xem xét việc hạch toán kế toán phù hợp, nhất quán.

- Công ty CP Truyền thông On+: VTVcab đã có chủ trương thoái vốn tại Công ty này, tuy nhiên công nợ phải thu của VTVcab với On+ cuối kỳ lớn (sau khi bù trừ công nợ phải thu là 12,5 tỷ đồng) sẽ ảnh hưởng tới khả năng thu hồi vốn.

VTVcab đã hoàn thành thoái vốn tại VTVcab Sport, VTVlive năm 2023 và dự kiến tiếp tục thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của VTVcab trong năm 2024.

2.2. Các hoạt động khác:

a) Hoạt động đầu tư:

Trong năm 2023, tổng giá trị đầu tư theo hợp đồng là 80.564 triệu đồng tương ứng 29% kế hoạch đầu tư năm 2023, chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023 theo giá trị hợp đồng	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch
	Tổng	275.417	80.564	29%
I	Các dự án kỹ thuật	214.971	52.469	24%
1	Các dự án đầu tư	140.517	24.928	18%
1.1	Các dự án truyền dẫn phát sóng	33.944	2.005	6%
1.2	Các dự án sản xuất chương trình	26.120	0	0%
1.3	Các dự án dịch vụ gia tăng và các dịch vụ mới	10.500	0	0%
1.4	Các dự án công nghệ thông tin	16.953	1.650	10%
1.5	Các dự án mạng cáp	53.000	21.274	40%
2	Các chi phí	74.454	27.540	37%
2.1	Các chi phí bảo hành, bảo trì hàng năm của các hệ thống KTTD, CNTT, SXCT, CNPM, HTVT	25.978	12.550	48%
2.2	Các chi phí gia hạn phần mềm, license	1.622	1.155	71%
2.3	Các chi phí thuê thiết bị và các dịch vụ khác	19.964	2.760	14%
2.4	Chi phí thanh thải mạng cáp	26.890	11.075	41%
II	Các dự án quản trị, mua sắm	60.446	28.095	46%
1	Tài sản cố định (Thiết bị, xe, máy móc...)	30.215	26.081	86%
2	Máy tính chuyên dụng phục vụ Sản xuất chương trình	15.076	0	0%
3	Máy tính, thiết bị phục vụ khối văn phòng	3.263	2.014	62%
4	Mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh	5.940	0	0%
5	Dự án sửa chữa nâng cấp cải tạo văn phòng làm việc, hệ thống PCCC tòa nhà Ngọc Khánh	5.953	0	0%

Tỷ lệ thực hiện đầu tư năm 2023 đạt rất thấp so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu do giảm doanh thu, khó khăn trong việc thu hồi công nợ dẫn tới khả năng tài chính của VTVcab chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu đầu tư theo kế hoạch. VTVcab cần xem xét kỹ mục tiêu đầu tư và đánh giá khả năng tài chính khi lập kế hoạch đầu tư cho các năm tiếp theo.

b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh:

Việc hợp tác kinh doanh với một số đối tác đang suy giảm, nhất là với các đối tác thuộc mảng truyền hình cáp. Việc đối soát, phân chia kết quả kinh doanh chậm trễ dẫn tới việc hạch toán kế toán và thu hồi công nợ chưa kịp thời, một số đơn vị hợp tác có số dư công nợ lớn như Công ty Trí Việt 87.950 triệu đồng, Công ty cổ phần bưu chính viễn thông Sài Gòn (SPT) 8.346 triệu đồng, Công ty cổ phần truyền hình cáp Sài Gòn 25.736 triệu đồng.

c) Quản lý công nợ:

- Công nợ phải thu:

+ Phải thu ngắn hạn:

Tổng số dư nợ phải thu ngắn hạn bao gồm: Phải thu ngắn hạn khách hàng, phải thu ngắn hạn khác và trả trước cho người bán ngắn hạn tại 31/12/2023 là 776.138 triệu đồng, tăng so với thời điểm đầu năm là 12.370 triệu đồng, tương ứng tăng 2%.

Các khoản phải thu quá hạn tại 31/12/2023 là 111.256 triệu đồng giảm 2.471 triệu đồng so với đầu năm, chiếm 14% trên tổng số phải thu ngắn hạn. Trong đó, nợ quá hạn trên 01 năm là 55.973 triệu đồng chiếm 50,3% tổng dư nợ quá hạn.

Nợ phải thu quá hạn và dự phòng phải thu quá hạn cuối năm 2023 đã giảm so với đầu năm, tuy nhiên tỷ lệ công nợ quá hạn trên 01 năm khá lớn, gây rủi ro về vốn và dòng tiền.

+ Phải thu dài hạn:

Tổng các khoản phải thu dài hạn đến 31/12/2023 là 82.869 triệu đồng giảm 8.147 triệu đồng tương ứng với giảm 9% so với thời điểm đầu năm.

- Công nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2023 là 1.248.327 triệu đồng (bao gồm nợ phải trả ngắn hạn là 1.189.832 triệu đồng, nợ phải trả dài hạn là 58.495 triệu đồng) tăng 69.803 triệu đồng tương đương với 6% so với đầu năm.

Tổng nợ phải trả tăng chủ yếu từ các khoản phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác. Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn tăng 75.845 triệu đồng tương đương tăng 15% về chi phí bản quyền các gói kênh và phân phối các chương trình nước ngoài, bản quyền các giải thể thao và chi phí sản xuất chương trình thể thao. Phải trả ngắn hạn khác tăng 31.247 triệu đồng tương đương tăng 28% chủ yếu các khoản phải trả liên quan đến phân chia kết quả hợp tác kinh doanh dịch vụ truyền hình với Công ty cổ phần truyền thông Á Việt và hợp tác kinh doanh dịch vụ Internet với Tổng công ty truyền thông Viettel và Công ty dịch vụ mobifone Khu vực 1-CN Tổng công ty viễn thông và khoản phải trả Công ty cổ phần Yeosim- VTVcab theo hợp đồng hợp tác kinh doanh về hỗ trợ tư vấn doanh nghiệp và kinh doanh các sản phẩm của Hàn Quốc.

d) Công tác thoái vốn của VTVcab tại các doanh nghiệp:

Năm 2023, VTVcab tiếp tục triển khai thoái vốn tại 03 Công ty gồm: VTVcab Sport, VTVlive và Vita, cụ thể như sau:

- Đối với VTVcab Sport: VTVcab đã hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn của VTVcab tại VTVcab Sport cho Công ty TNHH Tập đoàn đầu tư Liên Sao theo Hợp đồng số 236/2023/HĐCNCP/VTVcab Sport ngày 21/09/2023 với tổng số tiền 1.233.460.000 đồng. Công ty Liên Sao đã thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng cho VTVcab. Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng phần vốn, VTVcab Sport đã đổi tên thành Công ty cổ phần truyền thông Liên Sao.

- Đối với VTVlive: VTVcab đã hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn tại VTVlive cho Ông Phan Anh Tuấn (CCCD số 001078010286, địa chỉ tại P3112A-Park 7-KĐT TimeCity, điện thoại 0707321122) theo hợp đồng số

246/2023/HĐCNCP/VTVcab ngày 22/09/2023 được ký 3 bên giữa VTVcab, Ông Phan Anh Tuấn và VTVlive với tổng số tiền 17.800.000.000 đồng. Hiện tại ông Tuấn đã thanh toán số tiền theo hợp đồng. Tuy nhiên, việc đổi tên VTVlive và thương hiệu theo chỉ đạo của Đài THVN (không sử dụng thương hiệu VTV) chưa thực hiện.

- Đối với Vita: Chủ trương thoái vốn tại Vita đã được VTVcab triển khai từ năm 2022 nhưng hiện nay việc xác định giá trị doanh nghiệp của Vita vẫn chưa hoàn thành, VTVcab cần tập trung đẩy nhanh tiến độ.

- VTVcab đang tiếp tục rà soát và triển khai thoái vốn tại Công ty ON+, dự kiến thực hiện trong năm 2024.

c) Quyết toán cổ phần hóa:

Hiện nay, VTVcab vẫn chưa hoàn thành quyết toán cổ phần hóa, do còn một số tồn tại vướng mắc chưa được xử lý, gồm các nội dung sau:

- VTVcab chưa ghi nhận tăng vốn Nhà nước đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Truyền thông Quảng cáo đa phương tiện (Smart media).

- VTVcab chưa xác định giá trị vốn góp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại doanh nghiệp khác và chưa hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư sau khi bù đắp tổn thất (nếu có) theo Khoản 3, Điều 32, Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, số tiền 50.092.745.334 đồng tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-Hyundai.

- VTVcab chưa xác định và xử lý tổn thất nợ phải thu khó đòi theo Điều 17, Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 và hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu khó đòi, số tiền 28.552.062.897 đồng tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần.

- Đối với khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu của khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành (VITA): Vốn điều lệ VITA sau khi phát hành là 105.000.000.000 đồng. Giá trị cổ phiếu theo sổ sách tại ngày 30/06/2018 của VITA là 19.363 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu VTVcab nhận được là 3.213.000 cổ phiếu, giá trị cổ phiếu VTVcab nhận được tính theo sổ sách của VITA tại ngày 30/06/2018 là 62.211.774.150 đồng và chưa xử lý khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

** Đề xuất của Ban kiểm soát:*

VTVcab cần sớm triển khai việc xử lý tài chính đối với các khoản tổn thất đầu tư, các khoản công nợ không thu hồi được trước khi hoàn nhập dự phòng theo quy định nhằm phản ánh đúng giá trị phần vốn nhà nước thời điểm cổ phần hóa. Báo cáo Đài THVN, Ban chỉ đạo CPH nhằm giải quyết triệt để các vướng mắc để quyết toán cổ phần hóa. Báo cáo Đài THVN xem xét trình Chính phủ cho phép gia hạn thời gian quyết toán cổ phần hóa để xử lý các nội dung còn tồn tại vướng mắc nêu trên, đồng thời xin giãn thời gian nộp số vốn nhà nước còn lại sau khi quyết toán để tháo gỡ khó khăn về dòng tiền.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

a) Đối với Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị VTVcab hiện có 03 thành viên, những thay đổi về Thành viên HĐQT trong năm 2023 như báo cáo tại mục 2.1.1.

HDQT đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCD thường niên, sâu sát trong việc chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh năm 2023 của VTVcab.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức định kỳ hàng quý/lần. Ngoài ra, những nội dung quan trọng đột xuất cần ban hành nghị quyết và do điều kiện không thể tổ chức được cuộc họp, Hội đồng quản trị đã gửi phiếu lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên theo quy định.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành 27 Nghị quyết, nội dung chủ yếu tập trung công tác tái cấu trúc bộ máy hoạt động và chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023, xây dựng kế hoạch năm 2024.

Đặc biệt là trong năm 2023, VTVcab có sự thay đổi về các Thành viên HDQT và Chủ tịch HDQT. Theo đó, Bộ máy quản lý và cơ cấu lao động được rà soát và sắp xếp lại để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của VTVcab.

Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2024 và các năm tiếp theo của VTVcab vẫn theo mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2025, đó là duy trì ổn định dịch vụ truyền hình cáp, đồng thời mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh về nội dung đa nền tảng để đảm bảo ổn định nguồn thu và từng bước phát triển.

b) Ban điều hành:

Ban điều hành hiện có 04 thành viên, những thay đổi về Thành viên Ban điều hành trong năm 2023 như báo cáo tại mục 2.1.1.

Ban điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của HDQT và ĐHĐCD, hoạt động tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ VTVcab;

Ban điều hành tổ chức họp giao ban định kỳ hàng tuần, tháng, quý và năm có sự tham gia của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát với các đơn vị trực thuộc VTVcab để đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và triển khai các công việc kỳ tiếp theo;

Thường xuyên rà soát tình hình hoạt động kinh doanh để có giải pháp điều hành phù hợp với thực tế;

Tổ chức tốt các hoạt động, sự kiện trong năm và thường niên của VTVcab; quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;

Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

Nhìn chung công tác quản lý, điều hành của VTVcab đã phát huy tốt vai trò quản trị và phù hợp với thực tế hoạt động của VTVcab.

Năm 2023, Ban kiểm soát không nhận được đơn, thư hay ý kiến, khiếu nại nào về công tác quản lý, điều hành của VTVcab.

4. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông:

- Đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

Ban kiểm soát thường xuyên và chủ động phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản

trị và Ban điều hành, tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, đồng thời tháo gỡ những vướng mắc trong công tác quản lý, điều hành của VTVcab trên nguyên tắc vì sự phát triển của VTVcab, lợi ích của cổ đông và người lao động theo đúng quy định Pháp luật, Điều lệ của VTVcab.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn tạo mọi điều kiện cho hoạt động của Ban kiểm soát, ghi nhận những ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát và có những điều chỉnh phù hợp, kịp thời.

Thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định và các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành.

- Đối với Cổ đông:

Ban kiểm soát đã thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ hàng quý về tình hình quản lý, điều hành hoạt động của VTVcab theo yêu cầu của Đài THVN (cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối).

Ngoài ra Ban kiểm soát không nhận được đơn, thư yêu cầu hay khiếu nại nào từ các cổ đông khác của VTVcab.

5. Kết quả giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã được Hội đồng quản trị, Ban điều hành triển khai thực hiện đầy đủ.

Tuy nhiên, một số nội dung tồn tại từ các năm trước vẫn chưa xử lý xong, gồm:

- Xử lý khoản vốn góp tại SmartMedia của Đài THVN giao cho VTVcab quản lý tại thời điểm cổ phần hóa;
- Quyết toán cổ phần hoá VTVcab.

6. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

- Đối với hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ VTVcab và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Triển khai công tác kiểm soát theo đúng kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực về các mặt hoạt động của VTVcab với Hội đồng quản trị, Ban điều hành để triển khai hoạt động của VTVcab đạt được mục tiêu, hiệu quả và phù hợp quy định.

- Đối với các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát đã triển khai công việc, nhiệm vụ được giao theo đúng sự phân công, tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát khi được triệu tập; tham gia ý kiến rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động của VTVcab; phối hợp tốt với các đơn vị trong VTVcab để cùng hoàn thành nhiệm vụ.

Trong các phiên họp và các hoạt động của Ban kiểm soát, các thành viên đều làm việc với tinh thần trách nhiệm, tích cực đóng góp ý kiến, trao đổi, thảo luận nâng

cao hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát.

Tuy nhiên, các thành viên Ban kiểm soát cần tích cực, chủ động và cố gắng hơn nữa trong công việc của mình, thường xuyên phối hợp với các thành viên khác để cùng tham gia giải quyết các công việc thuộc phạm vi, nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

7. Kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2024

Căn cứ chủ trương về chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh của VTVcab, Ban kiểm soát đề xuất kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2024 như sau:

a) Các nội dung kiểm soát:

Nội dung hoạt động kiểm soát năm 2024 theo quy định pháp luật, Điều lệ VTVcab, gồm các nội dung cụ thể tại mục 01 của báo cáo này. Trong đó, tăng cường phối hợp với HĐQT và Ban điều hành rà soát xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh và quản trị công ty để tăng doanh thu, giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh của VTVcab trong năm 2024.

b) Các hoạt động cụ thể của Ban kiểm soát trong năm 2024:

Thời gian	Nội dung công việc	Ghi chú
Quý I	- Tổng hợp và đánh giá kết quả giám sát hoạt động quản lý, điều hành của VTVcab năm 2023; - Báo cáo Đài THVN về công tác quản lý điều hành hoạt động của VTVcab quý IV và năm 2023.	Đã thực hiện
Quý II	- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023; - Báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát năm 2023 trình ĐHĐCĐ thường niên 2024; - Đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của VTVcab năm 2024; - Phối hợp rà soát hợp đồng kinh doanh, chi phí hoạt động của các đơn vị thuộc VTVcab. - Thẩm định báo cáo tài chính của VTVcab quý I/2024; - Báo cáo Đài THVN về công tác quản lý điều hành hoạt động của VTVcab quý I năm 2024.	
Quý III	- Thẩm định báo cáo tài chính quý II/2024; - Báo cáo Đài THVN về công tác quản lý điều hành hoạt động của VTVcab quý II năm 2024. - Kiểm soát công tác thoái vốn và quyết toán cổ phần hoá của VTVcab; - Tổ chức hoạt động kiểm soát thực tế tại các đơn vị thuộc VTVcab.	
Quý IV	- Thẩm định báo cáo tài chính quý III/2024; - Báo cáo Đài THVN về công tác quản lý điều hành hoạt động của VTVcab quý III năm 2024. - Kiểm soát công tác đầu tư và mua sắm vật tư, tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh;	

	- Kiểm soát tình hình đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên kết, đơn vị hợp tác và quản lý công nợ của VTVcab.	
--	---	--

c) Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tiền lương, thù lao của thành viên Ban kiểm soát được chi trả theo thực tế tại VTVcab và phù hợp với quy định pháp luật;
- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được thanh toán theo thực tế và quy định của VTVcab.

8. Nhận xét, đánh giá và kiến nghị của Ban kiểm soát

a) Nhận xét, đánh giá:

Công tác quản lý, điều hành của VTVcab được triển khai theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Đài THVN thông qua người đại diện vốn tại VTVcab.

Kết quả kinh doanh của VTVcab năm 2023 đạt thấp so với kế hoạch, chủ yếu do sự suy giảm của hoạt động kinh doanh truyền hình cáp truyền thống, cùng với sự cạnh tranh gay gắt của thị trường truyền hình trả tiền, trong khi các hoạt động kinh doanh về nội dung mới được triển khai chưa đạt kế hoạch như kỳ vọng nên không đủ bù đắp phần thiếu hụt của doanh thu truyền hình cáp.

Mặc dù kết quả kinh doanh suy giảm nhưng các hoạt động khác của VTVcab trong năm 2023 vẫn luôn được duy trì ổn định, cụ thể:

- Hoạt động kinh doanh được triển khai đảm bảo an ninh, an toàn;
- Các nghĩa vụ đối với nhà nước và cổ đông được thực hiện đầy đủ, phù hợp với tình hình hoạt động của VTVcab;
- Tiền lương và thu nhập năm 2023 của người lao động có giảm nhưng vẫn đảm bảo mặt bằng thu nhập của xã hội và khu vực;
- Các hoạt động chính trị-xã hội cũng như các hoạt động phúc lợi của VTVcab vẫn luôn được quan tâm đầy đủ và đảm bảo giá trị thương hiệu VTVcab.

b) Kiến nghị:

Trên cơ sở các nội dung trình bày tại báo cáo này, ban kiểm soát có một số kiến nghị đối với công tác quản lý, điều hành của VTVcab như sau:

- VTVcab cần sớm rà soát, sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế, quy định nội bộ để phù hợp với tình hình thực tế;
- Nâng cao vai trò, hiệu quả đối với công tác xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư;
- Thường xuyên đánh giá hiệu quả các hợp đồng kinh doanh, nhất là các hợp đồng hợp tác, liên kết kinh doanh với các đối tác để nắm bắt tình hình và có giải pháp quản lý hiệu quả;
- Nâng cao vai trò công tác kế toán tài chính đối với hoạt động quản lý, đảm bảo việc hạch toán kế toán phải đánh giá được hiệu quả kinh doanh theo từng hoạt động,

từng đơn vị, bộ phận thuộc VTVcab, giúp công tác quản lý, điều hành và kiểm soát hoạt động kinh doanh của VTVcab hiệu quả hơn; đồng thời, có giải pháp tăng cường quản lý và thu hồi công nợ.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ xử lý các vấn đề còn tồn đọng, như: công tác thoái vốn đầu tư của VTVcab tại các công ty kém hiệu quả; quyết toán cổ phần hóa.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát năm 2023 của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Ban kiểm soát xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu BKS, VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Điệp

PHỤ LỤC 01

Cơ cấu tổ chức hoạt động của VTVcab tại ngày 31/12/2023

(Kèm theo Báo cáo của Ban kiểm soát trình DHDCTD thường niên năm 2024)

I. Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Hải Thanh	Chủ tịch
2	Ông Bùi Huy Năm	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Vũ Quang Tạo	Thành viên

II. Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Minh Điệp	Trưởng Ban
2	Ông Phan Tất Thành	Thành viên chuyên trách
3	Bà Trần Thị Hải Hà	Thành viên chuyên trách
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên kiêm Trưởng Ban KTNB

III. Ban Điều hành:

TT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Bùi Huy Năm	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Ninh	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lê Trung Tấn	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Trần Ngọc Huyền	Kế toán trưởng

IV. Phòng, Ban, Trung tâm thuộc VTVcab:

TT	Tên đơn vị	Ghi chú
	Phòng	
1	Văn phòng	
2	Phòng nhân sự	
3	Phòng Kế hoạch đầu tư	
4	Phòng Kinh doanh bản quyền	
5	Phòng Quản lý nội dung	
6	Phòng Truyền thông quảng cáo	
7	Phòng đối soát	thuộc Ban Kiểm toán nội bộ
	Ban	
1	Ban Tài Chính Kế toán	
2	Ban Kiểm toán nội bộ	
3	Ban Kinh doanh Thương mại	
4	Ban Thư ký biên tập	
	Trung tâm	
1	Trung tâm sản xuất nội dung thể thao	
2	Trung tâm Công nghệ thông tin	
3	Trung tâm Kỹ thuật truyền dẫn phát sóng	
4	Trung tâm Công nghệ phần mềm	
5	Trung tâm Sản xuất chương trình	

6	Trung tâm On Edu	
7	Trung tâm Esport	
8	Trung tâm On - trending	
9	Trung tâm Online	Có đăng ký kinh doanh
10	Trung tâm On Stars	Có đăng ký kinh doanh
11	Trung tâm Hợp tác và Sản xuất chương trình	
12	Trung tâm Dịch vụ số	
13	Trung tâm Hợp tác và sản xuất các chương trình phát thanh (On 365)	
14	Trung tâm Dịch vụ khách hàng	
15	Trung tâm Hỗ trợ tiếp thị và phân phối Việt Hàn	
16	Trung tâm Truyền hình Khách sạn - VTVcab Hotel	Có đăng ký kinh doanh

V. Chi nhánh:

TT	Tên đơn vị	Đơn vị chủ quản	Đơn vị điều hành
	Chi nhánh khu vực Hà Nội		
1	Chi nhánh 1	VTVcab	INC
2	Chi nhánh 2		
3	Chi nhánh 3		
4	Chi nhánh 4		
5	Chi nhánh 6		
6	Chi nhánh 8	VTVcab và Gia Trinh	Công ty Gia Trinh
7	Chi nhánh 10	VTVcab và Công ty TNHH Điện tử Sao Đỏ (Sao Đỏ)	Công ty Sao Đỏ
8	Chi nhánh 11	VTVcab và Sao Nam	Công ty Sao Nam
9	Chi nhánh 12	VTVcab và Thành An	Công ty Thành An
	Chi nhánh khu vực Miền Bắc		
10	Chi nhánh Quảng Ninh	VTVcab	Công ty INC
11	Chi nhánh Bắc Kạn	VTVcab và Trí Việt	Công ty SPT nhận từ Công ty Trí Việt ngày 01/06/2023. Ngày 01/09/2023 Công ty SPT chuyển lại cho Việt tiếp tục thực hiện Hợp đồng.
12	Chi nhánh Điện Biên		
13	Chi nhánh Lai Châu		
14	Chi nhánh Lào Cai		
15	Chi nhánh Hà Giang		
16	Chi nhánh Vĩnh Phúc		
17	Chi nhánh Hưng Yên		
18	Chi nhánh Phú Thọ		
19	Chi nhánh Thái Nguyên	VTVcab và Sông Việt 5	Công ty Sông Việt 5
20	Chi nhánh Thanh Hóa		
21	Chi nhánh Bắc Giang	VTVcab - Công ty Sao Đỏ - Công ty Viễn thông Sao Đỏ	Công ty Sao Đỏ
22	Chi nhánh Ninh Bình	VTVcab và Sao Đỏ	Công ty Sao Đỏ
	Chi nhánh khu vực Miền Trung		
23	Chi nhánh Nghệ An	VTVcab	Công ty INC
24	Chi nhánh Khánh Hòa		

25	Chi nhánh Huế	VTVcab và Trí Việt	Công ty SPT nhận từ Công ty Trí Việt ngày 01/06/2023. Ngày 01/09/2023 SPT chuyển lại cho Trí Việt tiếp tục thực hiện Hợp đồng.
26	Chi nhánh Quảng Nam		
27	Chi nhánh Đà Nẵng	VTVcab và Sông Thu	Sông Thu
	Chi nhánh khu vực Miền Nam		
28	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VTVcab	Công ty INC
29	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh 2		
30	Chi nhánh Tiền Giang		
31	Chi nhánh An Giang		
32	Chi nhánh Cần Thơ	VTVcab và Công ty SPT	SPT nhận chuyển giao từ Trí Việt ngày 01/02/2023
33	Chi nhánh Hậu Giang		
34	Chi nhánh Ninh Thuận	VTVcab và Trí Việt	Công ty SPT nhận từ Công ty Trí Việt ngày 01/06/2023. Ngày 01/09/2023 Công ty SPT chuyển lại cho Việt tiếp tục thực hiện Hợp đồng.
35	Chi nhánh Bình Thuận		
36	Chi nhánh Kiên Giang		
37	Chi nhánh Long An		
38	Chi nhánh Đồng Tháp		
39	Chi nhánh Sóc Trăng		
40	Chi nhánh Trà Vinh		
41	Chi nhánh Bến Tre		
42	Chi nhánh Bạc Liêu		
43	Chi nhánh Bình Phước		
44	Chi nhánh Vũng Tàu	VTVcab và THC Sài Gòn	THC Sài Gòn
45	Chi nhánh Đồng Nai (các huyện)	VTVcab và Việt Thành	Công ty Việt Thành
	Chi nhánh Đồng Nai (Thành phố)		
46	Chi nhánh Bình Dương	VTVcab và Thái Dương	Công ty Thái Dương
47	Chi nhánh Phú Quốc		

VI. Công ty con:

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ % VTVcab sở hữu
1	Công ty CP công nghệ Việt Thành	105.000	51%
2	Công ty TNHH MTV hạ tầng viễn thông VTVcab (INC)	3.000	100%

VII. Công ty liên kết:

STT	Tên công ty liên kết	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ % VTVcab sở hữu
1	Công ty CP Truyền thông ON+	10.000	36%
2	Tổng Công ty CP VTVcab Nam Định	21.034,2	39%
3	Cty CP truyền thông quảng cáo Đa phương tiện	90.000	20%
4	Công ty TNHH mua sắm tại nhà VTV-Hyundai	420.000	25%

Số: 31 /TTr - ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất của VTVcab cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản đã được kiểm toán trên Báo cáo tài chính riêng của VTVcab cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng tài sản	1.876.218.655.034
2	Vốn chủ sở hữu	627.891.139.158
3	Tổng doanh thu bao gồm doanh thu tài chính và thu nhập khác	2.151.958.597.296
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.384.411.568
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.952.022.659

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản đã được kiểm toán trên Báo cáo tài chính hợp nhất của VTVcab cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng tài sản	1.897.139.221.010
2	Vốn chủ sở hữu	572.800.033.887
3	Tổng doanh thu bao gồm doanh thu tài chính, thu nhập khác và lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết	2.206.001.548.813
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.123.911.625
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.689.958.881
6	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	11.325.932.325

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. ✓

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu: Ban TCKT, VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ✓

CHỦ TỊCH



Vũ Hải Thanh

Số: 37 /TTr - ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024;
Kế hoạch đầu tư năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024; kế hoạch đầu tư năm 2024, cụ thể như sau:

I. Kế hoạch kinh doanh năm 2024 Công ty mẹ:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng doanh thu	2.008.000
2	Tổng chi phí	1.978.800
3	Lợi nhuận trước thuế	29.200
4	Lợi nhuận sau thuế	23.960

II. Kế hoạch đầu tư năm 2024

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán/khái toán
I	Các dự án đầu tư, mua sắm thiết bị...do phòng KHĐT theo dõi	149.488
1	Năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024	27.097
2	Các dự án truyền dẫn phát sóng	15.338
3	Các dự án sản xuất chương trình	14.101
4	Các dự án gia tăng dịch vụ mới	9.000
5	Các dự án Công nghệ thông tin	14.665

STT	Nội dung	Dự toán/khai toán
6	Các dự án mạng cáp	59.874
7	Các dự án khác	9.413
II	Dự án mua sắm TSCĐ, trang thiết bị, sửa chữa văn phòng do VP theo dõi	47.208
1	Năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024	28.268
2	Các dự án phát sinh trong năm 2024	18.940
2.1	Dự án nâng cấp cải tạo sửa chữa Văn Phòng làm việc tòa nhà Ngọc Khánh, sàn thương mại tòa nhà FLC Đại Mỗ	13.785
2.2	Mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ và các hạng mục phụ trợ trang thiết bị văn phòng của khối phòng ban trung tâm năm 2024	5.155
	Tổng cộng	196.696

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu: Ban TCKT, VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Hải Thanh

Số: 01/TTr-BKS-VTVcab

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

**V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2024 của VTVcab**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab), Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 của VTVcab như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán:

- Công ty kiểm toán có uy tín hàng đầu, được phép hoạt động tại Việt Nam;
- Đáp ứng đầy đủ điều kiện và sẵn sàng thực hiện công việc kiểm toán theo yêu cầu của VTVcab;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp quy định của nhà nước và kế hoạch tài chính của VTVcab.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán:

Ban kiểm soát đã tiến hành rà soát các công ty kiểm toán đã thực hiện kiểm toán BCTC thường niên của VTVcab và các Công ty kiểm toán hàng đầu tại Việt nam theo danh sách của Bộ Tài chính và UBCK Nhà nước công bố hàng năm, qua đó Ban kiểm soát đề xuất Danh sách gồm 06 công ty kiểm toán sau:

- Công ty TNHH Deloitte (Deloitte)
- Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam (PwC)
- Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam (E&Y)
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Danh sách trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán trong Danh sách để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024 của VTVcab./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban điều hành;
- BKS;
- Lưu: BKS, VP

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


Nguyễn Minh Điệp

Số: 39 /TTr-VTVcab

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v thông qua báo cáo tình hình thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2023, phương án quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên VTVcab

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (sau đây gọi tắt là Nghị định 71) và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (sau đây gọi tắt là Thông tư 95);

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cấp Việt Nam.

Căn cứ kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam;

Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tình hình thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 và phê duyệt kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam (chi tiết theo bản đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Điều hành;
- Lưu: VT, HĐQT, NS (01).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Hải Thanh

**Báo cáo tình hình thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2023;
Phương án xây dựng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của thành viên
HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam**

HĐQT Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam kính trình ĐHĐCĐ thường niên VTVcab báo cáo tình hình thực hiện quỹ lương, thù lao năm 2023 và phương án xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 đối với thành viên HĐQT, BKS, BDH như sau:

I. Tình hình thực hiện quỹ tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành năm 2023

1. Kế hoạch năm phê duyệt:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức tiền lương cơ bản	Hệ số tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận kế hoạch	Kế hoạch năm 2023 theo Nghị quyết số 09/NQ-VTVcab ngày 22/6/2023				Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh theo Nghị quyết số 01/NQ-HDQT-VTVcab ngày 11/01/2024					
					Mức lương KH 2023	Mức thù lao KH 2023	Tổng quỹ lương KH năm	Tổng quỹ thù lao KH năm	Tỷ lệ điều chỉnh mức lương KH do loại trừ ytlq ảnh hưởng đến NSLĐ và LN	Mức lương KH 2023	Mức thù lao KH 2023	Tổng quỹ lương KH năm	Tổng quỹ thù lao KH năm	
I	Người đại diện vốn của Đài THVN tại VTVcab/Thành viên HDQT													
	Chủ tịch HDQT	1	36.000.000	1,5	54.000.000		648.000.000	0,9	48.600.000		583.200.000			
	Tổng Giám đốc	1	35.000.000		52.500.000		630.000.000		47.250.000		567.000.000			
	Thành viên HDQT	1	32.000.000		48.000.000		576.000.000		43.200.000		518.400.000			
II	Thành viên Ban Điều hành													
	Phó Tổng Giám đốc	5	32.000.000		48.000.000		2.880.000.000		43.200.000		2.592.000.000			
	Kế toán trưởng	1	29.000.000		43.500.000		522.000.000		39.150.000		469.800.000			
III	Thành viên Ban Kiểm soát													
	Trưởng ban Kiểm soát	1	29.000.000		43.500.000		522.000.000		39.150.000		469.800.000			
	Kiểm soát viên chuyên trách	2	16.000.000		24.000.000		576.000.000		21.600.000		518.400.000			
	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	1				4.900.000	58.800.000		4.900.000		58.800.000			
	Tổng quỹ lương, thù lao HDQT, BDH, BKS kế hoạch năm 2023						6.354.000.000	58.800.000			5.718.600.000	58.800.000		

2. Tình hình thực hiện năm:

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, VTVcab hoàn thành 104% doanh thu và 80% lợi nhuận kế hoạch sản xuất kinh doanh điều chỉnh do chủ sở hữu giao. Tuy nhiên, doanh thu năm 2023 giảm, đạt 92% so với năm 2022; Chi phí năm 2023 giảm, bằng 94% so với chi phí năm 2022 nhưng tốc độ giảm của chi phí chậm hơn doanh thu, Tổng Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm chi phí thường xuyên, thực hiện thoái vốn tại các đơn vị mà VTVcab đầu tư chưa hiệu quả, giảm dự phòng đầu tư tài chính. Mặc dù vậy, nhiều khoản chi phí cố định không cắt giảm được, một

số khoản chi phí thực tế phát sinh tăng như chi phí bản quyền, chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí thuê cột điện (đơn giá thuê cột điện tăng gấp 2 lần so với năm 2022)... dẫn đến lợi nhuận trước thuế của năm 2023 chỉ đạt 33% so với năm 2022. Do đó, theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước, Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam đã báo cáo giải trình phương án loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động và lợi nhuận khi xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và người quản lý công ty năm 2023, như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương TH 2023 theo tỷ lệ hoàn thành lợi nhuận TH/KH	Mức thù lao TH 2023	Tổng quỹ lương TH 2023	Tổng quỹ thù lao TH 2023
I	Người đại diện vốn của Đài THVN tại VTVcab/Thành viên HĐQT					
	Chủ tịch HĐQT	1,17	41.350.758		580.564.649	
	Tổng Giám đốc	1	42.140.907		505.690.887	
	Thành viên HĐQT	1	38.948.180		467.378.161	
II	Thành viên Ban Điều hành					
	Phó Tổng Giám đốc	4,92	30.556.095		1.804.031.829	
	Kế toán trưởng	1	34.989.576		419.874.918	
III	Thành viên Ban Kiểm soát					
	Trưởng ban Kiểm soát	1	34.800.000		417.600.000	
	Kiểm soát viên chuyên trách	2	19.200.000		460.800.000	
	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	1		4.900.000		58.800.000
	Tổng quỹ lương, thù lao HĐQT, BĐH, BKS thực hiện năm 2023				4.655.940.444	58.800.000

III. Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành năm 2024

1. Cơ sở xác định

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

- Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của VTVcab.

2. Phương án xây dựng:

Theo kế hoạch xây dựng, chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2024 là 29 tỷ đồng (đạt tỷ lệ 102,2% so với lợi nhuận thực hiện 2023) tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 28/TT-BLĐTBXH thì công ty có lợi nhuận kế hoạch dưới 50 tỷ đồng thì mức tiền lương bình quân kế hoạch tối đa của Người quản lý công ty không quá 36 triệu đồng/tháng (gọi là mức lương cơ bản). Do vậy, quỹ lương, thù lao kế hoạch 2024 của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát VTVcab được xây dựng cụ thể như sau:

TT	Chức danh		Số lượng	Mức tiền lương cơ bản	Kế hoạch năm 2024			
					Mức lương KH 2024	Mức thù lao KH 2024	Tổng quỹ lương KH năm 2024	Tổng quỹ thù lao KH năm
I	Người đại diện vốn của Đài THVN tại VTVcab/Thành viên HĐQT							
	Chủ tịch HĐQT		1	36.000.000	36.000.000		432.000.000	
	Tổng Giám đốc		1	35.000.000	35.000.000		420.000.000	
	Thành viên HĐQT		1	32.000.000	32.000.000		384.000.000	
II	Thành viên Ban Điều hành							
	Phó Tổng Giám đốc		3	32.000.000	32.000.000		1.152.000.000	
	Kế toán trưởng		1	29.000.000	29.000.000		348.000.000	
III	Thành viên Ban Kiểm soát							
	Trưởng ban Kiểm soát		1	29.000.000	29.000.000		348.000.000	
	Kiểm soát viên chuyên trách		2	16.000.000	16.000.000		384.000.000	
	Kiểm soát viên kiêm nhiệm		1			4.900.000		58.800.000
	Tổng quỹ lương, thù lao HĐQT, BĐH, BKS kế hoạch năm 2024						3.468.000.000	58.800.000

Mức lương và thù lao được chi theo số lượng nhân sự và tháng làm việc thực tế tại Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.

3. Đề nghị phê duyệt

3.1. Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua báo cáo xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam nêu trên, trong đó:

- Tổng quỹ lương kế hoạch 2024: 3.468.000.000 đồng
- Tổng quỹ thù lao kế hoạch 2024: 58.800.000 đồng

+ Trường hợp Công ty bảo toàn và phát triển vốn, bảo đảm tiền lương và thu nhập của người lao động không giảm, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người lao động và nhà nước theo quy định của pháp luật, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch tăng so với thực hiện năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách tăng so với mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề.

+ Trường hợp Công ty không bảo toàn và phát triển vốn, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người lao động và nhà nước theo quy định của pháp luật, tiền lương và thu nhập của người lao động và các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch giảm so với thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân

kế hoạch của người quản lý chuyên trách giảm so với mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề.

3.2. Kính đề nghị HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ xem xét đồng ý đề HĐQT thực hiện phương án chi trả lương, thù lao kế hoạch năm 2024:

+ Chỉ đạo thực hiện việc chi trả tiền lương, thù lao năm 2024 đối với các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

+ Quyết định nguyên tắc chi trả đối với các chức danh thuộc thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát theo số nhân sự, tháng làm việc thực tế và tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng của Tổng Công ty./.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Số: 40 /TTr - ĐHDCĐ

Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được sửa đổi theo bản đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./*TH*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Hải Thanh

Số: 41 /TTr - ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty đã được sửa đổi theo bản đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Hải Thanh

Số: 42 /TTr - ĐHDCĐ

Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Quy chế quản trị nội bộ của Công ty đã được sửa đổi theo bản đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng. /*ry*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Hải Thanh

Số: 43 /TTr - ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc tăng vốn Điều lệ tại Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam tương ứng với khoản đầu tư của Đài Truyền hình Việt Nam tại Smart Media

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-THVN ngày 25/02/2016 của Đài truyền hình Việt Nam (VTV) về việc chuyển quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn góp của Đài THVN tại Công ty Cổ phần Truyền thông Quảng cáo đa phương tiện (Smart Media) về Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) và biên bản chuyển giao kèm theo;

Căn cứ Công văn hướng dẫn số 8794/BTC-TCĐN ngày 01/08/2019 của Bộ tài chính về việc xử lý phát sinh tăng vốn nhà nước sau thời điểm xác định giá trị cổ phần hóa của VTVcab;

Căn cứ Công văn số 1032/QĐ-THVN ngày 04/11/2021 của Đài THVN về việc phê duyệt giá trị cổ phần tại Smart Media tại thời điểm Đài THVN chuyển quyền sở hữu vốn nhà nước sang VTVcab (19/04/2016);

Căn cứ Công văn số 1413/THVN-KHTC ngày 22/9/2023 của Đài truyền hình Việt Nam về việc xử lý phát sinh tăng vốn nhà nước tại thời điểm VTVcab chính thức chuyển thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 718/THVN-KHTC ngày 07/06/2024 của Đài THVN về việc cho ý kiến, biểu quyết về phương án điều chỉnh tăng vốn điều lệ của VTVcab;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại VTVcab tương ứng với khoản đầu tư tài chính của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Truyền thông, quảng cáo Đa phương tiện. Chi tiết nội dung phát hành cổ phiếu để điều chỉnh vốn điều lệ của VTVcab như sau:



1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	:	2.089.167 cổ phiếu
2. Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
4. Giá phát hành	:	10.000 đồng
5. Tổng giá trị phát hành	:	20.891.670.000 (Hai mươi tỷ, tám trăm chín mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng
6. Tổ chức phát hành	:	Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam
7. Đối tượng mua cổ phiếu	:	Đài truyền hình Việt Nam (VTV) Địa chỉ: 43 Nguyễn Chí Thanh, Ba Đình, Hà Nội Mã số thuế: 0101567589
8. Phương án phân phối	:	Phân phối trực tiếp cho Đài truyền hình Việt Nam (VTV)
9. Mục đích phát hành	:	Thực hiện điều chỉnh tăng vốn điều lệ tương ứng với khoản đầu tư của VTV tại VTVcab (*) tương ứng với quyền sở hữu 20% cổ phần tại Smart Media
10. Thời gian dự kiến phát hành	:	Trong năm 2024, thời gian phát hành cụ thể ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi nhận được chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(*) Khoản đầu tư của VTV tại VTVcab là quyền đại diện sở hữu 20% cổ phần của VTV tại Công ty Cổ phần Truyền thông quảng cáo đa phương tiện ("Smart Media") đã được chuyển giao cho VTVcab theo Quyết định số 228/QĐ-THVN ngày 25/02/2016 và Biên bản chuyển giao kèm theo. Chi tiết về nội dung khoản chuyển giao như sau:

Tên doanh nghiệp	:	Công ty cổ phần Truyền thông Quảng cáo Đa phương tiện (Smart Media)
Địa chỉ trụ sở chính	:	Tầng 7, Tòa nhà VIT, Số 519 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế	:	0102662034
Tỷ lệ sở hữu tại Smart Media của VTVcab (sau khi nhận chuyển giao từ VTV)	:	20%

Giá trị tại thời điểm nhận chuyển giao theo Quyết định số 228/QĐ-THVN của Đài THVN ngày 25/02/2016	: 18.000.000.000 (Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng chẵn)
Giá trị sau khi định giá lại	: 20.891.676.705 (Hai mươi tỷ, tám trăm chín mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm linh năm) đồng (Căn cứ theo chứng thư thẩm định giá số 79/2023/CTTĐG-CPA VALUATION ngày 21/07/2023 và Công văn số 1413/THVN-KHTC ngày 22/9/2023 của Đài truyền hình Việt Nam).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc điều chỉnh vốn điều lệ như sau:

1. Tiến hành các thủ tục có liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng khác;
2. Thực hiện các thủ tục đăng ký giao dịch cổ phiếu bổ sung tại HNX và đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại VSDC đối với số cổ phiếu phát hành để điều chỉnh vốn điều lệ;
3. Giao Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi Báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN;
4. Thực hiện các công việc khác phát sinh để hoàn thành việc thực hiện tăng vốn điều lệ theo đúng quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng ./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Hải Thanh

Số: /NQ-ĐHĐCĐ-VTVcab

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2024

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26/06/2024 của Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

(Nội dung Báo cáo của Hội đồng quản trị theo file đính kèm)

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban điều hành

(Nội dung Báo cáo của Ban điều hành theo file đính kèm)

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

(Nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát theo file đính kèm)

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản đã được kiểm toán trên Báo cáo tài chính riêng của VTVcab cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng tài sản	1.876.218.655.034
2	Vốn chủ sở hữu	627.891.139.158
3	Tổng doanh thu bao gồm doanh thu tài chính và thu nhập khác	2.151.958.597.296
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.384.411.568
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.952.022.659

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản đã được kiểm toán trên Báo cáo tài chính hợp nhất của VTVcab cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng tài sản	1.897.139.221.010
2	Vốn chủ sở hữu	572.800.033.887
3	Tổng doanh thu bao gồm doanh thu tài chính, thu nhập khác và lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết	2.206.001.548.813
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.123.911.625
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.689.958.881
6	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	11.325.932.325

Điều 5. Thông qua Báo cáo thực hiện quỹ tiền lương năm 2023, kế hoạch năm 2024 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát

- Báo cáo thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2023:

Đơn vị: đồng

TT	Chức danh	Tổng quỹ lương TH 2023	Tổng quỹ thù lao TH 2023
1	Hội đồng quản trị	1.553.633.697	0
2	Ban Điều hành (Phó TGD, KTT)	2.223.906.747	0
3	Thành viên Ban Kiểm soát	878.400.000	58.800.000
	Tổng quỹ lương, thù lao HĐQT, BĐH, BKS thực hiện năm 2023	4.655.940.444	58.800.000

- Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2024:

Đơn vị: đồng

TT	Chức danh	Tổng quỹ lương KH năm 2024	Tổng quỹ thù lao KH năm 2024
1	Hội đồng quản trị	1.236.000.000	0
2	Ban điều hành	1.500.000.000	0
3	Ban kiểm soát	732.000.000	58.800.000
	Tổng quỹ lương, thù lao HĐQT, BĐH, BKS kế hoạch năm 2024	3.468.000.000	58.800.000

Điều 6. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024; Kế hoạch đầu tư năm 2024

- Kế hoạch kinh doanh năm 2024 Công ty mẹ:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng doanh thu	2.008.000
2	Tổng chi phí	1.978.800
3	Lợi nhuận trước thuế	29.200
4	Lợi nhuận sau thuế	23.960

- Kế hoạch đầu tư năm 2024:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán/khái toán
I	Các dự án đầu tư, mua sắm thiết bị...do phòng KHĐT theo dõi	149.488
1	Năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024	27.097
2	Các dự án truyền dẫn phát sóng	15.338
3	Các dự án sản xuất chương trình	14.101
4	Các dự án gia tăng dịch vụ mới	9.000
5	Các dự án Công nghệ thông tin	14.665
6	Các dự án mạng cáp	59.874
7	Các dự án khác	9.413
II	Dự án mua sắm TSCĐ, trang thiết bị,sửa chữa văn phòng do VP theo dõi	47.208
1	Năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024	28.268
2	Các dự án phát sinh trong năm 2024	18.940
2.1	Dự án nâng cấp cải tạo sửa chữa Văn Phòng làm việc tòa nhà Ngọc Khánh, sàn thương mại tòa nhà FLC Đại Mỗ	13.785
2.2	Mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ và các hạng mục phụ trợ trang thiết bị văn phòng của khối phòng ban trung tâm năm 2024	5.155
	Tổng cộng	196.696

Điều 7. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Thông qua danh sách gồm 06 Công ty kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán trong danh sách để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của VTVcab:

- Công ty TNHH Deloitte (Deloitte)
- Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (PwC)
- Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam (E&Y)

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)

Điều 8. Thông qua sửa đổi Điều lệ

(Nội dung Điều lệ theo file đính kèm)

Điều 9. Thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT

(Nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT theo file đính kèm)

Điều 10. Thông qua sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ

(Nội dung Quy chế quản trị nội bộ theo file đính kèm)

Điều 11. Thông qua tăng vốn Điều lệ

Thông qua việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại VTVcab tương ứng với khoản đầu tư tài chính của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Truyền thông, quảng cáo Đa phương tiện. Chi tiết nội dung phát hành cổ phiếu để điều chỉnh vốn điều lệ của VTVcab như sau:

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	:	2.089.167 cổ phiếu
2. Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
4. Giá phát hành	:	10.000 đồng
5. Tổng giá trị phát hành	:	20.891.670.000 (Hai mươi tỷ, tám trăm chín mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng
6. Tổ chức phát hành	:	Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
7. Đối tượng mua cổ phiếu		Đài truyền hình Việt Nam (VTV)
	:	Địa chỉ: 43 Nguyễn Chí Thanh, Ba Đình, Hà Nội
		Mã số thuế: 0101567589
8. Phương án phân phối	:	Phân phối trực tiếp cho Đài truyền hình Việt Nam (VTV)
9. Mục đích phát hành	:	Thực hiện điều chỉnh tăng vốn điều lệ tương ứng với khoản đầu tư của VTV tại VTVcab (*) tương ứng với quyền sở hữu 20% cổ phần tại Smat Media
10. Thời gian dự kiến phát hành	:	Trong năm 2024, thời gian phát hành cụ thể ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi nhận được chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(*) Khoản đầu tư của VTV tại VTVcab là quyền đại diện sở hữu 20% cổ phần của VTV tại Công ty Cổ phần Truyền thông quảng cáo đa phương tiện (“Smart Media”) đã được chuyển giao cho VTVcab theo Quyết định số 228/QĐ-THVN ngày 25/02/2016 và Biên bản chuyển giao kèm theo. Chi tiết về nội dung khoản chuyển giao như sau:

Tên doanh nghiệp	:	Công ty cổ phần Truyền thông Quảng cáo Đa phương tiện (Smart Media)
Địa chỉ trụ sở chính	:	Tầng 7, Tòa nhà VIT, Số 519 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế	:	102662034
Tỷ lệ sở hữu tại Smart Media của VTVcab (sau khi nhận chuyển giao từ VTV)	:	20%
Giá trị tại thời điểm nhận chuyển giao theo Quyết định số 228/QĐ-THVN của Đài THVN ngày 25/02/2016	:	18.000.000.000 (Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng chẵn)
Giá trị sau khi định giá lại	:	20.891.676.705 (Hai mươi tỷ, tám trăm chín mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm linh năm) đồng (Căn cứ theo chứng thư thẩm định giá số 79/2023/CTTDG-CPA VALUATION ngày 21/07/2023 và Công văn số 1413/THVN-KHTC ngày 22/9/2023 của Đài truyền hình Việt Nam).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc điều chỉnh vốn điều lệ như sau:

1. Tiến hành các thủ tục có liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng khác;
2. Thực hiện các thủ tục đăng ký giao dịch cổ phiếu bổ sung tại HNX và đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại VSDC đối với số cổ phiếu phát hành để điều chỉnh vốn điều lệ;
3. Giao Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi Báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN;
4. Thực hiện các công việc khác phát sinh để hoàn thành việc thực hiện tăng vốn điều lệ theo đúng quy định.

Điều 5. Thi hành nghị quyết

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 06 năm 2024.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và các cá nhân liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- HNX;
- HDQT, BDH, BKS;
- CBTT;
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

VŨ HẢI THANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM**

PHIẾU BIỂU QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Họ tên cổ đông/đại diện cổ đông:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

ngày cấp:

nơi cấp

Mã đại biểu tham dự:

Số lượng cổ phần biểu quyết:

Quý cổ đông/Người được ủy quyền đánh dấu (X) hoặc (√) vào ô tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến

TT	Nội dung biểu quyết	Ý kiến		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị			
2	Báo cáo hoạt động của Ban điều hành			
3	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát			
4	Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán			
5	Báo cáo thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2023, kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BĐH, BKS			
6	Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2024; Kế hoạch đầu tư năm 2024			
7	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024			
8	Tờ trình sửa đổi Điều lệ			
9	Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT			
10	Tờ trình sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ			
11	Tờ trình về tăng vốn Điều lệ			

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

THẺ BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Tên cổ đông / Người đại diện:

Số CMND/ CCCD / Hộ chiếu / ĐKDN:

Mã đại biểu tham dự:

Số lượng cổ phần biểu quyết:

...	CP
-----	----

**ĐIỀU LỆ CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM**

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA	7
Điều 1. Định nghĩa	7
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY 9	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty	9
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	10
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	10
Điều 4. Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty	10
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty	14
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	14
Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần	14
Điều 7. Cổ phiếu và Sổ Đăng ký Cổ đông	15
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	16
Điều 9. Chào bán cổ phần	17
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần.....	17
Điều 11. Mua lại cổ phần	17
Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	18
Điều 13. Trả cổ tức.....	19
Điều 14. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức.....	20
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	21
Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	21
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	21
Điều 16. Quyền của Cổ đông	21
Điều 17. Nghĩa vụ của Cổ đông.....	24

Điều 18. Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 20. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.	29
Điều 21. Thay đổi quyền của Cổ đông ưu đãi.....	29
Điều 22. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 23. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 24. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 25. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	34
25.1 ĐHDCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.....	34
Điều 26. Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	36
Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	38
Điều 28. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	40
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	40
Điều 29. Thành phần Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT, ứng cử/dề cử Thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm/bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	43
Điều 31. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	45
Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị	46
Điều 33. Cuộc họp của Hội đồng quản trị, thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị, các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và người phụ trách quản trị Tổng Công ty .	47
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC....	51
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý và Người Điều hành	51
Điều 35. Tổng Giám đốc	51
Điều 36. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.....	54

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT	54
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	54
Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát	55
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	55
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	56
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	57
Điều 42. Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	58
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	58
Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng.....	58
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	58
Điều 45. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại	61
CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....	61
Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ của Tổng Công ty	62
Điều 47. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty	62
CHƯƠNG XII: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....	63
Điều 48. Người lao động và công đoàn	63
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH	63
Điều 49. Phân phối lợi nhuận.....	63
Điều 50. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh.....	64
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	65
Điều 51. Tài khoản ngân hàng	65
Điều 52. Năm tài chính	65
Điều 53. Chế độ kế toán	65

CHƯƠNG XV:	BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	66
Điều 54.	Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý	66
Điều 55.	Báo cáo thường niên.....	66
CHƯƠNG XVI:	KIỂM TOÁN.....	66
Điều 56.	Kiểm toán	66
CHƯƠNG XVII:	DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	67
Điều 57.	Dấu của doanh nghiệp	67
CHƯƠNG XVIII:	GIẢI THẺ VÀ THANH LÝ.....	67
Điều 58.	Giải thẻ	67
Điều 59.	Thanh lý	67
CHƯƠNG XIX:	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	68
Điều 60.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	68
CHƯƠNG XX:	TỔ CHỨC ĐẢNG.....	69
Điều 61.	Tổ chức Đảng	69
CHƯƠNG XXI:	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	70
Điều 62.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	70
CHƯƠNG XXII:	NGÀY HIỆU LỰC	70
Điều 63.	Ngày hiệu lực.....	70

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan khác.

Điều lệ này được Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty thông qua theo Nghị quyết số ... ngày ... tháng năm

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA

Điều 1. Định nghĩa

1.1 Trong Điều lệ này, những từ/cụm từ dưới đây, khi được viết hoa, có nghĩa như sau:

- (a) "**Tổng Công ty**" là Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam;
- (b) "**Vốn Điều lệ**" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và được quy định tại Điều 6;
- (c) "**Điều lệ**" hoặc "**Điều lệ Tổng Công ty**" là Điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam;
- (d) "**Ngày Thành lập**" là ngày Tổng Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu;
- (e) "**Cổ đông**" là cá nhân hoặc pháp nhân sở hữu cổ phần của Tổng Công ty;
- (f) "**Đại hội đồng Cổ đông**" bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty, được quy định tại Điều 18;
- (g) "**Hội đồng Quản trị**" là cơ quan quản lý Tổng Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, được quy định tại các Điều từ 29 đến 33;
- (h) "**Ban Kiểm soát**" là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu, nhằm giám sát các hoạt động quản lý và điều hành Tổng Công ty, được quy định tại các Điều từ 37 đến 42;
- (i) "**Tổng Giám đốc**" là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty, do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và có các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 35;
- (j) "**Người Quản lý**" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Tổng Công ty ký kết giao dịch của Tổng Công ty theo quy định

của Tổng Công ty;

- (k) "**Người Điều hành**" là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty;
- (l) "**Thành viên Hội đồng Quản trị Không Điều hành**" (sau đây gọi là Thành viên Không Điều hành) là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng và những Người Điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty;
- (m) "**Người Đại diện Theo Ủy quyền**" là cá nhân được Cổ đông tổ chức ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Tổng Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- (n) "**Người Có Liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán hiện hành hoặc quy định pháp luật khác có liên quan.
- (o) "**Người Có Quan hệ Gia đình**" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;
- (p) "**Công ty Kiểm toán**" là đơn vị kiểm toán độc lập được chỉ định để kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo quy định tại Điều lệ này;
- (q) "**Giao dịch Với Người Có Liên quan**" có nghĩa như được quy định tại Điều 44.7;
- (r) "**Thời hạn Hoạt động**" là thời hạn hoạt động của Tổng Công ty được quy định tại Điều 2.5;
- (s) "**Ngày Làm việc**" là ngày không phải là Thứ Bảy, Chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, tết theo pháp luật Việt Nam;
- (t) "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.2 Trong Điều lệ này:

- (a) Tham chiếu tới một hoặc một số văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
- (b) Tham chiếu đến một chương, mục, điều, khoản là chương, mục, điều, khoản của Điều lệ này, trừ khi được nêu rõ là của một tài liệu cụ thể khác.
- (c) Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- (d) Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

1.3 Các chữ viết tắt sử dụng trong Điều lệ:

- DHĐCD: Đại hội đồng Cổ đông
- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- BKS: Ban Kiểm soát
- KSV: Kiểm soát viên.
- GCNĐKDN: Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
- BCTC: Báo cáo tài chính

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty

2.1 Tên công ty

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.
- Tên tiếng Anh : Vietnam Television Cable joint stock company.
- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.
- Tên viết tắt : VTVcab

- 2.2 Tổng Công ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.
- 2.3 Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty:
- Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: 04 37714929
 - Fax: 04 38317364
 - Website: <http://www.vtvcab.vn>
- 2.4 Tổng Công ty có thể thành lập công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty theo quyết định của HĐQT và trong phạm vi không trái luật pháp.
- 2.5 Trừ khi Tổng Công ty bị giải thể hoặc chấm dứt sự tồn tại và hoạt động theo cách khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật, thời hạn hoạt động của Tổng Công ty bắt đầu từ Ngày Thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

Tổng Công ty có một người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty

4.1 Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Dịch vụ truyền hình trả tiền	5913 (Chính)

2	Hoạt động viễn thông có dây Chi tiết: Điều hành hệ thống phát bằng cáp (ví dụ phát dữ liệu và tín hiệu truyền hình) Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây	6110
3	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
4	Quảng cáo (trừ Quảng cáo thuốc lá)	7310
5	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
6	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
8	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, chứng khoán) Dịch vụ trung gian thanh toán	6619
9	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền)	7490
10	Hoạt động viễn thông khác	6190
11	Hoạt động xuất bản phần mềm Chi tiết: xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: hệ thống điều hành; kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính	5820
12	Hoạt động sản xuất trò chơi Chi tiết: sản xuất trò chơi điện tử; video giải trí, cờ ...	3240
13	Hoạt động công thông tin Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, website thương mại điện tử bán hàng, website khuyến mại trực tuyến, sàn giao dịch thương mại điện tử (chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6312
14	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán: dịch vụ công thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ; dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử; dịch vụ ví điện tử	6499
15	Hoạt động xuất bản khác Chi tiết: kinh doanh dịch vụ, phát hành xuất bản phẩm	5819
16	Hoạt động hậu kỳ	5912

17	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ loại nhà nước cấm)	5920
18	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Bao gồm dịch vụ cho thuê không gian hoặc vị trí, kèm theo hạ tầng về băng thông/kênh truyền dẫn, nguồn điện, điều hòa, không gian phòng máy và các thiết bị khác cùng với các dịch vụ liên quan tuân theo pháp luật Việt Nam.	6209
19	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	6399
20	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, hôn nhân có yếu tố nước ngoài, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
21	Nguyên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
22	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
23	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
24	Giáo dục văn hóa nghệ thuật	8552
25	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
26	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
27	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống sân khấu, phòng thu (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4329
28	Hoạt động phát thanh (trừ hoạt động báo chí)	6010
29	Hoạt động truyền hình (trừ hoạt động báo chí)	6021
30	Hoạt động viễn thông không dây	6120
31	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn trang thiết bị âm thanh, ánh sáng cho sân khấu, phòng thu. Hoạt động tư vấn đầu thầu, mời thầu trang thiết bị điện ảnh, truyền hình. Hoạt động đo đạc bản đồ	7110
32	Hoạt động giáo dục thể thao, giải trí	8551
33	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu, môi giới việc làm, lao động Chi tiết: Hoạt động tìm kiếm diễn viên (loại trừ môi giới việc làm, lao động)	7810
34	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
35	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá hàng hóa)	4610

36	Bán buôn thực phẩm	4632
37	Bán buôn đồ uống	4633
38	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
39	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
40	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
41	Bán buôn kim loại và quặng kim loại "Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu"	4662
42	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
43	Bán buôn tổng hợp	4690
44	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
45	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
46	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
49	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
50	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
51	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
52	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
53	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
54	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
55	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791

56	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động bán đấu giá)	4799
57	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
58	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
59	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
60	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
61	Cơ sở lưu trú khác	5590
62	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: - Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229

4.2 Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty:

- (a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của Cổ đông tại Tổng Công ty;
- (b) Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hoá và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Tổng Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty

Tổng Công ty có thể chuyển hay mở rộng các ngành nghề phù hợp với hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm theo sự chấp thuận của DIHDCD.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần

- 6.1 Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là 457.458.760.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bảy tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng./.*), được chia thành 45.745.876 cổ phần với mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.
- 6.2 Tổng Công ty có thể tăng, giảm Vốn Điều lệ theo nghị quyết của ĐHDCD và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 6.3 Các cổ phần của Tổng Công ty, vào ngày thông qua Điều lệ này, đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được

quy định tại các Điều 16 và Điều 17 Điều lệ này.

- 6.4 Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo quyết định của HĐQT và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.5 Tổng Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành theo cách thức được quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.

Điều 7. Cổ phiếu và Sổ Đăng ký Cổ đông

- 7.1. Cổ đông được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà Cổ đông sở hữu.
- 7.2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - (a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty;
 - (b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - (c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - (d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức;
 - (đ) Chữ ký của Người Đại diện Theo Pháp luật của Tổng Công ty;
 - (e) Số đăng ký tại Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - (g) Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
- 7.3 Trong thời hạn:
 - (a) 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty (trong trường hợp nhận chuyển nhượng cổ phần từ Cổ đông); hoặc
 - (b) 60 ngày kể từ ngày thanh toán đủ tiền mua cổ phần cho Tổng Công ty, hoặc thời hạn khác quy định tại điều khoản phát hành (trong trường hợp mua Cổ phần do Tổng Công ty phát hành),

Tổng Công ty sẽ cấp cổ phiếu cho người sở hữu cổ phần được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in và phát hành cổ phiếu.

- 7.4 Nếu cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, Cổ đông được Tổng Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
- (a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - (b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
- 7.5 Tổng Công ty lập và lưu giữ Sổ Đăng ký Cổ đông từ khi được cấp GCNĐKDN. Cổ đông phổ thông và Cổ đông ưu đãi có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ Đăng ký Cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty;
 - (b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - (c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - (d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức;
 - (d) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 7.6 Sổ Đăng ký Cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ Đăng ký Cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở của Tổng Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ Đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc và tại nơi lưu giữ Sổ Đăng ký Cổ đông, sau khi đã thông báo trước hợp lý cho Tổng Công ty.
- 7.7 Cổ đông phải thông báo kịp thời cho Tổng Công ty khi thay đổi địa chỉ thường trú để cập nhật vào Sổ Đăng ký Cổ đông. Tổng Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của Cổ đông.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty được phát hành có dấu của Tổng Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Điều 9. Chào bán cổ phần

- 9.1. Tổng Công ty có thể chào bán cổ phần để tăng Vốn Điều lệ, theo các hình thức chào bán / phát hành quyền mua cổ phần cho Cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phần riêng lẻ, chào bán cổ phần ra công chúng và các hình thức khác mà pháp luật cho phép. Việc chào bán cổ phần phải đáp ứng các điều kiện và theo các thủ tục quy định bởi pháp luật cho từng hình thức chào bán.
- 9.3 HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán Cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ các trường hợp sau:
- (a) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập;
 - (b) Cổ phần bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở Tổng Công ty;
 - (c) Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của ĐHDCĐ;
 - (d) Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó theo nghị quyết của ĐHDCĐ.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

- 10.1 Tất cả các Cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 10.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Mua lại cổ phần

- 11.1 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông:
- (a) Cổ đông bỏ phiếu phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng Công ty

hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ có quyền yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết trên.

- (b) Trừ trường hợp Tổng Công ty không được phép mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật chứng khoán, Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông theo giá thị trường hoặc mức giá khác theo thỏa thuận giữa Tổng Công ty và Cổ đông, trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Nếu các bên không thỏa thuận được về giá, Tổng Công ty sẽ giới thiệu ba (3) tổ chức thẩm định giá độc lập và Cổ đông sẽ chỉ định một trong ba tổ chức này để định giá cổ phần. Mức giá do tổ chức định giá được chỉ định xác định sẽ là mức giá cuối cùng và ràng buộc các bên.

11.2 Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng Công ty:

Tổng Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau, với điều kiện là việc mua lại phải đáp ứng các điều kiện và tuân thủ các quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật liên quan khác:

- (a) HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong các trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;
- (b) HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp được quy định tại Điểm (c) dưới đây. Đối với các loại cổ phần khác, giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường, trừ trường hợp Tổng Công ty và Cổ đông liên quan thỏa thuận khác.
- (c) Tổng Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Tổng Công ty, theo thủ tục quy định tại Điều 133.3 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần

được mua lại

- 12.1 Tổng Công ty chỉ thanh toán cho Cổ đông tiền mua lại cổ phần quy định tại Điều 11 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Tổng Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
- 12.2 Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán và được xử lý theo quy định của pháp luật.
- 12.3 Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra cho Tổng Công ty.
- 12.4 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Tổng Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%), Tổng Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 13. Trả cổ tức

- 13.1 Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- 13.2 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng Công ty. Tổng Công ty chỉ trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - (a) Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - (b) Đã trích lập các quỹ của Tổng Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - (c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Tổng Công ty vẫn bảo đảm khả năng thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 13.3 Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tổng Công ty hoặc bằng tài sản khác được ĐHĐCĐ chấp thuận. Trong trường hợp trả cổ tức bằng tiền

mặt, đồng tiền sử dụng là Đồng Việt Nam, và phương thức thanh toán sẽ theo quy định của pháp luật.

13.4 Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến Cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng ký Cổ đông chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau:

- (a) Tên Tổng Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty;
- (b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân;
- (c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức;
- (d) Số lượng cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận;
- (d) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- (e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

13.5 Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì Tổng Công ty sẽ trả cổ tức cho người chuyển nhượng.

13.6 Việc phát hành cổ phần để chi trả cổ tức sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật liên quan khác. Tổng Công ty phải đăng ký tăng Vốn Điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá số Cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức bằng cổ phần.

Điều 14. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Nếu việc thanh toán cổ phần mua lại trái quy định tại Điều 12 Điều lệ này, hoặc việc trả cổ tức trái quy định tại Điều 13 Điều lệ này (và Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2020), Cổ đông liên quan phải hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Nếu Cổ đông không hoàn trả, tất cả các Thành viên HĐQT phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công

ty trong phạm vi số tiền/tài sản đã trả cho Cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của Cổ đông

16.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- (a) Tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bằng hình thức:
 - (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; mỗi cổ phần phổ thông có một (1) phiếu biểu quyết;
 - (ii) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu do Tổng Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- (b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- (c) Tự do chuyển nhượng cổ phần, trừ các trường hợp việc chuyển nhượng bị

hạn chế theo quy định tại Điều lệ này hoặc pháp luật;

- (d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà mình sở hữu;
- (e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin cá nhân của mình mà được ghi không chính xác;
- (f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- (g) Trong trường hợp Tổng Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại Tổng Công ty sau khi Tổng Công ty đã thanh toán cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật;
- (h) Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 và pháp luật liên quan;
- (i) Được đối xử bình đẳng với các Cổ đông khác. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trong trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông;
- (j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- (k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT theo quy định của pháp luật; và
- (l) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

16.2 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- (a) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại Điều 16.3 Điều lệ này;

- (b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, BCTC giữa năm và hằng năm của Tổng Công ty và các báo cáo của BKS, các hợp đồng, giao dịch phải được HĐQT thông qua và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty;
 - (c) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi thấy cần thiết, bằng việc gửi văn bản yêu cầu với các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là Cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;;
 - (d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ; Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là ba (3) Ngày Làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; và
 - (e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.
- 16.3 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 16.2 Điều lệ này có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:
- (a) HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người Quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền;
 - (b) Quá sáu (6) tháng sau ngày kết thúc nhiệm kỳ HĐQT mà HĐQT mới chưa được bầu để thay thế;
 - (c) Các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản, phải bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- 16.4 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT và thành viên BKS theo quy định tương ứng tại các Điều 29.3 và 37.1 Điều lệ này.
- 16.5 Quyền của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 17. Nghĩa vụ của Cổ đông

17.1 Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- (a) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;
- (b) Không được rút vốn đã góp ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại hoặc trường hợp hoàn trả vốn đối với cổ phần ưu đãi hoàn lại. Trong trường hợp Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp trái với quy định tại khoản này, Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- (c) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty; chấp hành nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT; tuân thủ các điều kiện đối với từng loại cổ phần được phát hành như ghi trong cổ phiếu hoặc tài liệu phát hành khác;
- (d) Bảo mật các thông tin được Tổng Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- (e) Tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;
- (f) Cung cấp thông tin Cổ đông chính xác để Tổng Công ty ghi nhận và cập nhật vào Sổ Đăng ký Cổ đông;
- (g) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức thực hiện các hành vi sau:

- (i) Vi phạm pháp luật;
 - (ii) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc
 - (iii) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính cho Tổng Công ty.
- (h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

Điều 18. Đại hội đồng cổ đông

- 18.1 ĐHĐCĐ gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần, trong vòng bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 18.2 HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ, đặc biệt thông qua BCTC năm được kiểm toán. Trường hợp báo cáo kiểm toán BCTC năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện Công ty Kiểm toán đã thực hiện kiểm toán BCTC năm đó dự họp ĐHĐCĐ thường niên, và Công ty Kiểm toán có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Tổng Công ty.
- 18.3 HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
- (a) HĐQT xét thấy cần thiết, vì lợi ích của Tổng Công ty;
 - (b) Số Thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS giảm xuống dưới số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định;
 - (c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 16.2;
 - (d) Theo yêu cầu của BKS; hoặc
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ .
- 18.4 Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

- (a) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra một sự kiện nêu từ Mục (b) đến Mục (c) Điều 18.3 trên đây. Trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định, thì HĐQT và các thành viên HĐQT phải bồi thường các thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.
- (b) Nếu HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày nêu trên, BKS có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày tiếp theo. Trong trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định, thì BKS phải bồi thường các thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.
- (c) Nếu BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn quy định tại Điểm (b) nêu trên, Cổ đông/nhóm Cổ đông quy định tại Điều 16.2 có quyền đại diện Tổng Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, Cổ đông/nhóm Cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan Đăng ký Kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ.
- (d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ quy định tại Điều 18.4 này được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí cá nhân của Cổ đông liên quan đến việc dự họp ĐHĐCĐ (như đi lại, ăn ở...).

18.5 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- (a) Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp;
- (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (đ) Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- (e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- (g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ và pháp luật; và
- (h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

19.1 ĐHĐCD có các quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;
- (b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- (c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- (d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất của Tổng Công ty;
- (e) Quyết định việc điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật; tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và đăng ký điều lệ tại các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.
- (f) Thông qua BCTC hằng năm;
- (g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- (h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS gây thiệt hại cho Tổng Công ty và Cổ đông;
- (i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- (j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT và BKS;
- (k) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của HĐQT và BKS;
- (l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập hoặc quyết định chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên khi xét thấy cần thiết; và
- (m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật liên quan.

19.2 ĐHĐCD thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- (a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;

- (b) BCTC hàng năm đã được kiểm toán;
- (c) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng Thành viên HĐQT;
- (d) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc;
- (e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS;
- (f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; và
- (g) Số lượng thành viên HĐQT, BKS;
- (h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS;
- (i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT, BKS;
- (j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết;
- (k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
- (l) Loại Cổ phần và số lượng Cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại Cổ phần và việc chuyển nhượng Cổ phần của Cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- (m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;
- (n) Tổ chức lại và giải thể, thanh lý Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
- (o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất của Tổng Công ty;
- (p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số Cổ phần đã bán của mỗi loại;
- (q) Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- (r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - (s) Phê duyệt Quy chế Nội bộ về Quản trị Tổng Công ty, Quy chế Hoạt động của HĐQT, Quy chế Hoạt động của BKS;
 - (t) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 19.3 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 20. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- 20.1 Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác thay mặt mình dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 20.2 Việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty) trong đó có nội dung cho phép việc ủy quyền lại.

Điều 21. Thay đổi quyền của Cổ đông ưu đãi

- 21.1 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi chỉ có hiệu lực khi được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành, hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75%

tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- 21.2 Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 Cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các Cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- 21.3 Thủ tục triệu tập, tiến hành và ra nghị quyết tại các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự như thủ tục triệu tập, tiến hành và ra nghị quyết của ĐHĐCĐ thông thường được quy định tại Điều lệ này.
- 21.4 Trừ khi điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 22. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông,
chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ
đông**

- 22.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập bởi HĐQT, hoặc bởi người khác theo quy định tại Điều 18.4.
- 22.2 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải:
- (a) Lập danh sách Cổ đông có quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ. Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến Danh sách Cổ

đồng dự họp;

- (c) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp;
- (d) Lập chương trình, nội dung cuộc họp và chuẩn bị các tài liệu cho cuộc họp, và các công việc khác phục vụ cuộc họp theo quy định của Tổng Công ty và pháp luật;
- (e) Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- (f) Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp;
- (g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

22.3 Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phần của Tổng Công ty được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ. Các tài liệu dưới đây phải được gửi kèm thông báo mời họp, hoặc được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty với điều kiện là đường dẫn truy cập vào các tài liệu đó phải được ghi trong thông báo mời họp:

- (a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- (b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên HĐQT, thành viên BKS (trong trường hợp chương trình họp bao gồm bầu Thành viên HĐQT/BKS);
- (c) Phiếu biểu quyết;
- (d) Mẫu Giấy Ủy quyền dự họp; và
- (e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

22.4 Cổ đông/nhóm Cổ đông quy định tại Điều 16.2 có quyền kiến nghị các vấn đề được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng Công ty ít nhất ba (03) Ngày Làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ Căn cước Công dân/Giấy Chứng minh Nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng

thực cá nhân hợp pháp khác (đối với Cổ đông là cá nhân); tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với Cổ đông là tổ chức); số lượng và loại Cổ phần mà Cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

22.5 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị của Cổ đông nêu tại Điều 22.4 nếu:

- (a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn, hoặc có nội dung không phù hợp với quy định tại Điều 22.4;
- (b) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông kiến nghị sở hữu dưới 5% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng Công ty;
- (c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; hoặc
- (d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 23. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 23.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- 23.2 Nếu cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập lần thứ nhất không đủ điều kiện để được tiến hành theo Điều 23.1, thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành nếu có số Cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 23.3 Nếu cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết như nêu trên, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba sẽ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

Điều 24. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

24.1 Đăng ký Cổ đông dự họp

Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải đăng ký Cổ đông dự họp cho đến

khi tất cả Cổ đông có quyền dự họp có mặt đã đăng ký hết. Cổ đông được phát Thẻ Biểu quyết (như quy định tại Khoản 5 Điều 24 Điều lệ này) khi đăng ký.

24.2 Chủ tọa Cuộc họp, Thư ký và Ban Kiểm phiếu

- (a) Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc, các Thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Nếu các Thành viên HĐQT không bầu được Chủ tọa theo cách nói trên, Trưởng BKS sẽ điều khiển ĐHĐCĐ để bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa, và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

- (b) Chủ tọa sẽ cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
- (c) ĐHĐCĐ sẽ bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.

24.3 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian cho từng vấn đề trong chương trình họp.

24.4 Chủ tọa có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

24.5 ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp. Việc biểu quyết được thực hiện bằng cách sử dụng thẻ biểu quyết, trong đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông/họ và tên người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó, được Tổng Công ty cấp cho Cổ đông khi đăng ký dự họp.

Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, phiếu trắng (không có ý kiến) và phiếu không hợp lệ sẽ được kiểm đếm để xác định kết quả biểu quyết. Kết quả biểu quyết được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để Cổ đông đến muộn đăng ký, và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

24.6 Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền:

- (a) Yêu cầu những người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- (b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

24.7 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp không quá ba (3) Ngày Làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- (b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- (c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

24.8 Nếu Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái quy định tại Khoản 7 Điều 24 trên đây, ĐHĐCĐ sẽ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến khi kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

24.9 Trong trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức bằng hình thức trực tuyến, Tổng Công ty phải đảm bảo Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 25. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

25.1 ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.

25.2 Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- (a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- (b) Định hướng phát triển Tổng Công ty;
- (c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- (d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- (e) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC được kiểm toán gần nhất của Tổng Công ty;
- (f) Thông qua BCTC hằng năm; và
- (g) Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;

25.3 Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ nếu được tán thành bởi số Cổ đông đại diện từ 65% trở lên của tổng số phiếu biểu quyết của các tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp:

- (a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- (b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- (c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;
- (d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC được kiểm toán gần nhất của Tổng Công ty; và
- (e) Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty.

25.4 Nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề khác, ngoài các vấn đề quy định tại các Khoản 3, Khoản 5, Khoản 8 Điều 25 Điều lệ này, sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp nếu được tán thành bởi số Cổ đông đại diện trên 50% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

25.5 Việc biểu quyết bầu Thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với

tổng số cổ phần mà mình sở hữu, nhân với số Thành viên HĐQT/Thành viên BKS được bầu. Cổ đông có quyền dồn tất cả hoặc một phần số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử Thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (2) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo quy định của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

- 25.6 Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản sẽ được thông qua nếu được tán thành bởi số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết.
- 25.7 Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được gửi đến Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, hoặc được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày được thông qua.
- 25.8 Nghị quyết ĐHĐCĐ có nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được tán thành bởi số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% trở lên của tổng số cổ phần ưu đãi loại đó, hoặc, đối với nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản, được tán thành bởi số Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% trở lên của tổng số cổ phần ưu đãi loại đó.

Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau:

- 26.1 HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, trừ nghị quyết về các vấn đề phải được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
- 26.2 HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn Cổ đông phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập

danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến phải được thực hiện theo Điều 141 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp.

26.3 Phiếu lấy ý kiến phải gồm các nội dung chính sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng Công ty;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- (a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; hoặc
- (b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn quy định tại phiếu lấy ý kiến, đã bị mở (trong trường hợp gửi thư) hoặc bị tiết lộ (trong trường hợp gửi qua fax hoặc thư điện tử) là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi lại Tổng Công ty được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

26.4 HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng Công ty;
- (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- (c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
- (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- (e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các Thành viên HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 26.5 Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu..
- 26.6 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết được thông qua và tài liệu gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.
- 26.7 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ .

Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 27.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- (b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- (c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- (d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- (e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
- (f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- (g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
- (h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; và
- (i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

27.2 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

27.3 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

27.4 Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị

trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

Điều 28. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

28.1 Hiệu lực các nghị quyết của ĐHĐCĐ

- (a) Nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- (b) Nghị quyết của ĐHĐCĐ được tán thành bởi số Cổ đông đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết sẽ là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Điều lệ này hoặc pháp luật.
- (c) Trong trường hợp Cổ đông/nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ một nghị quyết của ĐHĐCĐ theo Khoản 2 Điều 28 dưới đây, thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

28.2 Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông/nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 16 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- (a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ và pháp luật (trừ khi nghị quyết được tán thành bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, theo Điểm b, Khoản 1, Điều 18 Điều lệ này; hoặc
- (b) Nội dung nghị quyết vi phạm Điều lệ hoặc pháp luật.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Thành phần Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT, ứng cử/đề cử Thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm/bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị

29.1 Thành phần HĐQT

HĐQT gồm từ ba (03) đến năm (05) Thành viên. Ít nhất 1/3 số Thành viên HĐQT phải là Thành viên HĐQT Không Điều hành.

29.2 Nhiệm kỳ thành viên HĐQT

Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT không quá năm (5) năm, và Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp tất cả Thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ, thì những người này sẽ tiếp tục giữ vị trí Thành viên HĐQT cho đến khi các Thành viên HĐQT mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

29.3 Ứng cử/đề cử thành viên HĐQT

Việc ứng cử/đề cử Thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định sau:

- (a) Nếu ứng viên đã được xác định, Tổng Công ty phải công bố thông tin về ứng viên ít nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Ứng viên phải gửi văn bản cam kết về sự trung thực và chính xác của các thông tin cá nhân của mình được công bố, và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm Thành viên HĐQT.

Thông tin về ứng viên được công bố bao gồm:

- (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (ii) Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn;
- (iii) Quá trình công tác;
- (iv) Các chức danh quản lý (gồm cả chức danh HĐQT) mà ứng viên đang giữ tại Tổng Công ty và doanh nghiệp khác;
- (v) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng Công ty, trong

trường hợp ứng viên đó hiện đang là Thành viên HĐQT của Tổng Công ty;

(vi) Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty (nếu có);

(vii) Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); và

(viii) Các thông tin khác (nếu có).

(b) Các Cổ đông có quyền cùng nhau tạo thành nhóm đủ điều kiện đề cử ứng viên HĐQT như sau:

Cổ đông/ nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT.

Các Cổ đông hợp thành nhóm để đề cử ứng viên HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp khác biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.

Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu trên có quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT.

Nếu số lượng ứng viên được đề cử và ứng cử theo quy định trên không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ, Quy chế Nội bộ về Quản trị Tổng Công ty hoặc Quy chế Hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu Thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

29.4 Bầu bổ sung Thành viên HĐQT

(a) Trong trường hợp số Thành viên HĐQT giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng Thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này để bầu bổ sung Thành viên HĐQT.

(b) Trong trường hợp có Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm/bãi nhiệm, ĐHĐCĐ sẽ bầu Thành viên HĐQT thay thế trong cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.

29.5 Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc bổ nhiệm Thành viên HĐQT theo

quy định của Luật Chứng khoán.

29.6 Tiêu chuẩn và điều kiện

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- (a) Không thuộc đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- (b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông của Tổng Công ty;
- (c) Không được là Người Có Quan hệ Gia đình của Tổng Giám đốc và Người Quản lý khác của Tổng Công ty; của Người Quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm Người Quản lý Công ty Mẹ;;
- (d) Thành viên HĐQT của Tổng Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác, nhưng không được là thành viên HĐQT của quá năm (5) công ty khác.

29.7 Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT:

- (a) Thành viên HĐQT có thể bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm trong các trường hợp:
 - (i) Thành viên HĐQT không còn đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện để là Thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ này hoặc pháp luật;
 - (ii) Thành viên HĐQT từ chức và việc từ chức được chấp thuận.
- (b) Thành viên HĐQT có thể bị ĐHĐCĐ bãi nhiệm trong trường hợp Thành viên HĐQT không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được ĐHĐCĐ chấp nhận.
- (c) Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế Thành viên HĐQT, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại các Điểm (a) và (b) trên đây.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 30.1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân

danh Tổng Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

30.2 HĐQT có các quyền và nghĩa vụ quy định bởi pháp luật, Điều lệ và ĐHĐCĐ. Cụ thể, HĐQT có những quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- (b) Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- (c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- (d) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền; Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- (e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- (f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật;
- (g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (h) Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- (j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người Quản lý khác trong điều hành

công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

- (k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty; Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần, thay đổi cơ cấu vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác;
 - (l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - (m) Trình BCTC năm đã được kiểm toán, báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị lên ĐHĐCĐ;
 - (n) Đề xuất mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - (o) Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng Công ty;
 - (p) Quyết định ban hành Quy chế Hoạt động của HĐQT, Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế Công bố Thông tin của Tổng Công ty;
 - (q) Chấp thuận Giao dịch Với Người Có Liên quan theo quy định tại Điểm a, Khoản 8, Điều 44 Điều lệ này;
 - (r) Giải quyết khiếu nại của Tổng Công ty đối với Người Điều hành, chỉ định người đại diện cho Công ty giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người Điều hành đó;
 - (s) Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - (t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.
- 30.3 HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và những Người Điều hành khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 31.1 Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được phân chia cho các thành viên HĐQT theo quyết định của đa số thành viên HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
- 31.2 Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên..
- 31.3 Thành viên HĐQT giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc hoặc thực hiện những công việc khác mà theo ý kiến của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- 31.4 Thành viên HĐQT được thanh toán các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác phát sinh để thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 32.1 Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các Thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là Tổng Giám đốc.
- 32.2 Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:
- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - (b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - (c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết/ quyết định của HĐQT;
 - (d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định và nghị quyết của HĐQT;
 - (e) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;

(f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

32.3 Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm/ miễn nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

32.4 Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, Chủ tịch HĐQT phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ.

Trường hợp không có người được ủy quyền theo quy định trên, hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, thì các Thành viên HĐQT còn lại sẽ bầu một người trong số họ giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số Thành viên HĐQT còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

32.5 Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể bỏ nhiệm thư ký Tổng Công ty theo quyết định của HĐQT. Thư ký Tổng Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
- (b) Hỗ trợ Thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- (c) Hỗ trợ HĐQT trong việc áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng Công ty;
- (d) Hỗ trợ Tổng Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;
- (e) Hỗ trợ Tổng Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- (f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 33. Cuộc họp của Hội đồng quản trị, thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị, các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và người phụ trách quản trị Tổng

Công ty

Cuộc họp HĐQT

- 33.1 Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT, được tổ chức trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trong trường hợp có nhiều hơn một (01) Thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các Thành viên HĐQT sẽ bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 33.2 HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần, và có thể họp bất thường.
- 33.3 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (7) Ngày Làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của:
- (a) Ban kiểm soát;
 - (b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 Người Quản lý khác; hoặc
 - (c) Ít nhất 02 Thành viên HĐQT.
 - (d) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Đề nghị họp nêu trên phải được lập thành văn bản, ghi rõ mục đích họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Nếu Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp theo đề nghị thì sẽ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại xảy ra cho Tổng Công ty, và người đã đề nghị triệu tập họp có quyền thay thế chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT.
- 33.4 Chủ tịch HĐQT hoặc người khác triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (3) Ngày Làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải ghi rõ thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề cần thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của Thành viên HĐQT.

Thông báo mời họp HĐQT có thể được lập và gửi bằng hình thức giấy mời, điện thoại, fax hoặc phương tiện điện tử với điều kiện là phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng Công ty.

- 33.5 Chủ tịch HĐQT hoặc người khác triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên BKS như đối với các Thành viên HĐQT. Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT và có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 33.6 Cuộc họp HĐQT có thể được tổ chức dưới hình thức trực tuyến hoặc bằng các phương tiện điện tử, theo quyết định của Chủ tịch HĐQT/người triệu tập họp và được sự chấp thuận của đa số Thành viên HĐQT, với điều kiện là cuộc họp trực tuyến/quá phương tiện điện tử như vậy phải đảm bảo các Thành viên HĐQT có thể nghe, giao tiếp và phát biểu với những người dự họp. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là nơi có mặt nhiều nhất số Thành viên HĐQT, hoặc nơi có mặt Chủ tọa cuộc họp.
- 33.7 Cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT dự họp. Nếu cuộc họp không được tổ chức do không có đủ số Thành viên HĐQT dự họp cần thiết, cuộc họp sẽ được triệu tập lần thứ hai trong vòng bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần hai sẽ được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.
- 33.8 Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, nếu Thành viên HĐQT đó:
- (a) Trực tiếp có mặt và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (b) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết, với điều kiện là việc ủy quyền phải được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
 - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, nếu cuộc họp được tổ chức trực tuyến/thông qua phương tiện điện tử theo Khoản 6 Điều 33;
 - (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, theo địa chỉ/ số fax/địa chỉ thư điện tử mà Tổng Công ty công bố; hoặc
 - (e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác, mà có thể được sử dụng cho từng cuộc họp HĐQT theo quyết định của Chủ tịch HĐQT/người triệu tập họp và được sự chấp thuận của đa số Thành viên HĐQT.

Phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín (nếu gửi bằng thư) hoặc phải được bảo mật (nếu được gửi bằng fax hoặc thư điện tử), phải được chuyển

đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (1) giờ trước khi khai mạc, và chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Thông qua nghị quyết của HĐQT và Biên bản họp HĐQT

- 33.9 Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được tán thành bởi đa số Thành viên HĐQT dự họp và có quyền biểu quyết về vấn đề liên quan. Nếu số phiếu biểu quyết tán thành và phản đối là ngang nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT sẽ có giá trị quyết định.
- 33.10 Thay vì triệu tập cuộc họp, HĐQT cũng có thể thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các Thành viên HĐQT. Nghị quyết theo hình thức này được thông qua nếu được tán thành bởi đa số Thành viên HĐQT có quyền biểu quyết về vấn đề liên quan.
- 33.11 Biên bản cuộc họp HĐQT phải được lập, ký, gửi và lưu trữ theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Các tiểu ban

- 33.12 HĐQT có thể thành lập (các) tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của các tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng không ít hơn ba (3) người, và có thể bao gồm cả Thành viên HĐQT và thành viên khác không phải là Thành viên HĐQT. Các tiểu ban sẽ hoạt động theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 33.13 Việc thực thi nghị quyết/quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế Nội bộ về Quản trị Tổng Công ty.

Người phụ trách quản trị

- 33.14 HĐQT sẽ bổ nhiệm ít nhất một (1) người phụ trách quản trị Tổng Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng Công ty. Người phụ trách quản trị có thể kiêm Thư ký Tổng Công ty, phải có hiểu biết pháp luật và không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các BCTC của Công ty.
- 33.15 Người phụ trách quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Tư vấn cho HĐQT về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế của Tổng Công ty, và về các công việc liên quan đến quan hệ giữa Tổng Công ty và Cổ đông;
- (b) Tư vấn, chuẩn bị và tham dự để hỗ trợ tổ chức các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- (c) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ;
- (d) Cung cấp thông tin, tài liệu cho thành viên HĐQT và BKS theo quy chế của Tổng Công ty;
- (e) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;
- (f) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- (g) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ; và
- (h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng Công ty.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý và Người Điều hành

- 34.1 Hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty được điều hành bởi bộ máy điều hành, gồm một (1) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một (1) Kế toán trưởng (“**Người Điều hành**”), và đứng đầu là Tổng Giám đốc, tất cả được bổ nhiệm theo quyết định của HĐQT. Những Người Điều hành làm việc dưới sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT, và chịu trách nhiệm báo cáo cho HĐQT.
- 34.2 Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là Thành viên HĐQT.
- 34.3 Tổng Công ty có thể tuyển dụng / bổ nhiệm những Người Điều hành khác, theo đề xuất của Tổng Giám đốc và được quyết định bởi HĐQT.

Điều 35. Tổng Giám đốc

- 35.1 HĐQT bổ nhiệm một Thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
- 35.2 Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 35.3 Tổng Giám đốc được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động giữa Tổng Công ty và Tổng Giám đốc.
- 35.4 Người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện sau:
- (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - (b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty;
 - (c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty; Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.
- 35.5 Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:
- (a) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - (b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ;
 - (c) Tổ chức thực kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty đã được HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua;
 - (d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;
 - (e) Kiến nghị tới HĐQT về số lượng và các vị trí Người Điều hành; Tư vấn và đề xuất tới HĐQT về mức lương, thù lao và điều khoản khác của hợp đồng lao động giữa Tổng Công ty với những Người Điều hành; Kiến nghị HĐQT

bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương đối với những Người Điều hành;

- (f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Phó Trưởng phòng và các chức danh tương đương sau khi được Chủ tịch HĐQT chấp thuận bằng văn bản;
 - (g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT;
 - (h) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động của Tổng Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - (i) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;
 - (j) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty;
 - (k) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; và
 - (l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế của Tổng Công ty, các nghị quyết của HĐQT và hợp đồng lao động giữa Tổng Giám đốc và Tổng Công ty.
- 35.6 Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng Công ty và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
- 35.7 Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội

đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

- 36.1 Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty theo sự phân công của HĐQT và ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật (nếu có); chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Số lượng Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty không quá (05) năm người.
- 36.2 Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng, phù hợp với pháp luật lao động.
- 36.3 Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của Tổng Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc HĐQT, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.
- 36.4 Trong quá trình hoạt động, Tổng Giám đốc có thể kiến nghị HĐQT quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

- 37.1 Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện tương tự như việc ứng cử và đề cử Thành viên HĐQT quy định tại Khoản 3 Điều 29.
- 37.2 Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cách thức tương tự như quy định tại Khoản 3 Điều 29. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát

- 38.1 BKS gồm từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng thành viên BKS cụ thể sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Các thành viên BKS do ĐHĐCĐ bầu. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá năm (5) năm và thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trường hợp các thành viên BKS kết thúc nhiệm kỳ vào cùng thời điểm mà các thành viên BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì các thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 38.2 Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- (a) Các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
 - (b) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;
 - (c) Không được là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- 38.3 Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- (a) Không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 38;
 - (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận bởi ĐHĐCĐ.
- 38.4 KSV bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- (a) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (b) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - (c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của pháp luật hoặc và Điều lệ;
 - (d) Theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

- 39.1 Trưởng BKS được BKS bầu trong số các Thành viên BKS, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- 39.2 Trưởng BKS có các quyền và nghĩa vụ sau:
- (a) Triệu tập cuộc họp BKS;
 - (b) Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và các Người Điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
 - (c) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

BKS có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền và nghĩa vụ sau:

- 40.1 Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của Tổng Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- 40.2 Chịu trách nhiệm trước Cổ đông và ĐHĐCĐ về hoạt động giám sát của mình và nội dung báo cáo của BKS dựa trên các tài liệu, thông tin được Tổng Công ty cung cấp quy định dưới đây;
- 40.3 Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người Quản lý khác;
- 40.4 Đảm bảo sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và Cổ đông;
- 40.5 Trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ của Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người Điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- 40.6 Xây dựng Quy chế Hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- 40.7 Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật (bao gồm quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán);
- 40.8 Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát
- 40.9 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 40.10 Quyền được cung cấp thông tin như sau:
- (a) Các tài liệu và thông tin dưới đây phải được gửi cho thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Thành viên HĐQT:
 - (i) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến Thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
 - (ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - (iii) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Tổng Công ty phát hành.
 - (b) KSV có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền làm việc với Người Quản lý và nhân viên của Tổng Công ty, tại nơi làm việc của những người này trong giờ làm việc, về các vấn đề trong phạm vi quyền và trách nhiệm của BKS.
 - (c) HĐQT, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo yêu cầu của kiểm soát viên hoặc BKS.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

- 41.1 BKS hoạt động theo Quy chế Hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận. BKS phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm. Cuộc họp BKS được tiến hành nếu có từ hai phần ba (2/3) số thành viên BKS trở lên dự họp.
- 41.2 Các cuộc họp BKS phải được ghi biên bản, được ký bởi người ghi biên bản và các thành viên BKS dự họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.

- 41.3 BKS có quyền yêu cầu Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề mà BKS thấy cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

- 42.1 Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên BKS do ĐHDCD quyết định.
- 42.2 KSV được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc thực thi các hoạt động khác của BKS, trong phạm vi không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHDCD chấp thuận.
- 42.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Người Điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 44.1 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Người Điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan khác.
- 44.2 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Người Điều hành khác có

nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT và BKS về các giao dịch giữa (i) mình, hoặc Người Có Liên quan của mình, với (ii) Tổng Công ty, công ty con, hoặc công ty mà trong đó Tổng Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

- 44.3 Trong trường hợp một giao dịch được quy định ở trên được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Tổng Công ty phải công bố về nghị quyết chấp thuận giao dịch đó theo quy định của Luật Chứng khoán.
- 44.4 Thành viên HĐQT không được biểu quyết liên quan đến việc chấp thuận một giao dịch mà trong đó, lợi ích của Thành viên xung đột với lợi ích của Tổng Công ty, theo quy định tại Điều lệ và pháp luật.
- 44.5 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Người Điều hành khác không được phép, và phải bảo đảm là những Người Có Liên quan của mình sẽ không sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ, cơ hội kinh doanh hoặc bí mật của Tổng Công ty cho mục đích không vì lợi ích của Tổng Công ty hoặc để thực hiện giao dịch có liên quan.
- 44.6 Tổng Công ty chỉ được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Người Quản lý khác không phải là Cổ đông và những Người Có Liên quan của những người nêu trên nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp Người Có Liên quan là công ty trong cùng nhóm công ty với Tổng Công ty, hoặc có quan hệ Công ty Mẹ- Con với Tổng Công ty, thì việc cấp khoản vay đó phải được chấp thuận bởi ĐHĐCĐ hoặc HĐQT theo quy định của Điều lệ này.
- 44.7 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng Công ty và một trong những người sau đây được coi là “Giao dịch Với Người Có Liên quan”:

- (a) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng Công ty;
- (b) Người Có Liên quan của những người nêu tại Điểm (a) trên đây;
- (c) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Người Điều hành khác;
- (d) Người Có Liên quan của những người nêu tại Điểm (c) trên đây;
- (e) Doanh nghiệp mà Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Người Điều hành khác phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

44.8 Giao dịch Với Người Có Liên quan phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định sau:

- (a) HĐQT chấp thuận hợp đồng, giao dịch với Người Có Liên quan có giá trị không vượt quá 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không thuộc trường hợp phải được ĐHĐCĐ phê duyệt theo quy định tại Điều lệ này hoặc pháp luật.

Người đại diện Tổng Công ty giao kết giao dịch phải thông báo cho các Thành viên HĐQT và thành viên BKS về các đối tượng có liên quan tới giao dịch đó, và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

HĐQT sẽ quyết định việc chấp thuận giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

- (b) ĐHĐCĐ chấp thuận:
 - (i) Giao dịch Với Người Có Liên quan có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty ghi trên BCTC gần nhất;
 - (ii) Và giao dịch vay, bán tài sản có giá trị trên 10% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, giữa Tổng Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên quan của Cổ đông đó.

Người đại diện Tổng Công ty giao kết hợp đồng/giao dịch đó phải thông báo cho HĐQT và BKS về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ, hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có lợi ích liên quan trong hợp đồng, giao dịch đó không có quyền biểu quyết. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch đó được thông qua theo quy định của Điều lệ về việc thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ tại cuộc họp hoặc bằng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.

Điều 45. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại

- 45.1 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Người Điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 45.2 Tổng Công ty sẽ bồi thường cho Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Người Điều hành khác, nhân viên và người được Tổng Công ty ủy quyền (gọi chung là “Người Được Bồi thường”) các thiệt hại mà những Người Được Bồi thường phải gánh chịu, nếu họ bị kiện, bị khởi tố, hoặc trở thành đối tượng hoặc người có liên quan khác trong các vụ kiện dân sự, hành chính, các vụ án hình sự hoặc hành động pháp lý khác được tiến hành bởi một bên thứ ba (mà không phải là Tổng Công ty), do việc Người Được Bồi Thường làm việc cho Tổng Công ty hoặc thực hiện công việc do Công ty ủy quyền, với điều kiện là Người Được Bồi Thường đó đã hành động trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không vi phạm trách nhiệm của mình.
- 45.3 Thiệt hại được Tổng Công ty bồi thường bao gồm tiền bồi thường, tiền phạt hoặc trách nhiệm khác mà Người Được Bồi thường phải chịu theo phán quyết, chi phí kiện tụng (gồm chi phí luật sư) và chi phí hợp lý khác. Tổng Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm đối với những người này.

CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ của Tổng Công ty

- 46.1 Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
- Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;
- 46.2 Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- 46.3 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Người Điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 46.4 Tổng Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- 46.5 Điều lệ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Điều 47. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty

- 47.1 Tổng Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ.
- 47.2 Tổng Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG XII: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 48. Người lao động và công đoàn

- 48.1 Tổng Giám phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người Điều hành.
- 48.2 Tổng Giám phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

Điều 49. Phân phối lợi nhuận

- 49.1 Nguyên tắc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận của Tổng Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phân lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

- (a) Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);
- (b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.
- (c) Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại điểm a, điểm b Khoản này được phân phối theo thứ tự như sau:
 - (i) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty.
 - (ii) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong Tổng Công ty.
 - (iii) Trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát.

- 49.2 ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm cho

Cổ đông.

- 49.3 Tổng Công ty không thanh toán lãi cho cổ tức hay khoản tiền khác được chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 49.4 HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu, và thực thi nghị quyết này của ĐHĐCĐ.
- 49.5 Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tổng Công ty hoặc bằng tài sản khác được ĐHĐCĐ chấp thuận. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty phải chi trả bằng đồng Việt Nam. Cổ tức và các khoản thanh toán khác cho Cổ đông liên quan đến cổ phần mà Cổ đông sở hữu có thể được trả trực tiếp bằng tiền mặt, chuyển qua tài khoản ngân hàng theo thông tin tài khoản ngân hàng của Cổ đông do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- 49.6 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông cho mục đích nhất định, như: chia cổ tức, dự họp ĐHĐCĐ, nhận thông báo/tài liệu... Người sở hữu cổ phần của Tổng Công ty và là Cổ đông tại thời điểm chốt danh sách có quyền của Cổ đông liên quan đến mục đích chốt danh sách.
- 49.7 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh

Trường hợp công ty bị lỗ trong kinh doanh, Hội đồng quản trị sẽ quyết định cách thức xử lý đồng thời đưa ra các biện pháp khắc phục trong từng thời điểm. Phần lỗ từ kết quả kinh doanh chuyển sang năm sau được trừ vào lợi nhuận của công ty tại năm phát sinh lãi. Việc chuyển lỗ để tính thuế Thu nhập doanh nghiệp được xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

- 51.1 Tổng Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 51.2 Theo sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- 51.3 Tổng Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

Điều 52. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm dương lịch đó (bao gồm cả hai ngày này). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp GCNĐKDN lần đầu của Tổng Công ty và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch đó (bao gồm cả hai ngày này).

Điều 53. Chế độ kế toán

- 53.1 Chế độ kế toán Tổng Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
- 53.2 Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.
- 53.3 Đơn vị tiền tệ được Tổng Công ty sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam. Nếu có nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ, Tổng Công ty có thể chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 54. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý

- 54.1 Tổng Công ty phải lập BCTC hàng năm theo quy định của pháp luật. BCTC phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ. Tổng Công ty phải công bố và phải nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền BCTC năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.
- 54.2 BCTC năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp, và phản ánh trung thực, đầy đủ và chính xác về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong kỳ lập báo cáo.
- 54.3 Tổng Công ty phải lập và công bố và nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền các BCTC hàng sáu tháng đã soát xét và BCTC hàng quý, theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 55. Báo cáo thường niên

Tổng Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN

Điều 56. Kiểm toán

- 56.1 ĐHĐCĐ sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán BCTC của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT (“Công ty Kiểm toán”). Tổng Công ty phải chuẩn bị và gửi BCTC năm cho Công ty Kiểm toán sau khi kết thúc năm tài chính.
- 56.2 Báo cáo kiểm toán được đính kèm BCTC năm của Tổng Công ty.

- 56.3 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng Công ty được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, được nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ mà các Cổ đông được nhận, và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến việc kiểm toán BCTC của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 57. Dấu của doanh nghiệp

- 57.1 Theo quyết định của HĐQT, Tổng Công ty có thể sử dụng con dấu khắc, hoặc dấu và chữ ký số, phù hợp với quy định của pháp luật. HĐQT sẽ quyết định số lượng, hình thức và nội dung (các) con dấu của Tổng Công ty và nếu cần thiết, của các đơn vị thuộc Tổng Công ty.
- 57.2 (Các) con dấu của Tổng Công ty được quản lý, và được sử dụng trong các giao dịch của Tổng Công ty, theo quy định do HĐQT ban hành trên cơ sở tuân thủ pháp luật liên quan.

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ

Điều 58. Giải thể

- 58.1 Tổng Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
- (i) Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
 - (ii) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 58.2 Việc giải thể Tổng Công ty trước thời hạn do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 59. Thanh lý

- 59.1 Tối thiểu sáu (06) tháng sau ngày ban hành quyết định giải thể Tổng Công ty, HĐQT phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên

do ĐHCĐ chỉ định trong số người quản lý/người lao động của Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán, được lựa chọn tương tự như cách lựa chọn Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC.

- 59.2 Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo Cơ quan Đăng ký Kinh doanh về ngày mà Ban Thanh lý được thành lập và bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 59.3 Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự quy định bởi pháp luật.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 60.1 Trong trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty, tới quyền và nghĩa vụ của Cổ đông, giữa:

(a) Cổ đông với Tổng Công ty;

(b) Cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hay Người Điều hành khác,

các bên liên quan sẽ nỗ lực giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải.

Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) Ngày Làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, một bên có thể yêu cầu Trưởng BKS chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 60.2 Nếu các bên không đạt được thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc, nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án hoặc Trọng tài để giải quyết.

- 60.3 Các bên tự chịu chi phí phát sinh từ quá trình thương lượng và hoà giải. Trong trường hợp tranh chấp được giải quyết tại Tòa án hoặc Trọng tài, chi phí tố tụng sẽ được quyết định bởi Tòa án/Trọng tài.

CHƯƠNG XX: TỔ CHỨC ĐẢNG

Điều 61. Tổ chức Đảng

Đảng ủy Tổng Công ty là bộ máy có tổ chức chặt chẽ, có chức năng lãnh đạo Tổng Công ty thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Tổng Công ty; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước; lãnh đạo các mặt công tác của các tổ chức đảng trực thuộc, xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh, gắn với xây dựng doanh nghiệp vững mạnh.

Đảng ủy tạo sự đoàn kết, đồng thuận trong doanh nghiệp để ban lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn được giao. Ban lãnh đạo doanh nghiệp có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi để Đảng ủy thực hiện công tác đảng trong doanh nghiệp theo quy định của Hiến Pháp, Pháp luật và Điều lệ Đảng. Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc giữ quan hệ phối hợp chặt chẽ theo các quy định nội bộ về mối quan hệ công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Trên cơ sở phân cấp quản lý cán bộ của Đảng ủy và phụ thuộc vào các quy định nội bộ, khi thực hiện công tác cán bộ, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có văn bản gửi Đảng ủy xin ý kiến về nội dung dự kiến thực hiện; Đảng ủy cho ý kiến bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về công tác cán bộ. Căn cứ vào ý kiến của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ra quyết định về công tác cán bộ theo các quy định nội bộ.

Thông qua các cấp ủy Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc lãnh đạo cán bộ, đảng viên triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Đảng góp phần hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc.

Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty lãnh đạo, chỉ đạo Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội khác thuộc Tổng Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, đoàn thể đó, đảm bảo triển

khai, thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ Tổng Công ty.

CHƯƠNG XXI: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 62.1 Điều lệ này có thể được bổ sung hoặc sửa đổi theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- 62.2 Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XXII: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 63. Ngày hiệu lực

- 63.1 Điều lệ này gồm 22 Chương và 63 Điều, được ĐHĐCĐ thông qua theo nghị quyết ngày
- 63.2 Điều lệ này được lập thành mười (04) bản, có giá trị như nhau, được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.
- 63.3 Điều lệ này là bản điều lệ duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.
- 63.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

VŨ HẢI THANH

CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

DỰ THẢO

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện từ ngày ... tháng ... năm 2024

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2024

Mục Lục

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	4
Điều 2. Đối tượng áp dụng:.....	4
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 4. Áp dụng văn bản.....	4
CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
Điều 5. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	5
Điều 8. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động	5
CHƯƠNG III. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..	6
Điều 9. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	9
Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị ..	10
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 13. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	12
Điều 14. Thành viên kiêm nhiệm	13
Điều 15. Thành viên chuyên trách	13
Điều 16. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 17. Đương nhiên mất tư cách là thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 18. Các tiểu ban và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị.....	14
CHƯƠNG IV. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT, TỔ CHỨC CUỘC HỌP, ..	16
ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 19. Các hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên của Hội đồng quản trị	16
Điều 20. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	16
Điều 21. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	17
Điều 22. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị.....	18

Điều 23. Thù lao, thưởng và chi phí hoạt động.....	18
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN	20
Điều 24. Trình báo cáo hằng năm	20
Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan	20
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 26. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 27. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Điều hành	22
Điều 28. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát.....	23
Điều 29. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với các cổ đông	24
CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	24
Điều 30. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung	25

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày / /2024)

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Hội đồng quản trị” là tên gọi tắt của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam;

- “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán hiện hành hoặc quy định pháp luật khác có liên quan.;

2. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Tổng công ty cũng có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

Điều 4. Áp dụng văn bản

1. Trường hợp quy chế này không quy định thì các quy định có liên quan của pháp luật và quy định tại Điều lệ Tổng công ty được áp dụng.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật thì

áp dụng quy định mới tại Điều lệ Tổng công ty và quy định mới của pháp luật.

CHƯƠNG II.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. .

Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Tuân thủ Điều 29.6 Điều lệ Tổng công ty và quy định pháp luật.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động

Hội đồng quản trị có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, gồm 01 Chủ tịch và các thành viên. Việc phân công nhiệm vụ và điều chuyển nhiệm vụ giữa các thành viên Hội đồng quản trị phụ thuộc vào tình hình thực tế và hoạt động kinh

doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ, do Hội đồng quản trị quyết định.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

CHƯƠNG III.

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 10. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Quyết định, thông qua, phê duyệt tất cả các vấn đề của các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty theo đề xuất, báo cáo của người đại diện phần vốn của Tổng công ty, ngoại trừ các vấn đề sau thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Tổng Công ty:

(i) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty.

(ii) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn, về việc phát hành trái phiếu của các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty.

(iii) Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ cổ phần, phần vốn góp mà

Tổng Công ty nắm giữ tại các công ty con, công ty liên kết. Tất cả các vấn đề khác liên quan đến thoái vốn của Tổng Công ty tại các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty, bao gồm nhưng không giới hạn việc lựa chọn đơn vị tư vấn, lựa chọn đơn vị định giá, phương án và giá khởi điểm khi thoái vốn.

(iv) Quyết định, thông qua, phê duyệt phương án chuyển đổi hình thức sở hữu của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty.

(v) Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; quyết định tổ chức lại công ty; quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty của các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty.

(vi) Lựa chọn đơn vị tư vấn, lựa chọn đơn vị kiểm toán tại các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty.

(vii) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và hợp đồng khác do điều lệ các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần quy định có giá trị ít nhất 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của các công ty này, hoặc các hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và hợp đồng khác do điều lệ các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty hoạt động dưới mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn quy định có giá trị ít nhất 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của các công ty này.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quyết định phân công của Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty.

- Bầu, biểu quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ.

- Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, trừ trường hợp không được biểu quyết theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty; chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những ý kiến biểu quyết của mình. Trong trường hợp vắng mặt, thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

- Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về các hoạt động của Tổng công ty.

- Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.

- Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty

theo quy định của pháp luật.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và bất kỳ cán bộ quản lý nào của các đơn vị trong Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

Cán bộ quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 13. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

- Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

- Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điều 16 Quy chế này.

- Khi số lượng thành viên hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên được quy định tại Điều lệ Tổng công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập hội Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung.

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn,

Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 14. Thành viên kiêm nhiệm

Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý Tổng công ty trừ các trường hợp được quy định trong Điều lệ Tổng công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thành viên chuyên trách

Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1 thành viên chuyên trách để quản lý các hoạt động của Tổng công ty, đề xuất chiến lược phát triển Tổng công ty. Quy định về quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách do Chủ tịch Hội đồng quản trị chuẩn bị và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 16. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách nếu không đáp ứng được một trong các tiêu chuẩn và điều kiện tại Điều 29.6 Điều lệ Tổng công ty hoặc rơi vào một trong các trường hợp cụ thể sau:

- Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm nhiệm vụ được giao.

- Vi phạm pháp luật, bị kết tội và truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có hành vi chuyển dịch cơ hội kinh doanh để thu lợi cho bản thân và người liên quan, gây thiệt hại cho Tổng công ty.
- Tiết lộ bí mật kinh doanh của Tổng công ty.
- Vi phạm các nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo pháp luật, Điều lệ Tổng công ty hoặc Quy chế này mà theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng quản trị là nghiêm trọng.
- Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- Các trường hợp khác được quy định tại Điều 29.7 Điều lệ Tổng công ty.

Cách thức và thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều 29.3 và 29.5 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 17. Đương nhiên mất tư cách là thành viên Hội đồng quản trị

- Mất năng lực hành vi dân sự, chết.
- Không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
- Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.
- Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
- Bị trục xuất khỏi nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Các tiểu ban và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Thư ký công ty:

Hội đồng quản trị có thể giao nhiệm vụ Thư ký công ty cho một hoặc một

số cá nhân/ bộ phận chức năng phù hợp với lĩnh vực nghiệp vụ. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký công ty được quy định như sau:

- Hỗ trợ tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.

- Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

- Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;

- Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

- Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

- Các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao

- Chức danh Thư ký công ty có thể được thay đổi tên gọi cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong từng giai đoạn cụ thể và do Hội đồng quản trị quyết định.

- Số lượng Thư ký công ty, chi phí hoạt động, tiền lương và tiền thưởng do Hội đồng quản trị quyết định. Các chi phí này hạch toán vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty.

- Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm các chức danh trợ lý, cố vấn cao cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị cho một hoặc một số các cá nhân được giao nhiệm vụ Thư ký công ty.

- Thư ký công ty có thể kiêm nhiệm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tổ giúp việc để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình khi thấy cần thiết. Thành phần, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và cơ chế hoạt động của các Tổ giúp việc do Hội đồng quản trị quy định cụ thể trong các Quyết định thành lập.

3. Ngoài bộ máy giúp việc tại Khoản 1, 2 Điều này, các phòng/ ban/ trung tâm thuộc Tổng công ty thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc Hội đồng quản trị sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu thấy cần thiết) để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

4. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.

CHƯƠNG IV.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT, TỔ CHỨC CUỘC HỌP, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Các hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên của Hội đồng quản trị

Thông qua các thành viên chuyên trách đã được Hội đồng quản trị uỷ quyền, Hội đồng quản trị sẽ thường xuyên kiểm tra giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty để kịp thời đưa ra các quyết định mà Hội đồng quản trị cho rằng Quyết định đó tuân thủ theo đúng qui định của pháp luật và đảm bảo lợi ích cho Tổng công ty.

Điều 20. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều 33 Điều lệ của Tổng công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo

đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Tổng công ty. Việc các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp ký tên vào các biên bản họp tuân theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ Văn phòng Tổng công ty.

Điều 21. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Tổng công ty, phải đảm bảo các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Kết quả giám sát đối với Ban Điều hành, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, người điều hành khác của Tổng công ty.

4. Báo cáo về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

5. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có); Các kế hoạch trong tương lai.

6. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty, Báo cáo tài chính, Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

Điều 22. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng phương tiện và bộ máy quản lý Tổng công ty để thực hiện công việc hàng ngày theo chức năng nhiệm vụ được quy định.

2. Văn phòng Tổng công ty có trách nhiệm nhận và chuyển tất cả các tài liệu đến và đi của Hội đồng quản trị. Những văn bản thuộc trách nhiệm Hội đồng quản trị phải được gửi đến Hội đồng quản trị kịp thời. Văn bản có tính chất điều hành thì gửi thẳng cho Tổng Giám đốc và sao gửi cho Hội đồng quản trị để theo dõi. Sao gửi cho Hội đồng quản trị những tài liệu liên quan đến quản lý nhà nước, các quyết định điều hành của Tổng Giám đốc và báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm của Tổng công ty cũng như các đơn vị thuộc Tổng công ty.

3. Khi thấy cần thiết, thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp làm việc với các phòng ban của Tổng công ty để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị phân công hoặc chuẩn bị ý kiến cho cuộc họp của Hội đồng quản trị. Khi làm việc, các thành viên của Hội đồng quản trị có thể chất vấn, trao đổi, nhưng không được vi phạm chức năng điều hành của Tổng Giám đốc và phải thông báo trước với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Mọi vấn đề thuộc trách nhiệm điều hành của Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị phải trực tiếp trao đổi với Tổng Giám đốc để có biện pháp giải quyết kịp thời.

4. Các phòng ban nghiệp vụ và các đơn vị trong Tổng Công ty có trách nhiệm cung cấp các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của các thành viên của Hội đồng quản trị và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu đã cung cấp.

Điều 23. Thù lao, thưởng và chi phí hoạt động

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được chỉ định thay thế) được nhận thù lao và thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thù lao công việc

được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác (nếu có) được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có).

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này

không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V.

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Điều 24. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh

của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

CHƯƠNG VI.

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc mà các thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác

nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 27. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Điều hành

1. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu Ban điều hành. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.

2. Ban Điều hành dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra và giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị phát hiện các vấn đề không có lợi ích cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị bằng văn bản lên Đại hội đồng cổ đông.

3. Ngoài các công việc phải trình Hội đồng quản trị thì Ban Điều hành dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc có quyền chủ động quyết định điều hành sản xuất kinh doanh theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc đã được Hội đồng quản trị ban hành. Các quyết định vượt quá thẩm quyền cho phép trong trường hợp khẩn cấp (Nguy cơ chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố...),

thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Tổng Giám đốc phải báo cáo bằng văn bản định kỳ hàng tháng, hàng quý về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ và phương hướng trong thời gian tới của Tổng công ty cho Hội đồng quản trị.

5. Hàng quý, hàng năm Hội đồng quản trị tổ chức họp với Ban Điều hành để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên trong kỳ, trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp hàng tháng để chỉ đạo trực tiếp các công việc cần thiết.

6. Các cuộc họp do cấp trên hoặc các cơ quan liên quan mời (trừ mời đích danh) thì tùy tính chất của cuộc họp để phân công cụ thể.

a) Các cuộc họp quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý các vấn đề vướng mắc lớn của Tổng công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cùng dự hoặc một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo nội dung cuộc họp cho nhau.

b) Những cuộc họp liên quan đến chủ trương, chính sách có tính chất điều hành thì Tổng Giám đốc tham dự, sau đó thông báo lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu Tổng Giám đốc không tham dự được thì thành viên Hội đồng quản trị tham dự, sau đó thông báo lại cho Tổng Giám đốc.

Điều 28. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

3. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông khi cần thiết.

4. Hàng quý, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tổ chức họp chung để trao đổi, thảo luận các vấn đề của Tổng công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.

5. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

6. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 29. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với các cổ đông

1. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phải thiết lập và duy trì mối quan hệ thường xuyên với các cổ đông; thực hiện đầy đủ các nội dung của Điều lệ liên quan đến các cổ đông.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của cổ đông, cần giải thích rõ ràng, giải quyết triệt để các ý kiến, khiếu nại của cổ đông nhằm duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa Hội đồng quản trị và các cổ đông của Tổng công ty.

CHƯƠNG VII.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này gồm 07 Chương, 30 Điều, có hiệu lực kể từ ngày .../.../2024.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét quyết định.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

DỰ THẢO

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành theo Nghị quyết số...../NQ-ĐHĐCĐ ngày ...tháng ...năm 2024 của
Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)

Hà nội, ngày tháng năm 2024

Mục lục

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Cơ sở pháp lý	4
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 3. Giải thích từ ngữ	5
Chương II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp	6
Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 10. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 11. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 12. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết	8
Điều 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 14. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 16. Các trường hợp được và không được họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	10
Điều 17. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	10
Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	12
Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 19. Các quy định chung về Hội đồng quản trị	12
Điều 20. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 21. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 22. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 23. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	14

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 26. Cách thức giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị	15
Điều 27. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	16
Chương IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 28. Các quy định chung về họp Hội đồng quản trị	16
Điều 29. Thông báo họp Hội đồng quản trị	16
Điều 30. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	17
Điều 31. Cách thức biểu quyết	18
Điều 32. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị	18
Điều 33. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị	18
Điều 34. Công bố thông tin về Nghị quyết Hội đồng Quản trị	19
Chương V: BAN KIỂM SOÁT	19
Điều 35. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	20
Điều 36. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát	20
Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	20
Điều 38. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty	20
Điều 39. Cách thức bầu Kiểm soát viên	21
Điều 40. Bầu Trưởng Ban Kiểm soát	21
Điều 41. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	21
Điều 42. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	22
Điều 43. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát	22
CHƯƠNG VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN	22
Điều 44. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	22
Chương VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	22
Điều 45. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp	23
Điều 46. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp	23
Điều 47. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp	24
Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp	24
Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp	24

Chương VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.....	24
Điều 50. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành.....	24
Điều 51. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc	25
Điều 52. Tổng giám đốc.....	25
Điều 53. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.....	25
Điều 54. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	26
Điều 55. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	26
Điều 56. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc.....	27
Chương IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	28
Điều 57. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.....	28
Chương X: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	30
Điều 58. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty	30
Điều 59. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	30
Điều 60. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	31
Điều 61. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	31
Điều 62. Quyền và nghĩa vụ của của Người phụ trách quản trị công ty	31
Chương XI: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ.....	31
Điều 63. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về quản trị nội bộ	31
Chương XII: NGÀY HIỆU LỰC.....	31
Điều 64. Ngày hiệu lực	31

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

1. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty được xây dựng căn cứ theo các quy định của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Căn cứ Điều lệ Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam; Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và cán bộ điều hành khác của Tổng công ty.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;
2. Đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
4. Đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;
5. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
6. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
7. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc;
8. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
9. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty.

2.2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a. “Quản trị Công ty”: là hệ thống các quy tắc bao gồm: Đảm bảo cơ cấu hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông và công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng công ty.
 - b. “Tổng công ty/Công ty”: là Công ty Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.
 - c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua ở từng thời điểm.
 - d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Tổng công ty.
 - e. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.
 - f. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020, Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán 2019.
 - g. “Người điều hành doanh nghiệp”: là Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.
 - h. “Người phụ trách quản trị Tổng công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

Chương II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều 19 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường trong các trường hợp theo quy định của pháp luật và tại Điều 18 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Thời gian lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tuân theo Điều 22 Điều lệ Tổng công ty.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đối với Đại hội đồng cổ đông thường niên, sau khi có báo cáo kiểm toán, Hội đồng quản trị Tổng công ty họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội. Đối với Đại hội đồng cổ đông được triệu tập trong các trường hợp khác, thời điểm thực hiện triệu tập tuân theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ Tổng công ty.
2. Hội đồng Quản trị hoặc người khác có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị các công việc sau:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong thời hạn quy định tại Điều 22 của Điều lệ Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ các thông tin theo quy định của pháp luật và Quy chế này.
 - b. Chuẩn bị nội dung, chương trình đại hội, xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.

c. Chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Tổng Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty (website) và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty đã niêm yết) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội cổ đông.

d. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức bảo đảm, ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

Người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông, quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp tuân theo quy định của pháp luật và Điều 18 và 22 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Tổng công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 11. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tuân theo Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 23 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 12. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

3. Theo quyết định của ít nhất sáu mươi lăm (65)% tổng số cổ đông tham dự cuộc họp, Chủ tọa phải mời tổ chức trung lập thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề nhạy cảm. Trong trường hợp này, việc kiểm phiếu phải có chứng kiến của ít nhất hai (02) cổ đông trong số những người yêu cầu phải có tổ chức trung lập kiểm phiếu.

Tổ chức trung lập được mời kiểm phiếu là tổ chức trong nước bất kỳ do Chủ tọa lựa chọn với điều kiện là tổ chức này không phải là người có liên quan của những người có quyền và nghĩa vụ trong vấn đề nhạy cảm mà Đại hội đồng cổ đông đang thảo luận, không phải là Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình thông qua.

5. Điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tuân theo quy định của pháp luật và Điều 25 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu Thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào Biên bản cuộc họp nếu Nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày Biên bản, Nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Tổng công ty.

2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy chế này.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

5. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định của pháp luật và Điều 11 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 14. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập Biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Biên bản phải bao gồm các nội dung cơ bản quy định tại Điều 27 Điều lệ Tổng công ty.

3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo Biên bản tại Đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên phải liên đới chịu trách nhiệm

về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự và các tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua, Tổng công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Biên bản họp, Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

Điều 16. Các trường hợp được và không được họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có thể tổ chức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ các vấn đề phải được thông qua tại cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều 25 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 17. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý

kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp 2020. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp 2020.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; ; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Tùy thuộc vào điều kiện và khả năng áp dụng khoa học công nghệ, Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Các quy định chung về Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó ít nhất 1/3 số thành viên phải là thành viên không điều hành. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ, thì những người này sẽ tiếp tục giữ vị trí thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi các nhân sự mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều 30 Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 20. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác.

Điều 21. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông hợp thành nhóm để đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp khác biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên có quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.
2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử nêu tại khoản 1 Điều này mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị phải được gửi về cho Hội đồng quản trị đương nhiệm chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.
4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

Điều 22. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ

tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự của bảng chữ cái tiếng Việt, có đóng dấu của Tổng công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, ứng viên trúng cử Hội đồng quản trị phải đạt tỷ lệ phiếu bầu ít nhất 51% tổng số cổ phần của các cổ đông và người đại diện cổ đông dự họp tại Đại hội đồng cổ đông.

7. Nếu bầu vòng thứ nhất mà không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có tỷ lệ lớn hơn 51% thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu vòng thứ hai đối với những ứng viên còn lại cho tới khi đủ thành viên Hội đồng quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

8. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

9. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Điều 23. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Đại hội đồng cổ đông.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tương ứng áp dụng cho một thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong cuộc họp gần nhất. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
2. Có đơn từ chức và đơn từ chức được chấp thuận;
3. Bị rối loạn tâm thần, mất năng lực hành vi;
4. Không tham dự các hoạt động của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.
7. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, Tổng công ty phải gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty đã niêm yết, đăng ký giao dịch) Bản cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị mới (nếu có).

Điều 26. Cách thức giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện

nhệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các chức danh quản lý (gồm cả chức danh Hội đồng quản trị) mà ứng viên đang giữ tại Tổng công ty và doanh nghiệp khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 27. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ Tổng công ty.

Chương IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Các quy định chung về họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần, và có thể họp bất thường.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Điều 29. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc

hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.

2. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt, và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

Điều 30. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

4. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín hoặc phải được bảo mật nếu được gửi bằng thư điện tử và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác thay mặt tham dự, thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội

đồng quản trị còn lại chấp thuận. Việc ủy quyền cho người khác đến dự họp, thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định của pháp luật dân sự về hợp đồng ủy quyền, thời hạn thực hiện hợp đồng ủy quyền, nội dung các quyền được ủy quyền.

Điều 31. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại điểm khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Quy chế này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các Giao dịch với người có liên quan theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty mà thành viên đó có liên quan. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến Giao dịch với người có liên quan của một thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi của Giao dịch với người có liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả thành viên dự họp.

Điều 32. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 33. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp bao gồm các nội dung

chính sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- f. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- g. Các vấn đề đã được thông qua;
- h. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, f và g khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

5. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài khác, có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 34. Công bố thông tin về Nghị quyết Hội đồng Quản trị

Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật về chứng khoán.

Chương V: BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan độc lập trong Tổng công ty với vai trò kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính của Tổng công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 40, 43, 44, 45 và 46 của Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật.
3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.

Điều 36. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm từ ba (3) đến năm (5) thành viên. Số lượng kiểm soát viên cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá năm (5) năm và kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trường hợp các kiểm soát viên kết thúc nhiệm kỳ vào cùng thời điểm mà các kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì các kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 38. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty

1. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty được thực hiện tương tự quy định tại Điều 21 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến

hành đề cử.

Điều 39. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.
2. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 40. Bầu Trưởng Ban Kiểm soát

1. Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Ban Kiểm soát của Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số.
2. Ngoài các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, Trưởng Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.

Điều 41. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3, điều 38 Điều lệ Tổng công ty;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 42. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại hoặc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, Tổng công ty phải gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty đã niêm yết, đăng ký giao dịch) Bản cung cấp thông tin của thành viên Ban Kiểm soát mới (nếu có).

Điều 43. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo Điều 42 của Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 44. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Tùy từng thời điểm, Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ.
2. Các tiểu ban gồm ít nhất 03 thành viên, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài, trong đó thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số và một trong các thành viên này sẽ được bầu làm trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Các thành viên các tiểu ban phải là người có kiến thức chuyên môn, am hiểu các lĩnh vực mà tiểu ban đó phụ trách.
4. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ các quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên của Hội đồng quản trị.
5. Việc thực thi các quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty,
6. Hội đồng quản trị quy định chi tiết việc thành lập, quyền và trách nhiệm cụ thể của các tiểu ban này.

Chương VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 45. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Tổng Giám đốc

Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và:

- a. Là cổ đông của Tổng công ty và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;
 - b. Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng.
- a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định về pháp luật kế toán;
 - b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.
 - c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên. Phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.
 - d. Có thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

Điều 46. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
3. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được sử dụng số lượng Người điều hành cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Tổng Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự miễn cấn cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Điều 47. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp

1. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc (nếu có) sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi xem xét đề nghị của Tổng giám đốc.

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
2. Khi Tổng giám đốc hết nhiệm kỳ và không được tái bổ nhiệm.
3. Căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
4. Có đơn từ chức và được chấp thuận của Hội đồng quản trị.
5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại hoặc bãi nhiệm Người điều hành, Tổng công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, Tổng công ty phải gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp công ty đã niêm yết, đăng ký giao dịch) Bản cung cấp thông tin của Người điều hành mới (nếu có).

Chương VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 50. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị có thể mời Trưởng Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm một số thành viên Ban Điều hành tham dự một số cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Điều hành được mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Trưởng Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi kết thúc cuộc họp.
2. Tại các phiên họp của Ban Kiểm soát có nội dung quan trọng, Trưởng Ban Kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Điều hành

tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng Ban Kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Điều hành trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi kết thúc cuộc họp.

3. Ban Kiểm soát thông báo kịp thời với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát, đồng thời làm việc với Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông.

4. Tại các cuộc họp của Ban Điều hành có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát tham gia cuộc họp của Ban Điều hành để thảo luận những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người nhận ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 51. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Bản sao các văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 52. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo Tổng công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
2. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
3. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều 35, 43, 44, 45 và 46 của Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 53. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác, nội dung văn bản đó phải nêu rõ mục đích họp, vấn đề cần thảo luận.
2. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 1 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các Công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Tổng Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

Điều 54. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Theo định kỳ hàng tháng, Tổng giám đốc phải tổ chức họp Ban Điều hành để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành. Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn và đưa thông tin vào các báo cáo của Ban Điều hành.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

3. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Điều hành cũng như các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng giám đốc báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 55. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức

báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch hàng năm để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, sử dụng và các chế độ chính sách đối với người lao động tại Tổng Công ty.
3. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp.
4. Tổng giám đốc chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty.
5. Các nội dung khác Tổng giám đốc cần phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.
6. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Tổng Công ty.
7. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 56. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Điều hành sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.
2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Điều hành có thể thông tin ngay (gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.
3. Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị có quyền truy vấn thông tin, số liệu, hồ sơ của Tổng Công ty trực tiếp qua các cán bộ, nhân viên phụ trách chuyên môn của

các Phòng, ban trong Tổng Công ty. Trao đổi trực tiếp, gián tiếp giữa các thành viên Ban Kiểm soát để làm sáng rõ các vấn đề quan tâm, phục vụ lợi ích chung.

Chương IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 57. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành khác

1. Phương thức đánh giá hoạt động

Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác của Tổng Công ty có thể được tiến hành theo một số phương thức sau:

- a. Tự nhận xét, đánh giá;
- b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- c. Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động

- a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Điều hành và các người điều hành doanh nghiệp khác căn cứ vào kế hoạch đề ra từng năm, mức độ hoàn thành kế hoạch của từng thành viên.
- b. Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

3. Khen thưởng, kỷ luật

- a. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- b. Tổng giám đốc điều hành có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các chức danh quản lý do Tổng giám đốc bổ nhiệm.
- c. Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Tổng Công ty thực hiện theo quy chế về kỷ luật do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

4. Đối với thành viên Hội đồng quản trị

- a. Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị) theo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm, dựa theo các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều

lệ Tổng Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Hội đồng quản trị có quyền sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật về Quy chế thi đua khen thưởng của Hội đồng quản trị.

c. Kỷ luật: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

5. Đối với thành viên Ban Kiểm soát

a. Đánh giá hoạt động: Ban Kiểm soát sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Trưởng ban) theo định kỳ 06 (sáu) tháng và hàng năm dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát.

b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, báo cáo đánh giá nhận xét cuối năm đối với Người quản lý công ty và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, Trưởng ban Kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị thẩm định quyết định sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật về Quy chế thi đua khen thưởng của Hội đồng quản trị và các văn bản pháp luật về chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

c. Kỷ luật: Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Các thành viên Ban Kiểm soát có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

6. Đối với Tổng giám đốc và các người điều hành khác

a. Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ đánh giá năng lực, phẩm chất, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc và các người điều hành khác theo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng ban Kiểm soát.

b. Khen thưởng: Căn cứ báo cáo đánh giá nhận xét cuối năm đối với Người quản lý công ty và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Hội đồng quản trị có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung (trong đó có Tổng giám đốc và các người điều hành khác), xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của Hội đồng

quản trị và các văn bản pháp luật về chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

c. Kỷ luật: Tổng giám đốc và các người điều hành khác chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

d. Kiểm điểm: Tùy thuộc vào thực tế thực hiện công việc của Tổng Giám đốc và kết quả hoạt động kinh doanh, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ tổ chức họp Hội đồng quản trị bất thường để kiểm điểm việc thực hiện từng nghị quyết và từng vấn đề khác mà Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị ủy quyền nếu như việc thực hiện của Tổng Giám đốc không đạt yêu cầu hoặc gây kết quả bất lợi cho Tổng Công ty. Nội dung kiểm điểm được thể hiện tại nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, được gửi cho Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát và được sử dụng làm tài liệu đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật hàng năm của Tổng Giám đốc.

7. Trách nhiệm về thiệt hại

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

8. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh, bổ sung quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.

Chương X: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 58. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Tùy từng thời điểm, theo nhu cầu công việc của Hội đồng quản trị hoặc theo quy định của pháp luật, Tổng Công ty có thể có Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 59. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng Công ty được thực hiện một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Thụ ký công ty có thể kiêm nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 60. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 61. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 62. Quyền và nghĩa vụ của của Người phụ trách quản trị công ty

Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị tuân theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ Tổng Công ty.

Chương XI: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

Điều 63. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về quản trị nội bộ

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

Chương XII: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 12 chương 64 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày tháng năm 2024.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty phải có chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH